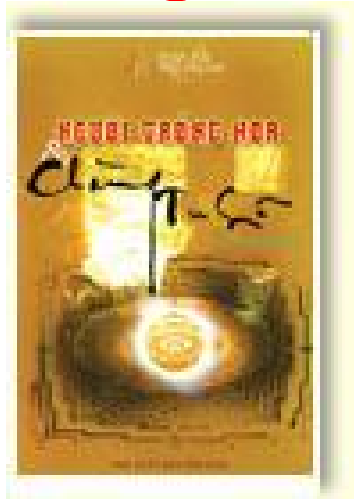


# Người Trồng Hoa Và Chàng Tu Sĩ



Tập truyện ngắn  
Minh Đức Triều Tâm Ảnh

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

*Chuyển sang ebook 11-07-2015*

*Người thực hiện :*

*Nguyễn Ngọc Thảo - thao\_ksd@yahoo.com.vn*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

Mục Lục

Ván Cờ Sinh Tử  
Người Trồng Hoa Và Chàng Tu Sĩ  
Sâm Thương Thảo  
Hoa Thiên Hương  
Kẻ Được Chân Truyền  
Mảnh Trăng Tiền Kiếp  
Đạp Tuyết Tâm Mai  
Say Hoa

Bí Mật Võ Đạo  
Lên Non  
Ma Không Đầu  
Chiếc Áo Cũ  
Bức Tranh Cuối Cùng

---o0o---

## Ván Cờ Sinh Tử

### Lời vào truyện

Có bao giờ chúng ta nghe từ miệng một vị thiền sư dạy Đạo cho môn sinh như thế này chưa:

“- Nay chur tử! Thuở còn trai trẻ, làm kiếm khách áo trắng, ta ít khi rút kiếm ra khỏi bao, rút ra là phải chém. Hàng tục sĩ gọi ta là Kiếm vương.

Này chur tử! Thuở còn trai trẻ, làm giang hồ kỳ thủ, ta ít khi chơi cờ. Khi đã chơi, một quân cờ đặt xuống - trọng lượng một quả núi - sẽ kết thành định mệnh. Định mệnh không lập lại hai lần. Dòng sông đã chảy, vậy thì những quân cờ kể tục đi đến chung quyết. Không do dự. Không ngập ngừng. Người đời gọi ta là Kỳ vương.

Này chur tử! Kiếm vương ta cũng bỏ. Kỳ thủ ta cũng lìa, khoác tay nải, dép cỏ, nón mê lang thang học Đạo. Ba mươi năm chí thú tinh cần mới thấy được cửa vào. Mười năm lên núi sâu thiền tu, tịch mặc. Sở chướng đã trừ. Mê làm đã tuyệt. Núi cũng là núi. Sông cũng là sông thôi. Kiếm vương kia thành Kiếm đạo. Kỳ vương kia thành Kỳ đạo. Tại sao như thế?

Này chur tử! Nay ta có mấy lời tâm huyết, như dao chém đá, như kiếm xuyên mây. Hãy nghe mà lập tâm lập hạnh. Đốt cháy kiến hoặc, dội tắt nghi tình, vào chốn ngũ trần mà thông dong tự tại.

Hãy nghe đây! Phàm người tu Phật, một niệm phóng đi, tác thành nghiệp báo. Vậy hãy như tay Kiếm vương kia, chớ có khinh suất mà ra chiêu, đừng cho ý tưởng tự do khởi động. Khi ngưng tụ sinh lực. Lúc buông xả nghỉ ngơi. Hãy xuất niệm như xuất kiếm. Đã xuất là phải đạt.

Này chur tử! Phàm người tu Phật, phải tinh luyện tư duy, khổ hạnh tư duy. Một tư duy đặt trên đối tượng. Một tư duy dẫn dắt hành động. Phải như tên Kỳ thủ kia, một quân cờ đặt xuống, trọng lượng một quả núi. Dòng sông không chảy hai lần. Đừng do dự. Đừng ngập ngừng. Quân cờ đặt xuống là tác thành định mệnh, tác thành nhân quả, nghiệp báo.

Này chư tử! Hãy xuất cò! Hãy xuất niệm! Hãy xuất kiếm! Bước tới! Không ngoảnh đầu! Không có sinh tử giữa dòng chảy trôi liên li! Không có sau trước giữa vòng tròn vô thi, vô chung!”

Bài giảng kia đã từ một tu viện thâm u trên núi cao, đâm xuyên qua mây đỉnh mây mù, băng tuyết, rơi xuống, cắm vào giữa lòng các đô thị. Người ta tỉnh giấc, bàng hoàng. Ngàn năm Phật giáo kinh điển, từ chương, thụ động, tiêu cực, đắm say bùa chú, hương khói vật vờ; chợt đứng dậy, vươn cao, nắm định mệnh mình bước đi như thót voi lâm trận, hùng dũng ho to, cánh sát cánh, vai sát vai...; ánh lửa trí tuệ bùng lên, thổi sinh khí, đem cái đẹp, sức mạnh và tự do tối thượng cho con người.

Phật giáo từ thời Khâm Minh Thiên Hoàng, đến đây, hậu bán thế kỷ XV, sống lại, mang cơ thể mới, tinh thần mới, dẫn Nhật Bản đi vào thời đại phú cường. Công lao ấy có ai ngờ rằng, có sự đóng góp từ trí tuệ của một người: thiền sư Dai-so-kim! Ngài tịch năm 1491, nơi một am thất nhỏ ở Keti phía nam Tây hải đạo.

Truyện ngắn sau đây thuật lại một trường hợp dạy Đạo của người. Thanh niên Ka-jo-ju sau khi thất vọng về đường công danh, tình yêu, sự nghiệp bèn tìm đến một tu viện trên non cao và thưa với Tu viện trưởng:

- Thưa ngài! Con đã thấy rõ bộ mặt thật của cuộc đời nên mong muốn giải thoát khỏi những đau khổ. Thế nhưng, con không có khả năng hành trì một thứ gì lâu dài. Không bao giờ con có thể sống nhiều năm trong thiền định, học tập, giới luật hay cái gì nghiêm túc tương tự như vậy. Con sẽ thôi chí và rơi trở vào cuộc đời, dầu biết rằng mình không còn chịu đựng được. Quyên sinh là biện pháp hay nhất, có lẽ... Thưa ngài! Vậy thì còn có con đường nào ngắn nhất, dễ dàng nhất dành cho những kẻ như con hay không?

- Có chứ! Tu viện trưởng một thoáng lạ lùng nhìn người thanh niên rồi trả lời - nếu con trung thực! Nhưng hãy cho ta biết là con đã học những thứ gì? Sở tri ra sao? Có thể có những khả năng như thế nào? Thảng hoặc, con thường hay tập trung tâm ý nhiều nhất vào chuyện gì?

Ka-jo-ju có vẻ nghĩ ngợi, sau đó, y thở dài thườn thọt:

- Ôi! Thực sự thì không có thứ gì! Con chưa nghĩ là mình phải nên như thế này hoặc nên như thế nọ! Và chẳng, mục đích của sự học cũng chỉ đưa đến hư vô và phù phiếm! Công danh, sự nghiệp giữa cuộc đời này cũng chỉ là giấc mộng đầu hôm. Hiện giờ gia đình con lại khá giả nên con không cần phải làm việc. Riêng về sở thích thì... tuyệt, con thích đánh cờ nhất! Cả đời dường như tâm trí con chỉ tập trung vào đó thôi. Trong vài cuộc tranh giải gồm những kỳ thủ già dặn bốn phương, thỉnh thoảng con cũng giật được phần thưởng ưu hạng.

- Rất tốt! Tu viện trưởng gật đầu - chưa đến nỗi phải bỏ đi. Nhưng mà điều này mới thật là quan trọng, con có niềm tin nào nơi ta không chứ?

- Con đã chọn lựa.

- Thế nào?

- Ngài là Kiếm vương - Thanh niên Ka-jo-ju chột nói lớn - lại là Kỳ vương nữa. Ngài đã dùng sức mạnh của đạo đức và trí tuệ để thu phục nơi tu viện này những con ngựa hung hăng nhất, những tay giang hồ kiêu ngạo và bạc hãnh nhất... Không cần phải nói rằng người ta tin phục ngài như thế nào, ngài Tu viện trưởng ạ!

- Hỡi con, này Ka-jo-ju! Ta muốn hiểu cường độ tín phục ấy ở nơi riêng con thôi.

Nghe gọi đúng tên mình, Ka-jo-ju rúng động cả châu thân. Bất giác, thanh niên đưa mắt nhìn Tu viện trưởng, và y cảm thấy một sức thu hút kỳ lạ không cưỡng được.

Ka-jo-ju gật:

- Tín phục. Con hoàn toàn tín phục.

Tu viện trưởng chậm rãi quay qua bảo thị giả:

- Vậy hãy cho gọi tu sĩ Mu-ju đến đây cùng với bàn cờ của y.

Người được gọi là một tu sĩ trẻ, rất trẻ, vóc người tầm thước, dáng dấp nho nhã, khuôn mặt sáng rỡ, tròn trặn đầy phúc hậu.

- Mu-ju con!

- Bạch thầy, con nghe.

- Bao nhiêu năm con theo ta để học Đạo. Con mời cơm, ta ăn. Ta gọi, con dạ. Ta giẫy cỏ, con cuốc đất... Tình thầy trò giữa chúng ta thật không có gì đáng phải phàn nàn cả chứ?

- Dạ, quả thế thật.

- Ta còn muốn hỏi rõ hơn nữa. Từ trước đến nay, con không hề mảy may nghi ngờ gì nơi ta đây chứ?

- Phải nói ngược lại, bạch Thầy - giọng tu sĩ trẻ chột như viên đá nặng ngàn cân - phải nói là con tín phục Thầy một cách tuyệt đối.

- Rất tốt! Vậy này Mu-ju! Ngay bây giờ ta yêu cầu ở nơi con sự tín phục “kim cương bất hoại” đó.

- Xin vâng.

Tu viện trưởng - chính là vị thiền sư Dai-so-kim - chột đứng dậy, bước tới bức tường phía đông. Ở đó có treo một thanh kiếm cổ, vỏ nạm bạc khảm xà cừ, nhưng tuế nguyệt đã phủ lên đây một lớp bụi đục. Gần nửa thế kỷ nay, ngài không đụng đến thanh kiếm ấy. Cái thời Kiếm vương trai tráng oanh liệt dường như mới hôm qua đây thôi. Ngài thò tay. Một tiếng động khe vang lên. Kiếm đã ra khỏi vỏ. Mũi kiếm sắc lạnh ngời ánh thép xanh biếc.

Thiền sư Dai-so-kim quay lại, đứng thẳng như một cội tùng gân guốc.

- Này Mu-ju! Ngài nói chậm rãi - con hãy chơi cờ với chàng thanh niên này. Và nghe đây! Nếu con thua, ta sẽ chém đầu con, nhưng ta hứa là con sẽ được

tái sanh vào cõi phúc lạc. Nếu con thắng, ta sẽ chém đầu chàng thanh niên. Suốt đời anh ta mê mải ham thích trò chơi đó, nếu để thua thì chém đầu y chẳng oan tí nào.

Hai người lạnh toát sống lưng nhìn Tu viện trưởng; và trong thoáng giây đó, họ đều hiểu rằng ngài nói thật.

Thanh niên Ka-jo-ju đứng trân, bất động, loáng thoáng theo hơi gió buốt lạnh câu nói xa xưa của Kiếm Vương: “Ta ít khi rút kiếm ra khỏi bao, rút ra là phải chém!” Bất giác, thanh niên đưa tay sờ lên cổ mình, mồ hôi lấm tấm, gai lạnh. Tu sĩ Mu-ju chỉ thoáng một giây sợ hãi như tí gợn trên mặt hồ rồi mất. Trọn đời bằng vào đức tin tuyệt đối nơi đức thầy, nên việc giao phó định mệnh không phải là điều đáng suy nghĩ lâu.

Giữa thiền đường, lư trầm nghi ngút. Cơn gió lạnh lẽo lùa qua liếp cửa. Thiền sư Dai-so-kim ngồi xuống sau làn khói lung linh mờ ảo, tay nắm chặt đốc kiếm trịnh trọng với phong độ của một bậc tôn sư. Không khí đọng lại, trang nghiêm và tĩnh mịch đến ghê người.

Cả hai người hoàn toàn bị khiếp phục. Họ bắt đầu bước vào ván cờ sinh tử. Ván cờ không còn là trò chơi nữa. Là cái gì nghiêm trọng nhất trên đời này. Ván cờ chính là cuộc đời. Ván cờ chính là sinh tử. Và cả hai hoàn toàn tập trung tâm ý vào đó không một mảy may dám xao lãng.

Chỉ vài nước khởi đầu, thanh niên đã sớm hiểu là mình đang đối đương với một địch thủ kỳ tài và già dặn. Tu sĩ trẻ lại un đúc được đức trầm tĩnh của thiền môn. Đó là những yếu tố đáng ngại. Mồ hôi từ trán chàng thanh niên chảy dài xuống ngực. Tu sĩ Mu-ju đã chiếm ưu thế mất rồi. Và như một lão ngựa tụt tin, sung sức - chỉ cần sai từng bước đều đặn giữ khoảng cách đầu ngựa.

Chiến thắng chỉ còn là thời gian.

Ka-jo-ju quên ngoại cảnh, quên bản thân, quên cả việc sống chết. Ngay giây phút này - tình yêu, công danh, sự nghiệp, ưu hận - là những đám mây đen bị xua tan một cách nhanh chóng. Tâm trí Ka-jo-ju hoàn toàn chú mục vào cái đam mê duy nhất của đời mình. Phong độ, sinh lực, thiện xảo, sự thông minh dễ dàng trở lại với chàng. Thế là Ka-jo-ju khôn khéo gỡ từng thế một. Tuy nhiên, tu sĩ Mu-ju vẫn tranh tiên. Rất chậm, vững chãi, từng bước vây hãm thành trì, không một sơ hở tối thiểu để cho chàng thanh niên lập lại thế quân bình.

Đột nhiên, thanh niên Ka-jo-ju bỏ thủ, bỏ thành trì, hy sinh quân mã, tung những đòn chớp giật. Lốp chết, lốp khác xông lên với khí thế quyết tử. Lây công làm thủ là chiến thuật bình thường, nhưng tự hy sinh quá đột ngột, liêu lĩnh và táo bạo như vậy thì quả là Mu-ju mới thấy lần đầu. Đến lượt tu sĩ trẻ toát mồ hôi, từng giọt, từng giọt rỏ xuống bàn cờ. Ka-jo-ju chỉ chờ có thế. Chỉ cần một thoáng bối rối, lưỡng lự của đối thủ là y chém đông, chém tây

những thế táo bạo - nhưng chỉ là hư chiêu - rồi rút về an toàn, bình chân như vại.

- Đệ tử vây Ngụy, cứu Triệu, hao tổn tâm cơ là chỉ mong cái thế bảo toàn - Ka-jo-ju thở phào nói - Thật ra, nếu đệ tử không thất vọng tình đời thì không đi những thế tuyệt mạng như vậy. Vì từ bi, vì trung hậu và chơn chất mà tiểu sư phụ mất thế thượng phong. Hiện giờ tiểu sư phụ dẫn hơn quân nhưng chuyện thắng bại khó biết phần ai.

Lợi dụng khi quân mã của tu sĩ đang tản mát đó đây, thanh niên kéo đôi pháo giăng về giữ trung quân. Binh lính và ngựa chặn ở ven sông. Một xa chột đông, chột tây, chột tấn, chột thoái xông xáo giữa chốn thiên binh vạn mã. Tu sĩ trẻ bắt đầu thấy mình yếu thế. Tự tin một thoáng lay động là phía tả tiền đã bị viên hổ tướng của địch phá vỡ. Lão ngựa già của đối phương được hai chốt hộ vệ chặt chẽ, hờm sẵn đã lâu, bây giờ hung hăng nhảy đến thí mạng. Thế là đôi pháo bất khuất kiên cường của tu sĩ bị loại khỏi vòng chiến.

Mu-ju đã rơi vào thế thủ. Tỉnh thoảng vẫn đánh trả những đòn đầy trầm tĩnh và nội lực nhưng thanh niên vẫn đón đỡ dễ dàng. Vào phút bất ngờ nhất, thanh niên Ka-jo-ju tung quân dự bị. Hai pháo giữ nhà đồng loạt vọt qua sông, tung đòn tối hậu.

Tu sĩ đã nguy cơ thập tử nhất sinh.

Thanh niên len lén đưa mắt nhìn vị sư. Đây là một khuôn mặt trong sáng đầy trí tuệ do bao năm tinh cần giới luật. Ôi! Một chân dung thật đẹp ở trong một tinh thần cao khiết. Thanh niên nghĩ. Vị tu sĩ này từ hòa và đôn hậu hết mực, mang linh hồn trong sáng như viên bạch ngọc không tỳ vết nhiễm ô; đâu có hắc ám, bụi bặm, hiểu chiến, táo tợn và đa sát như ta? Ôi! Một nhân cách như vậy mà bị kết liễu cuộc đời thật uổng lắm thay! Ta là gì? Một kẻ du thủ du thực, vô tích sự, ăn bám mẹ cha và xã hội; nếp sống dơ dáy, hư hỏng, nội tâm đầy dẫy những ham muốn bất chánh và hèn hạ. Giá trị đời ta chỉ có thể thôi. Rơm rác còn có ích hơn ta.

Thanh niên nhẹ thở dài. Và lòng từ bi khởi lên dịu dàng xâm chiếm lòng chàng. Ôi! Cuộc đời vô giá trị của ta nên hy sinh cho cuộc đời có giá trị.

Nghĩ thế xong, thanh niên khôn khéo tạo những sơ hở, chỉ những kỳ thủ trú danh mới biết được. Một thế, hai thế. Vậy là quá đủ cho tu sĩ lấy lại quân bình rồi chiếm luôn ưu thế tấn công.

Thanh niên Ka-jo-ju biết mình sẽ thua, lát nữa thôi, nhưng chàng không đỏ mồ hôi, không lạnh lưng, không lạnh gáy. Một an tĩnh mênh mông, thân thiết vây phủ tâm hồn chàng. Chưa bao giờ mà chàng chờ đợi cái thua - nghĩa là chờ đợi cái chết - một cách dịu dàng, trong sáng, bình lặng và thanh khiết như vậy.

Tu sĩ trẻ ngần ngại. Ngón tay vừa thò xuống quân cờ định mệnh, vội rút lui... Cũng vì lòng từ bi mà tu sĩ không nỡ hạ thủ.

Bàn cờ bất động giữa hai người.

Đối với những tay cờ ưu hạng, không có thể cuối cùng, Ka-jo-ju hiểu vậy, và vì đã nguyện hy sinh nên bỏ tay xuống...

Bỗng một làn khí lạnh lướt qua. Tu sĩ Mu-ju thoáng thấy thiền sư Dai-so-kim đứng dậy chập chờn sau làn khói hương. Và một tia chớp phủ chụp xuống đầu chàng thanh niên. Tu sĩ nhắm mắt lại, khẽ tuyên Phật hiệu...

Thiền đường lặng ngắt như tờ. Tu sĩ trẻ định thần mở mắt ra. Mắt y chột tròn vo, kinh ngạc. Cái đầu vớ tóc tai rối bù của chàng thanh niên đã bị cạo nhẵn thín. Và giọng thiền sư Dai-so-kim trầm ấm, mồn mồn bên tai:

- Chỉ cần có hai điều, Ka-jo-ju con ơi! Ấy là sự hoàn toàn tập trung tâm ý và lòng từ bi. Hai yếu tố quan trọng của Đạo Giác Ngộ. Thế mà hôm nay con đã học được cả hai. Con đã tập trung tâm ý có hiệu quả vào ván cờ. Sau đó vì lòng từ bi mà con nguyện hy sinh mạng sống mình. Thôi, hãy ở lại đây, áp dụng kỷ luật của chúng ta trong tinh thần đó. Giải thoát sẽ là kết quả đương nhiên như mũi tên đến tiêu điểm theo đường nhắm đúng.

Thanh niên Ka-jo-ju đưa tay lên sờ đầu mình, chàng mỉm cười.

---o0o---

## **Người Trồng Hoa Và Chàng Tu Sĩ**

Ngoại ô thị trấn Osaka có một lâu đài cổ, nằm trong khu vườn mênh mêng, yên tĩnh. Lâu đài chỉ còn là những bức tường đổ, lang lổ và rêu mọc. Là nơi trú ẩn của chim chuột, của những đàn dơi tung cánh phần phật. Sâu trong vườn là chiếc lều tranh rách nát: nơi nương náu của cụ già mù lòa Mê-đa-su, cùng với Tô-ki - con chó mực cũng già nua như chủ. Cả hai đều sống dai dẳng từ cái thời vàng son phú quý của lâu đài.

Cả thị trấn Osaka này không ai là không biết cái vườn hoa nổi tiếng ấy. Khách đến lâu đài thường trầm trồ thán phục những chậu hoa, những luống hoa tươi nõn, đẹp mắt. Còn hơn thế nữa, khi họ bắt chợt thấy từ trong bậu cửa, một cành hoa thò ra. Cành hoa không còn là cái gì đơn điệu - tuy vẫn là đơn điệu ấy - mà là đại biểu cho cả mùa xuân tươi thắm của đất trời. Nó ngưng tụ. Lại đón mời. Dầu bình hoa chỉ đơn sơ ít nụ hoặc chỉ vài loại hoa cỏ tầm thường trong cái đĩa, cái bình sứ mẻ, chúng vẫn tỏa ra cái vẻ toàn hảo và thanh khiết nhất. Một bình hoa như vậy, chắc hẳn là không phải do ai cắm vào! Mà nó phải được “mọc” ra từ một tâm hồn nắm vững bí quyết của nghệ thuật: cái đẹp, cái nâng bổng, cái làm cho phong phú, tươi thắm thêm cuộc sống và tình người.

Bốn mùa tám tiết, không lúc nào khu vườn ấy thiếu hoa. Đông xuống, tuyết rơi, hoa vẫn nở được trong nhà kính, ở đó có sương mù, ánh sáng lẫn khí ẩm của mùa xuân. Những bó hoa, những cành hoa, những nụ hoa từ đây được rải ra các phòng khách sang trọng nhất của thị trấn, các ngôi chùa lớn, một vài tư gia bạn thiết của lâu đài. Tuy thế, ít ai để ý đến tâm hồn nhiệm màu nào đã tạo ra chúng. Lão làm vườn Mê-đa-su cùng với con chó Tô-ki vẫn sống âm thầm bên nhau, vô danh như chưa hề có mặt.

Khi chủ nhân lâu đài qua đời vài năm, cụ già Mê-đa-su bị hỏng mắt, lý do thật ít ai ngờ đến: lão té trong một bụi tử vi. Và kỳ lạ chưa, hai mắt lão bị tối tăm vĩnh viễn! Từ đây, thị trấn Osaka không có hoa nữa. Hoa cũng có đấy nhưng nghèo nàn và cằn cỗi thế nào. Nó là sứ giả của tàn úa và tử vong. Hoa của Mê-đa-su không có vậy, nhất là những bình hoa: nó có sự sống và linh hồn.

Bây giờ, khu vườn ấy là nơi mà thiên nhiên đã chiếm ngự trọn vẹn. Những bụi thực quỳ, sơn trà, tuyết mai, mẫu đơn... đã già cỗi, sống chen chúc với rác rưởi và cỏ gai đủ loại. Ai nhìn khu vườn điêu tàn và lão làm vườn già nua mù lòa ấy mà không khởi lên một mối u hoài sâu lắng? Cái vô thường của cuộc đời cũng thật khó cho người ta cảm thông vậy thay!

Mùa đông năm ấy, Mê-đa-su hấp hối. Con Tô-ki cất giọng thê thảm tru từng hồi.

Tô-ni-ka, tên chú bé hàng xóm tốt bụng - là người bạn thân thiết sau này của cả hai - chạy qua với vẻ hốt hải:

- Có phải cha già sắp chết không, Tô-ki? Tô-ni-ka cất tiếng hỏi. Con chó nước mắt tươm ra. Tô-ni-ka hiểu. Nó thắp lên một ngọn đèn. Gió lùa từ liếp cửa trống hoác, lạnh cắt da. Ánh sáng lung linh, chập chờn.

- Tô-ni-ka đây à? Cụ già phều phào hỏi.

- Cha già ơi! Có cháu đây! Chú bé chạy lại nắm tay cụ già lắc lắc - Nằm yên tĩnh đi nào!

- Lão sắp chết. Ông tử thần đã đến với lưỡi hái. Y đang đứng ở đầu giường. Cháu có thấy không, Tô-ni-ka?

Chú bé rùng mình, nhìn quanh quất.

- Bậy nào! Đây cha già, đừng nói thế nữa. Cha già có thể sống khỏe. Coi con đau như giấc mộng thôi!

- Giấc mộng thôi - Cụ già lấp bắp - Hay lắm, như là giấc mộng thôi! Cụ lại rướn người - Tô-ni-ka! Chú bé tốt bụng! Vậy là lão đã có đủ mọi người thân thiết. Cho lão nắm tay một tí nào! Cả con Tô-ki nữa.

Cả ba yên lặng hồi lâu. Mưa lập đập ở bên ngoài. Gió rú từng cơn. Cụ già giọng như đã lạc hẳn đi:

- Suốt đời lão làm việc. Hai bàn tay lão đã làm cho thành phố nở hoa. Ôi! Hạnh phúc thay là được làm việc và được sống một đời lương thiện. Lão



không bắt mắt gì về cuộc đời. Lão thân yêu với nó. Dĩ nhiên là thân yêu vừa phải thôi. Lão thân yêu cái vườn hoa của lão hơn. Tô-ni-ka, chú bé tốt bụng! Cháu đã thấy vườn hoa mùa xuân của lão chưa?

- Hoa nở từng chòm, từng khóm, chỗ này, chỗ kia, đẹp lắm!

- Không. Không phải. Nó là những cái luống thẳng tắp. Chỗ thì như ngày hội của bướm. Chỗ thì như đám lửa phun. Chỗ thì như dòng suối tuyết... Đẹp, đẹp lắm kìa! Cụ già lại thở ra - nhưng đây là ngôi vườn xưa. Tô-ni-ka còn bé lắm. Con Tô-ki nó biết kìa! Tô-ki!

Chó nghe gọi, ve vẩy đuôi, rên ư ử.

- Con Tô-ki nó biết đấy - cụ già ngừng hơi một lát rồi thở dài - bây giờ thì đã hơn mười năm lão không thấy nữa - giọng cụ già lớn hơn một tí - Tô-ni-ka! Từ khi lão bị mù, thành phố không có hoa nữa phải không?

- Vẫn bán đầy ở chợ ấy chứ! Hoa mồm chó, hoa móng lợn, hoa mòng gà, hoa mâm xôi, hoa cút chuột, hoa vạn thọ, hoa cúc đại...

- Đúng. Đúng. Đúng. Cụ già gật liên hồi - Chỉ có thể thôi. Đúng là không có lão, thành phố không nở hoa! Còn cái chuyện cấm hoa nữa - giọng cụ già như sôi nổi hẳn lên - cái đó mới kỳ diệu! Người đời phức tạp, rối ren, nhiều tham muốn quá. Chỉ nhìn bình hoa của họ là lão thấy ngay. Lão giảo lược một tí. Lão cắt một tí, xén một tí nữa.

Đột ngột, cụ già im lặng. Một màn đen như phủ trong mắt. Tô-ni-ka cho cụ già uống một hớp nước. Con Tô-ki vẫn ư ử ở bên chân.

- Tô-ni-ka! Chú bé tốt bụng! Hiện giờ đây lương tâm lão không có yên ổn. Dầu là một hạt bụi nhỏ, lão cũng không làm ác, tuy thế, lão không thanh thản để nhắm mắt ra đi.

- Cha già ơi! Cha già cứ nói. Biết đâu cháu có thể giúp đỡ cha già được cái gì đó.

- Chú bé tốt bụng! Lão nói với cháu điều này. Lão có một ông Phật...

- Cái đó thì cháu biết đấy.

- Ồ, thế thì rất tốt. Vậy cháu hãy kiếm cho lão một tượng Phật, treo lên đầu giường, đốt một lư trầm, rồi đọc cho lão nghe một bài kinh sám hối.

- Khó đấy! Cả vùng này có ai yêu Phật đâu, ngoài cha già và Tô-ni-ka? Nhưng lò trầm và kinh sám hối thì có ngay.

Chú bé vù ra cửa. lát sau, lư trầm được đốt lên, âm cúng, thơm thoang thoảng, nó xua tan ngay âm khí và sự cô liêu. Lời kinh từ miệng đứa bé vang vang trong lều. Đại ý là: tội lỗi con đã nhiều, từ vô thi đến nay. Vậy con xin sám hối với ba đời chư Phật...

- Thôi! Thôi! Cụ già nói - Có lẽ không phải là cái ấy. Cái ấy không làm cho lão yên tâm.

Im lặng một lát.

- Này Tô-ni-ka! Lão muốn sám hối với một người. Cháu có thể giúp lão điều đó không?

- Có thể được! Đứa bé gật - Bên kia thung lũng có một tu viện. Cháu sẽ đến đó tức khắc và thỉnh một ông thầy tu.

- Không! Không! Lão không thích thầy tu.

Chú bé ngơ ngác. Cụ già Mê-đa-su tiếp:

- Như thế này, Tô-ni-ka! Cháu hãy đi ra đường và mời người đầu tiên mà cháu gặp. Lão sẽ sám hối với người ấy. Không ai nỡ từ chối lời thỉnh cầu của người sắp chết đâu, Tô-ni-ka.

- Có ngay!

Chú bé vụt chạy đi. Chú nổi da gà khi băng qua khu vườn tối đen, lạnh lẽo. Mưa lay lắt và gió buốt xương. Đám mây đen đục từ trời cao như sa xuống thấp. Một ánh đèn le lói phía cuối đường. Đêm đông, dường như mọi sự sống đều cuộn mình trong lớp kén dày. Đường sá vắng ngắt. Một bóng đen đang chậm rãi bước ven lộ, gục gặc đầu. “À, y đang ngâm thơ!”

- Hãy đứng lại! Chú bé hét to.

Bóng đen giật mình thối lui, nom cho rõ.

- A, chú bé con! Ghê gớm thế! Chú bé thân mến, có chuyện gì nào?

“Thì ra là người đàn ông, tốt!” Chú bé làm thảm rồi vội vã đến cầm tay bóng đen, cố gắng diễn tả tóm tắt lời thỉnh nguyện của lão làm vườn.

- Được! Được! Người đàn ông gật đầu - Sám hối, ấy là cái sự vụ rất đàng hoàng, rất nghiêm chỉnh. Ta đi nào.

Họ dắt tay nhau lầm lũi đi vào nhà. Dưới ánh sáng của ngọn đèn yếu ớt, Tô-ni-ka cũng nom rõ người đàn ông gầy gò bé nhỏ. Y cởi khăn quàng để lộ cái đầu trọc. Y cởi luôn chiếc áo choàng ngăn mưa, bên trong là chiếc áo nâu rêu giản dị, sạch sẽ. Đôi giày đi mưa đã cũ nhưng lành lặn. Tóc muối tiêu lún phún. Sau vai vác một cái dĩa to, thò ra cây đàn Kô-tô đã ngả màu đen lóng lánh. Tất cả nom có vẻ tươi tắn pha chút tuế sương băng lãng.

Người đàn ông nửa trẻ, nửa già, nửa thầy tu, nửa thế tục, đưa hai bàn tay đẹp thon thả vuốt đầu, rồi nhanh nhẹn lấy chiếc ghế đầu ngồi xuống bên cạnh giường. Dáng y hơi cúi, hai tay chấp lại, chăm chú và vui vẻ nhìn người hấp hối.

- Nói đi nào, cụ già - Người đàn ông nói - Tôi là một tu sĩ. Một tu sĩ đam mê nghệ thuật. Đam mê tất cả những cái gì thuộc về nghệ thuật.Ồ! Ham mê, nói ham mê mới đúng. Cái đó bậy. Nhưng biết làm thế nào! Cái nghiệp chương nó vậy. Tôi chọn con đường lẫn lộn với quỷ ma và làm cho nở hoa mọi sự. Tôi nói điều đó cụ già có hiểu không?

- Nở hoa mọi sự, hay lắm! Cụ già thều thào - Ít khi mà lão nghe được lời nói hay như vậy.

- Mô Phật! Còn có cái hay nữa - người đàn ông mỉm cười - cái mà tôi phụng sự, yêu thích, nó “nâng bổng” cuộc đời, nó đẩy tinh thần con người lên cao. Bởi vậy, xin cụ cứ an tâm mà nói đi. Tôi hy vọng vào phút cuối cùng này, bên tôi, tâm hồn cụ sẽ nở hoa và bay vút thênh thang lên trời cao như một cánh chim trắng.

- Bay vút thênh thang... Cụ già lập bập - trong ánh mắt mờ đục dường như loáng lên một ánh sao - Nhưng tu sĩ ạ! Cụ già tiếp - Lão có một sự bất an, một chút thôi, mà tâm hồn cũng trở nên nặng nề quá lắm. Lão muốn sám hối!

- Mô Phật! Tu sĩ nói - Cụ hãy sám hối nếu đây là từ mà cụ thích. Hãy sám hối đi nào. Tôi sẽ nâng cụ lên, chắc chắn là như vậy. Tôi có nghệ thuật. Tôi nắm vững, nắm chắc bí quyết nghệ thuật ấy. Tôi sẽ nâng cụ lên, không cần phải cố gắng lắm đâu.

- Nó như thế này, tu sĩ ạ! Biết tu sĩ có phiền lòng không? Lão không thích thầy tu. Lão tin Phật mà lão không tin thầy tu - khó khăn lắm ông lão mới nói được - điều đó có trở ngại cho sự sám hối không?

- Mô Phật! Tu sĩ giơ tay cười vui vẻ - Không có gì trở ngại cả. Chính tôi, tôi cũng không tin ông thầy tu ở nơi tôi, tôi chỉ tin ông Phật ở nơi tôi thôi.

- Mô Phật! Ngài tu sĩ nói thiệt hay.

Cụ già dường như cố gắng nở nụ cười. Tu sĩ mỉm cười. Đứa bé Tô-ni-ka cũng mỉm cười. Con chó ư ừ và ve vẩy đuôi.

Bất chợt cụ già Mê-đa-su rướn dậy nắm tay người đàn ông kéo về phía mình.

- Suốt đời lão làm việc - cụ già nói - chỉ lo làm việc thôi cũng đã khá lương thiện rồi. Huống nữa, lão trồng hoa. Lão phụng sự cái đẹp. Lão làm cho thị trấn nở hoa, đem mùa xuân cho lòng người. Điều đó hẳn là tốt thôi, phải không tu sĩ?

- Tuyệt!

- Thế nhưng - cụ già giọng như yếu đi - cũng chính do nơi phụng sự cái đẹp ấy mà lão phạm tội. Cũng không biết có phải là tội không, nhưng nó làm cho lão bất an.

- Hãy nói nữa đi cụ. Sám hối tức là nói ra những gì làm cho mình bất an. Sau khi nói ra rồi, tôi sẽ làm cho tâm hồn cụ nhẹ thênh thênh ngay lập tức. Chắc chắn như vậy.

- Mô Phật! Này tu sĩ - cụ già có vẻ suy nghĩ giây lát - có bao giờ tu sĩ thấy một thanh bảo đao chém ngọt một thân chuỗi tơ nõn chưa?

- Có thể tưởng tượng được cụ ạ! Tu sĩ ngạc nhiên.

- Chuyện nó như thế này. Buổi sáng kia, mùa xuân về, sự sống rạt rào trong cây cỏ. Những nụ hoa thấy nắng ấm, gió thanh lương bèn tỉnh giấc ngủ dài, mở mắt ra chào đón cuộc đời. Những nụ hoa tươi nõn, mơn mớn, hứa hẹn

những bình hoa thắm sắc để chưng trang trọng tại các phòng khách. Thế là với cái kéo trong tay, lão ra vườn...

Cụ già Mê-đa-su đột ngột im lặng, đôi mắt lão như đứng trông vào một cõi xa xăm nào.

- Hãy nói nữa đi cụ! Với cái kéo trong tay, thế là... thế là... Tu sĩ nói lầm thảm - thế là...

- Như vậy đây, ngài tu sĩ ạ! Với cái kéo trong tay, lão cắt ngọt xót, lão đoạn tuyệt những sự sống ấy, giống như đoạn tuyệt những hài nhi mới sinh, chẳng khác gì thanh bảo đao chém vào thân chuỗi tơ nõn. Ôi! Nó mở mắt tháo láo, rỉ máu, ngạc nhiên, chắc hẳn vậy. Lần đầu tiên, lão run rẩy, tim ngừng đập. Đêm về, lão nằm mơ. Mơ thấy những chiếc cổ trắng nõn, nổi gân hồng đến đòi nợ...

Tiếng nói của cụ già mỗi lúc mỗi nhỏ dần đi. Cậu bé Tô-ni-ka thoáng rùng mình, nổi gai ốc.

Tu sĩ trấn tĩnh.

- Chẳng có gì quan hệ đâu, cụ già ạ! Chỉ là tâm và tướng nó huyền hoặc bùa chú vậy thôi. Cái tay thợ vẽ tài hoa ấy nó vẽ gì mà chẳng được! Tu sĩ cất tiếng cười giòn tan - rồi sau đó thế nào, chẳng có chuyện gì cả chứ?

- Không có chi - cụ già thở ra như trút bớt gánh nặng - một lần đó rồi thôi. Sau này nó quen đi. Nhưng một lần mà vĩnh viễn không quên mới là điều đáng nói. Khi nào vừa chớm tưởng đến, lão lại rùng mình. Cụ già nghĩ một lát - Này tu sĩ ơi! Cái đó là tội hay không phải tội?

- Vậy khi đó, khi cắt những cánh hoa, cụ có khởi lên ác niệm như khi giết một sanh mạng? Tu sĩ chăm chú hỏi.

- Không. Không có điều đó. Cắt xong lão mới tưởng tượng.

- Ô! Nó chỉ là tưởng tượng thôi thì hơi đâu mà chấp vào những cái tưởng tượng. Tu sĩ tùm tùm cười - Này, nhà trồng hoa, chắc cụ đã cắm những bình hoa đẹp lắm nhỉ?

- Không! Lão không cắm. Lão làm cho nó “mọc” ra từ một góc tâm hồn thanh khiết nhất của lão.

- Thật là tuyệt! Tu sĩ nói rồi đặt hai bàn tay thon thả ấm áp của mình lên đôi má hóp của cụ già - Nếu cụ là kẻ có tội thì ngàn năm trước, ngàn năm sau không có ai lên Thiên đường. Trước mọi người, trước lương tâm, cụ là người hiền thiện. Sao lại có tội được khi cụ đem mùa xuân cho cuộc đời, an ủi và xoa dịu lòng người? Này nhà nghệ sĩ! Hãy mỉm cười đi nào!

- Phải! Phải! Lão cũng biết thế - cụ già nở nụ cười hóm hém rồi thở phào - Này tu sĩ! Sao kỳ lạ quá? Tu sĩ nói những điều như từ trong bụng của lão vậy!

- Mô Phật! Vậy thì cụ hãy an tâm - Tu sĩ nghĩ một lát - Bây giờ cụ còn ước nguyện gì nữa không?

- Có chứ - Cụ già Mê-đa-su bỗng nói lớn - Lão muốn nhìn thấy mặt trời và khu vườn cũ này về mùa xuân. Đã hơn mười năm rồi, lão không còn tưởng tượng ra được cái gì nữa cả. Chú bé Tô-ni-ka tốt bụng đây, bảo là hoa nở chỗ này, chỗ kia, từng chòm, từng khóm. Lý nào vậy được? Nó phải thành vùng, thành rừng. Mấy luống tuyết mai, nhị độ mai đã quá lâu không ai cắt tía, chắc chúng phải lan ra các ra lối đi! Mấy bụi bạch mẫu đơn, sơn trà, tử vi chắc quá sâm si rậm rịt. Này tu sĩ! Tuy thế, ước nguyện ấy thật ngu xuẩn. Hãy quên nó đi. Thật là càng già, càng trẻ con, càng lắm cảm.

- Ước nguyện đó được, chắc hẳn là được. Tu sĩ nói lớn và đột ngột, một âm thanh vang dội khắp lều như hàng ngàn viên pha lê chạm vào nhau. Cụ hãy nghe đây - tu sĩ nói - cụ hãy nghe và hãy nhìn đi!

Tu sĩ đã ngồi trên chiếc ghế, cây đàn Kôtô trong tay và y bắt đầu chơi.

Chú bé Tô-ni-ka chăm chăm nhìn người tu sĩ lạ mặt. Khi sợi dây đàn đầu tiên vừa rung lên, một thiên thần từ cõi trời hiện hiện. Trong đôi mắt tối của y lung linh hai ngọn lửa. Căn lều như tỏa một lớp ánh sáng, và tất cả người vật như chìm đi, như ngất đi trong biển âm thanh kỳ lạ. Con chó Tô-ki sau một hồi ngạc nhiên, chột rên ư ử rồi bò đến bên chân tu sĩ, vẫy đuôi khe khẽ. Thịnh thoảng nó nghiêng tai, vênh tai, trong mắt nó tỏa ra niềm bình an, hoan hỷ.

- Lão thấy rồi - Cụ già Mê-đa-su nói như hét - đầu tiên là khung cửa sổ mờ nhạt, sau chuyển ra màu trắng lam. Bình hoa mùa xuân bên cửa chỉ vón vện hai đóa hồng bạch mà nó mang cái vẻ hoàn toàn xiết bao! Ô kìa! Có nắng ấm. Tuyết tan đi. Từng làn gió mát mẽ thổi qua làm rung rinh cành lệ liễu...

Tu sĩ vẫn không quay lại, đôi bàn tay với những ngón tay kỳ diệu bật lên dây đàn, mắt nhìn ra khung cửa tối - biển âm thanh xao động rồi ngưng lắng một lúc - Còn bây giờ - tu sĩ nói, hãy ngưng lắng tâm thần để nhìn ra bên ngoài.

Âm thanh như bắt đầu từ bỏ căn phòng. Cụ già lắng tai nghe ngóng. Tô-ni-ka và con chó Tô-ki như đồng một lúc nhìn ra bầu trời tối đen

Âm thanh bây giờ như từng chùm ánh sáng từ trời cao đổ xuống. Từng sợi nắng ấm áp tủa xiên khoai. Tuyết tan từng nụ nhỏ. Cây cối trong vườn bắt đầu chao động và những chồi li ti trên cành khô, hoa trắng nở bung ra, chảy tràn ra. Hơi nước bốc lên. Và trời trở nên trong xanh, cao lên, cao lên mãi...

- Lão thấy rồi! Cụ già Mê-đa-su hét lên vì sung sướng - Lão thấy tất cả những cái đó rồi. Tô-ni-ka! Thế mà cháu bảo là từng chòm, từng khóm! Nó chảy lan ra thành dòng chứ lại!

- Phải rồi, Tô-ni-ka nói. Nhưng những chùm màu trắng kia không biết có phải là tuyết mai hay không, vì dường như nó ứng ứng hồng...

- Ứng hồng thì đó là nhị độ mai! Cụ già cãi rồi hét lên - Mở cửa sổ ra! Cụ hờ hỏn hên, cô rướn người dậy. Mở cửa sổ ra cho lão xem với nào!

Tô-ni-ka mở bung cửa sổ, một luồng khí lạnh lùa vào phòng. Dường như có tuyết rơi nhẹ hạt ở bên ngoài. Đêm đang tối đen như tối đen thêm.

Cụ già ngả xuống gối, thở dốc.

- Thật tuyệt vời! Cụ thều thào - Cả rừng hoa mà nó dám bảo từng chòm, từng khóm! Ít ra là như vậy, thấy được một lần cuối cùng ở trong đời cái rừng hoa trắng tinh khiết. Mãn nguyện. Mãn nguyện lắm rồi...

Tô-ni-ka kêu lên. Con chó Tô-ki chồm dậy sủa inh ỏi rồi rống lên từng tràng náo nức, nước mắt trào ra.

Tu sĩ buông đàn, bước nhanh lại giường bệnh. Tu sĩ khẽ nâng cụ lên, sửa lại dáng nằm cho thoải mái. Cụ già Mê-đa-su đôi mắt nhắm bình thản. Và trên môi cụ, dường như còn phảng phất nụ cười...

---o0o---

## Sâm Thương Thảo

Cuối tháng giêng, trời lạnh sắt se.

Nước rỉ ra từ những lùm cây rậm, khe đá hở rồi theo những đường rãnh, róc rách đổ xuống suối. Sườn núi, triền non, mù sương băng lãng; chỗ đậm như khói, chỗ nhạt như lụa; vật vờ, chao động, nhẹ thênh thênh, huyền ảo như cổ tích, chập chờn như mộng寐. Khi cơn gió thoảng, sương mù lại ùn ùn tỏa ra, phất phơ, lượn vành rồi nằm vắt ngang trên đầu cây trông bình thản, trầm mặc như một hiền triết ở non cao.

Hơi nước, khí đá, mù sương như đồng lõa với nhau để xóa nhòa biên giới giữa đất và trời... Một người cao lênh khênh nhô đầu lên đỉnh núi, bóng cắt một khoảng trời xanh lơ. Y đứng bất động nhìn đăm đăm về hướng Tây bắc. Dưới chân, núi tiếp núi, sông tiếp sông; làng mạc, ruộng đồng được thu nhỏ lại như nằm trong lòng bàn tay con trẻ. Thoáng mắt là vạm khoảnh lướt qua.

“- Đất trời cao thấp hê! Bao trượng?

Sông núi ngắn dài hê! Máy gang?”

Khí thiếu dương về đã lâu nên những nụ, những mầm của lá và hoa bắt đầu cựa mình sau mấy tháng đông lạnh ngủ vùi. Khi sương mù tan, nắng ấm lên, người ta sẽ ngạc nhiên thấy từ những cành khô bám hồ trên thông, trám hoặc bất kỳ một nơi nào thích hợp, bắn ra những chùm hoa kỳ diệu. Có những chuỗi thả dài như đàn bướm vàng. Có những cánh trắng tinh và mỏng như làn trăng. Lại có thứ đột ngột vươn ra từ hốc đá, phún hương thơm thoang thoảng, thanh dịu. Rồi chỉ ít hôm sau là khắp triền núi, thung lũng, bờ khe đủ loài hoa, đủ mọi sắc màu phô thắm để đón chào nắng mới lẫn gió ngàn thanh lương...

“- Mùa xuân yên lặng và vĩnh cửu này há trần gian không có người biết thưởng ngoạn ư?”

Người cao lênh khênh bước xuống cạnh một tảng đá, tháo khăn, tháo gùi rồi dựng gậy bên chân ngồi nghỉ. Bây giờ thì ta đã nom rõ đây là một nhà sư còn trẻ, vận tấm áo nâu mỏng đã bạc màu, chân đi đôi hài cỏ đã rách bươm. Khuôn mặt nhà sư gầy ốm nhưng thanh tú, cặp chân mày hiền lành nhưng rậm xanh làm cho đôi mắt đen như sâu thẳm, loang loáng nhãn quan sáng ngời trong đôi giếng ngọc. Nhà sư ngồi buông thả, nhàn tịnh nhưng trọn cả thân tâm dường như ngưng lắng lại. Chợt, vùng trán y gợn lên mấy nếp nhăn rất mảnh.

“- Chà thơm lắm!”

Một mùi hương ở đâu đó thoảng đến rồi mất. Hai cánh mũi của nhà sư dường như khẽ động. Hương lại đến, lại mất.

Nhà sư nói một mình:

“- Không biết có phải là trong “bản thảo cương mục” của họ Trương đời Hán hay ở đâu có nhắc đến một loại cỏ có tên là “huyền hương thảo”. Mùi của nó mỏng, nhẹ, tế vi, sâu kín. Hương thoảng đến rồi mất. Dầu chỉ là thoảng hiện nhưng nó sẽ len thắm, xuyên sâu, tác động ngay tức khắc vào các đường kinh mạch, chẳng khác gì hàng chục mũi kim châm đúng huyết đạo. Nó không tạo cảm giác tê rần mà là váng say, ngây ngất. Khi gặp huyền hương thảo rồi thì không còn rời chân đi đâu được nữa!”

Nhà sư tủm tỉm cười:

“- Mấy anh “Tàu cổ nhân” này thật là lắm chuyện! Vẽ vờ hư ảo cho lắm để rồi mấy trăm năm sau, hẳn sẽ xuất hiện một nhà chú giải thông kim bác cổ: “Có lẽ đây là những loại thuốc có mặt từ thời Phục Hy, Thần Nông. Ôi! Thương hải tang điền! Âm dương tương hoá! Thiên địa nghịch xung! Bây giờ dẫu có ngậm ngải tìm trầm, lên tận các vùng hoang mạc Côn Luân, Thiên Lân... há thấy được những kỳ hoa, dị thảo này ư?” Chậc, chậc! Nhà sư khẽ vờn vai - cho dẫu cái đỉnh Côn Sơn này mà có huyền hương thảo, thì ta có ngây ngất váng say không đó? Cái mơ hồ sắc sắc không không của huyền hương thảo có bắt ta nằm dài mà ngồi nghỉ cho quên đi cái kiếp phù sanh?”

Nhà sư rũ áo đứng dậy rồi cất tiếng cười ha hả! Tiếng cười hào sảng như xoáy động cả triền non cô tịch. Cười xong, y khoác gùi lên vai, trượng cầm tay rồi nhàn hạ bước dài theo hàng hoa nở. Đến một vũng nước trên đá, trong như mắt mèo, đẹp quá, y dừng lại. Một đám mù bay qua, ngậy lạnh. Y rùng mình, ngấm nhìn dưới đáy nước; màu da trời ẩn hiện, loáng thoáng từng khoảng trắng đục, xanh lam...

Nhà sư gật gù:

“- Thượng hoàng Thánh tôn hôm vừa dẹp Chiêm Thành trở về, ghé cung Thiên Trường đã làm một bài thơ, có mấy câu khá hay:

*“...Nguyệt vô sự chiếu nhân vô sự  
Thủy hữu thu hàm thiên hữu thu  
Tứ hải dĩ thanh, trần dĩ tĩnh  
Kim niên du thắng, tích niên du...”*  
(Trăng vô sự soi người vô sự  
Nước về thu ngâm trời về thu  
Bốn biển đã quang, trần đã lặng  
Chuyến đi này hơn chuyến đi xưa.)

Đây là khẩu khí của một bậc Minh quân, còn cái ”trị”, cái “an” cho trăm họ, còn hơn và còn thua - thì cũng là lẽ thường. Nhưng với ta thì hai câu sau hẳn phải như thế này:

*“Tam giới dĩ an, tâm dĩ tĩnh  
Nội trần khinh khoáng, ngoại trần du”.*  
(Ba cõi đã an, lòng đã lặng  
Giữa trần nhẹ hẫng, ngoại trần chơi.)

Nhà sư lại cười cười: “Dĩ nhiên, mấy câu “nổi điệu” của kẻ hèn này thoát hơn, phải không bệ hạ?”

Nắng hừng lên, hắt sáng lên những chồi lá biếc, hoa vàng lung linh. Đâu đó riu rít tiếng chim ca, loáng thoáng bướm lượn vành qua suối. Những cội tùng già xanh um tàn lá. Trời dường như cao hơn, xanh hơn. Nhà sư ngược lên, lắng nghe, ngó loanh quanh, rồi vừa đi vừa gõ gậy mà ca:

*“Ngày thì quạ vàng dọi  
Đêm thì thỏ bạc soi  
Tùng cao xanh ngắt lá  
Đâu ngại tuyết hàn rơi  
Cây khô xuân hoa nở  
Tịch tịch tiếng chim trời  
Hoa vàng là bát nhã  
Trúc biếc pháp thân thôi!”*

Tiếng ca nhỏ dần rồi tan loãng trong bóng khói đầu non.

Khi nhà sư từ bên kia suối trở lại, sau lưng đã đầy một gùi rế và củ. Mặt trời vừa hừng lên lại chìm mất trong đám mây đùng đục màu sữa. Khí núi vẫn lạnh tái tê. Dáng lênh khênh của nhà sư mang đường nét cô liêu không thể tả.

Đến tám thạch bàn to rộng, nhà sư ngồi nghỉ, lấy lương khô ra ăn. Ấy là những chiếc bánh hấp chấm với muối vừng. Y ăn rất nhanh, uống rất nhanh. Lát sau, đôi mắt y nhìn bất động vào một điểm nào đó. Lâu lắm, nhà sư lắc đầu, nói vừa đủ nghe:



“- Phàm nghề thầy thuốc trị bệnh cho người, đâu có tài giỏi, có đem hết sức mình, cũng chỉ là việc làm ngoài da! Người đời hỷ nộ ái ố quá nhiều. Cái gốc của âm dương thủy hỏa kia mà chưa ổn định thì linh đơn, diệu dược cũng vô ích mà thôi. Biết là lấy “bóng trúc mà quét bụi”, sao ta vẫn làm là thế nào? Tâm địa của bậc đại sĩ rộng lớn như hư không thì không nói làm gì, nhưng còn ta thì có lúc không kham nổi cũng dễ sinh phiền não đó mà! Hạng lang vườn bóc thuốc chữa bệnh nuôi thân thì âu là nghiệp dĩ phải chịu, còn ta đâu đến nỗi vì nuôi mạng mà nhúng tay vào dòng nước đục?”

Nhà sư “chặc, chặc” rồi khẽ thở dài. Tiếng thở dài lướt theo chiều gió, lan đi rất xa.

Bất chợt từ phía tây bắc, một chiếc đầu ló ra giữa hai rãnh đá. Dường như ấy là một gã thư sinh vận áo xanh. Gã leo lên tảng đá, đứng nhìn quanh một hồi rồi búng người về phía sau. Nhà sư ngạc nhiên suýt buột miệng la lên. Thư sinh áo xanh chỉ hờ hững thụt lùi mà người y đã bắn ra sau gàn trượng, rơi đúng trên tấm đá nhô ra cạnh bờ vực.

Nhà sư nhăn mày nghĩ:

“- Y nom về thư sinh mà sao bản lãnh võ học kinh người đến thế? Y đến đây làm gì? Nơi cái đỉnh Côn sơn đèo heo hút gió này có chi là hứng thú? Bây giờ là tiết xuân lạnh, khắp nơi phố hội kinh kỳ, dư hưởng ngày xuân còn biết bao thú vui dật lạc? Chẳng lẽ y đến đây để tri âm cùng cây cỏ?” Lại nghĩ tiếp: “Đã hai ngày hai đêm ta ở bên này núi, cũng đã hai ngày hai đêm y ở bên kia núi. Ta thì có lý do của mình, còn lý do của y là gì?”

Không tìm ra lời giải, nhà sư đi xa hơn:

“- Hôm nọ, nhà Nguyên sai Sài Thung sang sứ nước ta. Y ngạo mạn, vô lễ cỡi ngựa đi thẳng vào cửa Dương Minh, quân Thiên Trường chặn lại. Y lấy roi quất họ chảy máu ở đầu. Đến điện Tập Hiền, thấy chằng bày màn trướng y mới chịu xuống ngựa. Vua Nhân Tôn sai Quang Khải đến sứ quán khoản tiếp, y nằm khểnh không ra. Khải vào hẳn trong phòng, y cũng chẳng thềm ngồi dậy. Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn hiểu rõ lòng mộ đạo của người phương Bắc nên cắt tóc, mặc áo vải làm sư rồi đi đến sứ quán. Thung thấy, tỏ rõ sự kính trọng, đứng dậy vái chào rồi mời ngồi. Quốc Tuấn ung dung pha trà cùng uống với Thung. Người hầu của Thung muốn thử định lực của nhà sư phương Nam nên cầm cái tên chọc vào đầu Quốc Tuấn đến chảy máu. Sắc mặt Quốc Tuấn vẫn an nhiên tự tại. Thung sợ, khi khách ra về, đích thân hẳn ra tận cửa vái tiễn.”

Quốc Tuấn về nhà, nằm vắt tay lên trán:

“- Cái ngũ âm vốn không thì thân này nào có nghĩa gì? Nhưng vết máu sỉ nhục kia rồi sẽ nằm ở trên đầu trăm họ. Ta đâu ần nhẫn được tạm thời cái khí nộ của kẻ thất phu, nhưng kẻ dài lâu là phải an dân giữ nước. Bọn Nguyên Mông với cái dã tâm và tham vọng xâm lược nông cuồng sẽ còn

đồ biết bao tang thương lên linh hồn Đại Việt? Và vết máu sỉ nhục trên đầu ta sẽ trở thành vết máu sỉ nhục ngàn năm trong lịch sử.”

Từ hôm đó, Quốc Tuấn tung ra khắp nước hàng chục kẻ hiền tài để đi cầu kẻ hiền tài. Ý đồ của Vương lại còn vi tế hơn: tìm những ẩn sĩ tài đức trong hàng Tăng lữ để làm cố vấn trong trướng, hoặc đi lên phương Bắc trong những sứ mạng bí mật quốc phòng!

Ồ! Đầu óc của Vương thật là ghê gớm! Và gã thư sinh này là người của Vương? Theo dõi ta hai đêm hai ngày là bởi mục đích kia chăng? Để xem!

Hốt nhiên, một khúc tiêu trỗi lên. Tiếng tiêu tan loãng trong gió. Lát sau, âm điệu réo rắt cực kỳ thê lương làm xao xuyến và náo lòng người. Nhà sư cũng chợt thấy mình băng khuâng kỳ lạ. Lát sau, tiết tấu lại thay đổi: như loan gọi phụng, như sắt gọi cầm; cung bậc hoặc bỏ lửng hoặc nhẹ sâu như tiếng thở dài xào xạc...

Nhà sư chặc lưỡi than:

“- Ôi! Tâm sự người thanh niên sao u sầu đến thế? Khúc tiêu này mà thổi ở đây, há không sợ núi non cười cho thú ruột ấy ư? Chí nam nhi đại trượng phu há dễ chôn vùi thân danh trong âm khúc bi quan yếm thế? Hoặc nỗi khắc khoải thường tình nhi nữ?”

Tiếng than vừa dứt thì khúc tiêu khác trỗi lên. Âm này tỏa lên cao, nâng bổng tâm hồn người nghe lên mây xanh. Bây giờ, tiếng tiêu như bắt đầu thoát xác những nỗi niềm trần tục để bay lượn phiêu bồng vào cõi tinh thần sáng láng, cao đại và hoàng viễn. Rõ ràng là nó đã dứt khoát vĩnh biệt mặt đất trần gian với những rối ren, bấn chạt, buồn phiền. Không còn một tiếng nỉ non, một lời ai oán. Nó đã tuyệt dứt nỗi u hoài và trầm thống. Thỉnh thoảng, nó có chìm lắng trong cung sâu, nhưng là sự lắng chìm cao cả, ngưng đọng một suy tư tốt vời về sự hợp tan của vũ trụ, sự mong manh của vạn kiếp đời, sự rạn vỡ của ngàn sao. Rõ ràng, bây giờ, tiếng tiêu đã thênh thang bay vào mười phương trời không gian vô tận...

Lắng nghe tiếng tiêu thanh cao, thoát tục, tâm hồn nhà sư nhẹ như hơi nước, phiêu diêu không điểm tựa giữa ngàn sương ngàn khói!

Chợt một tiếng cười sang sáng vọng lại.

Thanh niên đã khinh thân đứng chênh vênh trên tảng đá cách nhà sư non mười trượng, mảnh trường bào phát phới bay, đậm nét giữa màu nắng loãng.

- Tại hạ đến chốn non linh khí thiêng, thổi một khúc tiêu, dẫu tục dẫu thanh, hẳn cũng làm nhơ tai bậc tu hành ẩn sĩ! Dám mong Cao Lãnh Huyền Nguyên đại sư bỏ lỗi cho!

Nhà sư nghe gọi đúng pháp hiệu của mình, ngạc nhiên, nhưng trầm ngâm không đáp vội, chăm chú nhìn người lạ mặt. Thư sinh quá trẻ, ước chừng chưa đến tuổi “nhi lập”, dáng dấp nho nhã, dung nghi tiêu sái, siêu phàm. Hàng chân mày cong đều đặn, đen huyền. Đầu quấn chiếc khăn lụa thiên

thanh. Cây thanh tiêu cầm tay, cây trúc kiếm thò sau vai, một gùi thuốc, một dây sách, một bầu nậm. Cây kiếm nằm trong vỏ thanh trúc đẹp kỳ lạ. Chiếc gùi nhỏ, đẹp kia đúng là sản phẩm đặc chế kỹ xảo thiên tài của người Thái trắng. Y là ai? Là một nho sinh? Một lương y? Một tráng sĩ? Một gã giang hồ lang thang phiêu bạt? Lại! Không hiểu! Cái con người này là ai mà khúc tiêu có thể là tặc, có thể là thanh như trò ảo thuật? Phải có một tâm hồn đến cỡ nào mới có thể dung chứa hai trạng thái nghịch xung rồi sử dụng nhuần nhuyễn chúng như hai con người cách biệt? Cái con người này, nếu là nho sinh thì kiến thức phải siêu quần bạt tụy. Là kiếm sĩ thì phải là tay kiếm trác việt thông thần... Là gã giang hồ thì đúng là biên phương mù mịt! Còn nếu là tướng quân? Ô! Hưng Đạo Vương mà có người này thì thật là may cho vận nước!

Nhà sư suy nghĩ cực nhanh rồi trang nghiêm trầm giọng:

- Kẻ tu hành này ở chốn quê mùa dân dã, quanh năm áo vải chân đen, quan trường vô duyên, kinh kỳ ngại chôn. Chẳng hay túc hạ là ai mà biết được pháp hiệu khó nghe của bản đạo?

Thanh niên áo xanh cười tủm tỉm, cung tay chào, phong thái vừa khoan thai, vừa chừng mực:

- Dưới chân núi Côn Sơn, Phụng Hoàng - kéo dài suốt cả vùng Hải Dương, Kiếp Bạc, cho chí những thôn làng xa xôi tụ tập quanh Lục Đầu giang chung dòng về Đông Hải - Có ai có tài dám sánh với Hoa Đà, Biển Thước? Thanh niên cười cười rồi cao giọng - Huyện Nguyên đại sư! Đại sư về nơi góc Côn Sơn này quy ẩn đã lâu, tại hạ thật không dám đụng đến cái chí của người cao sĩ. Gia dĩ tại hạ mà có tìm đến cũng chỉ mong thỏa một chút cái gọi là “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”, vậy thôi!

Nhà sư vẫn trầm mặc, nghiêm lạnh:

- Túc hạ với bản đạo vốn không quen biết. Đã không quen biết thì lẽ phải cất công tìm đến thăm nhau. Còn cái gọi là “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” kia do đâu mà có? Bản đạo kiến thức hủ lậu quê mùa, có nhiều điều chưa hiểu tới, mong túc hạ chỉ giáo cho.

Thư sinh áo xanh cười ha hả:

- Khách khí lắm! Khách khí lắm! Rồi tiếp - Cao Lãnh Huyện Nguyên đại sư! Tại hạ đi tìm thuốc. Đại sư cũng đi tìm thuốc. Đại sư đã hai ngày hai đêm bên này đỉnh Côn Sơn, chờ đến giờ Dần, giờ Dậu để tìm một loại cỏ vưu vật cỏ kim hy hữu tên là Sâm Thương thảo. Tại hạ cũng hai ngày hai đêm nằm bên kia đỉnh núi, mục đích cũng không khác chi! Chỉ riêng cái công phu này thôi. Đại Việt ta há dễ có được ba người? Cái “thanh” cũng bởi đó, cái “khí” cũng bởi đó, vậy không thể gọi là tương ứng, tương cầu được ư?

Nói xong, thư sinh áo xanh lại cười cười khó hiểu. Nhà sư bắt gặp cái cười ấy, rất thú vị mà đồng thời cũng rất cảnh giác. Y là người của Sài Thung hay

của Quốc Tuấn? Y dò xét gì nơi ta mà giảng một cái bẫy ỡm ờ về y học, dịch học, đạo học nơi cái chữ Sâm Thương thảo kia? Không thể bảo là tình cờ hoặc vô tâm, vô ý được. Cái bẫy tư tưởng kia đã giảng mắc như thiên la địa võng. Ghê thật. Nhưng y cũng biết rõ về ta chứ?, có lẽ vậy.Ồ! Cuộc thư hùng này thú vị đây!

Nhà sư giả vờ nhăn mày:

- Sâm Thương là sao Hôm và sao Mai, ngày đêm cách biệt. Giò Dậu là sao Hôm hiện, giờ Dần là sao Mai mọc. Túc hạ bảo là có một loại cỏ gọi là Sâm Thương thảo, ấy là lời nói thật? Bàn đạo đọc sách thuốc cũng khá nhiều; kim văn, cổ thư đều có ghé mắt xem qua, nhưng sao chẳng thấy đâu nói tới? Chẳng hay hình dáng, thân, lá nó thế nào, dược tính ra sao, túc hạ có thể chỉ giáo bản đạo với không?

Thư sinh áo xanh thông thả tháo gùi và đẩy sách để bên chân, cất sáo trúc rồi nhiên nhiên ngồi xuống. Y ngồi kiết già, lưng dựng thẳng như vách đá. Lát sau, khí an tĩnh tỏa ra tràn đầy phong phú; đúng là uy nghi, cốt cách và phong thái của một thiền gia! Nó tỏa ra một năng lực tự chủ và kiên định đáng sợ.

Nhà sư nghĩ nhanh: Y sẽ đánh một đòn vào chính tủy xương của Thiên học rồi đây!

- Cao Lãnh Huyền Nguyên đại sư! Y nói - Tại hạ mong được nhà sư chỉ giáo cho!

- Không dám.

- Cái lý rốt cùng của Thiên học là gì?

- Kiến tánh thành Phật

- Kinh văn thế nào?

- Giả lập.

- Phi nhị nguyên chẳng?

- Tùy bệnh cho thuốc.

- Nội và ngoại?

- Giả lập.

- Sắc và không?

- Giả lập?

- Phật và Tổ xuống tục đế thì thế nào?

- “Ngày thì ác dọi vàng, đêm đến thỏ bạc soi!”

- Làm gì với cái vọng tâm, vọng thức?

- “Tùng cao xanh ngắt lá, đầu ngai tuyết hàn roi!”

- Thấy tánh thì nghĩa thế nào?

- “Cây khô xuân hoa nở, tịch mịch tiếng chim trời!”

- Chưa đủ duyên thì lập tâm lập hạnh thế nào?

- “Hoa vàng là Bát-nhã, trúc biết Pháp thân thôi!”

Yên lặng một lát, thư sinh áo xanh hỏi lớn:

- Có gương để chém không?

- ...!

- Cho xin một tiếng chân đế?

- ...!

- Ai ngồi trước mặt tại hạ đây?

- ...!

Thư sinh áo xanh hỏi liên tiếp mười mấy câu nữa nhưng nhà sư cứ một mực im lặng. Đợi thư sinh ngưng nói, nhà sư cất cao giọng:

- Trò hề của thiên ngữ kia, túc hạ muốn mang ra mà nhát bản đạo chăng?

Thư sinh áo xanh chột cung tay xá thật sâu rồi cười ha hả mà rằng:

- Té ra đại sư đã tìm ra được Sâm Thương thảo rồi! Cung hỷ! Cung hỷ!

Nhà sư đáp:

- Lời và ý của túc hạ khó lường. Xin cho hiểu một ý thôi. Bản đạo tình thức hoang mang vọng khởi, sợ không lãnh hội được thiên ý của người cao sĩ chăng?

- Không dám! Vả, đại sư khiêm tốn mà làm gì? Rốt lại, Thích Ca là Thích Ca, Văn Thù là Văn Thù thôi, nhân nào hoa nấy, cây nào quả nấy. Nhưng tất cả đều phải được kết tinh nơi mặt đất trần gian, nơi “như thật tâm địa” - ở đây và bây giờ - không có một nơi nào khác, thì lời và ý của tại hạ có gì đâu mà khó hiểu! Chỉ có Sâm Thương thảo mới hội tụ được đêm ngày, dung hòa được mối xung đột lưỡng nguyên của trời đất. Chỉ có Sâm Thương thảo ở nơi cái “như thật tâm địa” kia, để khi cần dương thì dương chẳng bắt túc, lúc cần âm thì âm chẳng hữu dư. Suy ra, những cái gọi là thiện ác, thủ xả, xuống lên, được mất, tham sân... đều là thế cả! Cho nên, khi hành xử: co ruỗi thả đều tự nhiên, lai khứ đều thông dong, khổ vui đều an tại! Huyền Nguyên đại sư! Dục tính của Sâm Thương thảo như vậy hẳn còn nhiều điểm thiếu sót chăng? Tại hạ quả thật không dám nhiều lời trước bậc đại danh y đời nay!

Nhà sư suy nghĩ:

- Thư sinh áo xanh nói huyền thuyên, như hành vân, như lưu thủy. Mỗi lời là tinh hoa, là cốt tủy cô đọng từ chư kinh, trí khôn của cổ nhân, cổ đức. Trên tất cả, bằng chính sự thể nghiệm và thân chứng của y. Với sự hiển lộ từ khúc tiêu, thì nét đạo (thanh), nét đời (tục), dấu phân rời mà không cách biệt. Thiên lý của y nhằm hé mở cánh cửa ấy nhưng là với dụng tâm nào? Rõ ràng không phải y trình thiên chứng! Dường như mang tính thuyết phục. Thuyết phục để làm gì? Nhà sư quá hiểu. Với thiên phong ấy, cốt cách ấy, kiến thức ấy, thiên ngữ ấy, khẩu khí ấy... thì người này, chính là Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng. (Dựa theo thuyết Đại Việt Sử Ký.

Ngoài ra, trúc tiêu, trúc kiếm, đũa sách, nậm rượu, gùi thuốc... lại càng đúng với lời đồn đãi!

Cũng kỳ: cái con người này vừa là tướng quân tài ba, vừa là một thiên gia nức tiếng cửa không - mà tài văn chương lại không thua gì Văn Túc Vương Đạo Tái! Nhưng tâm sự và ý đồ của y tưởng là không ai biết cả sao? Ta đâu có quên câu chuyện bí mật quốc gia đại sự xảy ra trong nhà y. Tảng là con thứ của Quốc Tuấn, Tuấn là con của Yên Sinh Vương. Yên Sinh Vương có một mối bất hòa với Thái Tôn. Khi sắp mất, Yên Sinh Vương cầm tay Tuấn mà rằng: “Con không vì cha mà lấy lại thiên hạ thì cha chết dưới suối vàng cũng không nhắm mắt được.” Tuấn ghi điều đó ở trong lòng. Đến khi vận nước lung lay, quyền quân, quyền nước đều ở tay mình, ông đem lời cha dặn nói với gia nô tín cẩn là Dã Tượng và Yết Kiêu. Cả hai người này không cho là phải. Tuấn hỏi các con. Hưng Vũ Vương cũng không cho là phải. Riêng Hưng Nhượng Vương lại nói rằng: “Tông Thái Tổ vốn là một ông lão làm ruộng, đã thừa cơ dấy vận nên có được thiên hạ.”

Vậy thiên lý mà Tảng đưa ra mang tính thuyết phục này? Y muốn nói đến cái dung hợp tự tại giữa xuất và xử, đến và đi, co và duỗi là kéo ta xuống núi theo con đường nhập thế để cùng mưu đồ đại sự với y? Ô! Kín đáo, thậm thâm như thế là cùng!

Bèn nói:

- Túc hạ lý luận quá cao siêu, bản đạo không hiểu nổi đâu. Sâm Thương thảo của túc hạ mang nhiều ẩn nghĩa. Túc hạ là kẻ phi thường, lên tận non cao lạnh giá để tìm một thứ cỏ trong huyền lý, còn bản đạo chỉ là kẻ tầm thường, đi tìm Tuyết Mai sâm chữa bệnh thôi.

Thư sinh áo xanh lắc đầu cười rộ:

- Đại sư nói giỡn với tại hạ rồi. Tuyết Mai sâm không phải là thứ quá khó công tìm kiếm. Sau tiết đông chí, thiếu dương sanh, có nắng ấm, những củ Tuyết Mai nằm trong lòng đất lạnh đã lâu, sẽ bung ra những cành hoa với những nụ hoa trắng tinh, trắng như tuyết, không thể lầm lẫn với bất cứ màu trắng nào. Nhưng hoa nở rồi tàn ngay. Giấy khắc đó đào lấy củ sẽ có dược tính cao nhất. Tuy nhiên, tiết dương nguyên còn kéo dài, mùa hoa của nó còn tiếp tục lâu. Cao Lãnh Huyền Nguyên đại sư! Kiến thức của tại hạ về thảo mộc không được bao nhiêu, xin đại sư chớ cười chê.

Nhà sư tùm tùm:

- Hay lắm! Kiến thức như thế quả không tệ đâu. Nhưng biết nói như thế nào cho túc hạ hiểu rõ đây, cái tùy thích, tùy nhiệm của mỗi người? Đúng là bản đạo đi tìm Tuyết Mai sâm, nhưng đồng thời cũng muốn xem Tuyết Mai hoa nữa. Như túc hạ biết, Tuyết Mai hoa nở rồi tàn ngay. Đòi người bận rộn trăm chuyện, mãi mưu toan, lo âu về “thiên hạ đại sự”, há dễ có thì giờ mà chiêm ngưỡng cái đẹp phù du - cái khoảnh khắc phù du sinh diệt - mà một lần, không bao giờ trở lại?

“Ôi! Nước chảy đêm ngày không ngưng nghỉ vậy ư? Ôi! Việc đời qua trước mắt, trên đầu già đến rồi! Ôi! Trăm tính ngàn toan thì rồi cái thân này cũng như ảnh, như điện, là bọt nước phù kiều vậy thôi!”

Thư sinh áo xanh thoáng đổi sắc mặt nhưng điềm tĩnh lại rất nhanh, cười nhẹ rằng:

- Phải! Bởi vậy cho nên mới có kẻ lên chót đỉnh Côn Sơn, thu giang sơn dưới tầm mắt rồi vỗ núi mà ca:

“- Đất trời cao thấp hê! Bao trượng?

Sông núi ngắn dài hê! Máy gang?”

Còn cái việc lên non cao lạnh giá mà xem hoa nở, mà chờ trăng lên, chiêm ngưỡng cái khoảnh khắc sinh diệt của cái đẹp phù du - thì cái bản lĩnh ấy xứng danh là thiên hạ đệ nhất nhân đấy!

Nhà sư thoáng rùng mình nhưng im lặng.

Thư sinh áo xanh tiếp:

- Tại hạ có đọc được câu thơ của một vị thiền sư:

- Chông gậy lên non khi thích chí

Một buồng rèm trúc ngủ giường tre.

Hoặc là:

- Cỏ bông, én đậu thấp

Biển rộng, ần cá to!

Xét ra, tư tưởng lớn trong trời đất đều gặp gỡ nhau cả, nhưng ở nơi đại sư thì còn hàm tàng biết bao nhiêu là ẩn nghĩa. Cái bài thơ mà đại sư đắc chí vừa đi vừa gõ gậy mà ca, phiêu diểu và đạt đạo làm sao! Nhưng hai câu cuối, phải rồi, hai câu cuối còn ẩn một mũi kiếm chưa tung ra khỏi vỏ:

Hoa vàng là Bát-nhã

Trúc biếc Pháp thân thôi!

Chữ “thôi” chính là mũi kiếm ấy! Đây có thể là thái độ khôn ngoan, già giặn của xử sĩ. Cũng có thể là cái “lạc đạo” tạm thời, bất đắc dĩ của thiền gia! Ôi!

Tại hạ đã làm bàn vu khoát, mong đại sư bỏ lỗi cho!

Nhà sư nghĩ: “Được lắm! Bây giờ ta sẽ buông một mũi tên xem thử con chim nào rớt ở cuối trời!”

- Có một cái tâm! Nhà sư nói, xin túc hạ ần nhẫn lắng nghe cho. Nó ở trong câu này: “Trăm sông đổ về đông kia! Muôn dòng đua chảy. Ngàn sao châu Bắc Đẩu kia! Thiên cổ quy tâm!” Phải! Chỉ có cái tâm đó thôi mà xuất xử trăm đường, xuống lên vạn nẻo. Bàn đạo dẫu ở trong cái “xử tạm thời” cũng khế hợp với ý của chư thiền đức xưa: “Chông gậy lên non khi thích chí, một buồng rèm trúc ngủ giường tre!”; còn túc hạ là gì? Xin thưa thẳng, nếu Hưng Đạo Đại Vương cầu kẻ hiền tài, quy nhân tâm về một mối làm thế cá nước để giữ hiểm họa Bắc xâm, thì bàn đạo sẽ xét lại cái “lạc đạo tạm thời” của mình. Còn nếu như ai đó muốn thu nhân tâm về một mối để thỏa mộng

“muôn sao châu Bắc Đẩu”, thì bản đạo sẽ là kẻ thứ nhất trong Đại Việt ta... không phục đâu!

Bất đồ, nhà sư nói lớn:

- Đức ông Hưng Nhượng Vương! Hãy hiện hình đi thôi!

Thư sinh áo xanh chính là Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, thêm một lần nữa đổi sắc, sau đó, cười lạt mà rằng:

- Hay lắm! Chính là tại hạ đây! Im lặng một lát rồi y cũng nói lớn - Giả dụ đại sư không phục thì đại sư làm gì nào?

Nhà sư cười tùm tùm:

- Bản đạo bước tới!

- Khó đấy! Hưng Nhượng Vương rút kiếm ra rồi chậm rãi tiếp lời - Thiên hạ đều đồn đãi tại hạ kiếm thuật thông thần! Thông thần thì hơi quá nhưng cũng không ngoa truyền lắm đâu - Vương lia một nhát kiếm hình cầu vòng rất đẹp mắt, xanh ròn rợn, hướng mũi kiếm về trước - nếu đại sư bước tới thì nguy hiểm vô cùng. Thôi thì thế này vậy - Vương với tay trái nắm bầu rượu - Đại sư đừng bước tới mà hãy bước lui, bỏ cái “bất phục” qua một bên, ta sẽ cạn với nhau vài chung thảo mộc để kỷ niệm buổi tao phùng kỳ thú này, được chăng?

Nhà sư đáp vang vang:

- Bản đạo giới tử!

- Vậy không ngại kiếm bén ư?

- Phải! Giọng nói nhà sư nghe ròn rảng - Thân này vốn không, kiếm kia vốn không, sao bảo rằng ngại? Vậy ra đức ông xem thường kẻ tu hành này quá. Vả, nếu cái đầu của bản đạo mà đổi được cái an cho trăm họ, hai nhánh trưởng và thứ của nhà Trần kia hòa thuận với nhau để chung lưng đấu cật khuôn phò xã tắc; nhờ vậy cái nhân, cái dưỡng của các đáng tiên hiền còn duy trì và tồn tại; đạo Phật nhờ vậy cũng được hưng thịnh dài lâu - thì cái huyền thân của bản đạo còn ích dụng hơn cái tài Hoa Đà, Biển Thước kia quá nhiều!

Nói xong những lời đầy chính khí, nhà sư phát tay xăm xăm bước thẳng tới đầu mũi kiếm...

Ánh sáng xanh lóe lên lạnh buốt. Vạt áo phía trước của nhà sư bung ra hàng chục mảnh bay lả tả. Những con rắn xanh không ngớt tung lượn...

Hốt nhiên, kiếm chọt bắn lên cao rồi rơi xuống đánh “choang” trên tảng đá, tóe lửa, có tiếng gãy vỡ vụn.

- Đại bản lãnh! Đại bản lãnh!

Không biết ai đã thốt lên.

Lúc đó, sương mù ùn ùn nổi dậy, chập chờn, băng lãng kéo nhau đi, huyền ảo như cổ tích, mơ hồ như mộng寐... Lát sau, mây tỏa kín đặc cả núi non



một màu trắng đục, tịnh không thấy gì. Không còn thấy đâu là cây cối, không còn thấy đâu là đất, đâu là trời.

Bỗng, một tiếng cười từ trong đám mù vắng ra rồi có tiếng nói:

- Có, không giờ thế nào?
- Là vẫn có, là vẫn không!
- Nếu xuất xử thì nhân quả thế nào?
- Thấy đều tự nhiên.

Yên lặng một lát.

- Rút gươm mà chém rắn chằng?
- Cứ chém!
- Rút gươm mà không chém rắn chằng?
- Cứ không chém!

Đột nhiên, hai tràng cười ha hả đồng thanh vang lên, kéo dài rất lâu.

Một cơn gió thổi mạnh, sương mù lại chao động, vật vờ đầu cây, lững lờ qua suối, lượn quanh theo chòm lá biếc, cành cây khô rồi dứt khoát lang thang kéo nhau đi, hàng ngàn, dặm ngàn về phương trời vô định.

Màu mù sương trên non Côn nhạt dần, loãng dần...

Tiếng chim reo như ngọc rớt giữa biển lặng. Nắng nhẹ, mỏng, ngại ngần hắt vài tia sáng thăm dò đầu tiên xuống những lùm cây xanh, dòng nước biếc, những cánh hoa tím, hoa vàng, li ti hồng, lơ thơ đỏ... Chốc sau, trời quang mây tạnh như một đôi đời, một phép lạ!

Bên bờ đá nâu, vươn dài ra một cành hoa, như một chuỗi ngọc trắng tinh tuyền, lấp lánh sao Hôm, sao Mai, thơm thoang thoảng, mềm, thanh dịu, váng say ngây ngất... Là Huyền Hương thảo? Là Tuyết Mai hoa? Là Sâm Thương thảo? Chịu! Không biết!

Xung quanh lặng ngắt, tịnh không một tiếng lời!

---o0o---

## **Hoa Thiên Hương**

Có người nói rằng, Mư-jô-chư là một nghệ sĩ đã khai sinh nghệ thuật cắm hoa ở Nhật Bản. Có người lại quả quyết rằng, không, ngài là một vị thiền sư, chẳng phải ngài cắm hoa, mà ngài đem sự bất tử đặt giữa lòng tạo vật. Ở đây, ta sẽ cảm nhận cái khoảnh khắc sinh diệt chính là vẻ đẹp chân thường và hằng cửu, không có vẻ đẹp nào khác như ý niệm con người đã từng phác tưởng. Nhưng dầu thiền sư hay nghệ sĩ, Mư-jô-chư đã tồn tại, vừa rực rỡ, vừa khiêm tốn như cụm hoa “Thiên Hương” - một loài hoa đại sống ở góc rừng, xó núi, trung thành với không thời gian mà nó ngụ cư. Trọn vẹn, chính là sự hiển dương âm thầm và cao cả vậy.

Có lẽ ta không cần phải xác định ngài là thiền sư hay nghệ sĩ, vì dẫu sao, danh từ không thật nghĩa bằng chính con người. Và chẳng, Mur-jô-chur sinh ra và lớn lên như một con người bình thường, cũng có tình yêu - một tình yêu nhỏ bé nhưng thanh khiết. Ngài từ bỏ đời sống tại gia như chưa hề có ý niệm từ bỏ, chẳng có bước chuyển tiếp nào. Và đột nhiên, ngài như là một nghệ sĩ, như là một thiền sư - bằng cốt cách, phong thái, cả đời sống cũng như cái mà ngài biểu hiện.

Về già, ngài sống trong một sơn động bên chân ngọn Phú Sĩ, nhu cầu thanh bạch và khiêm tốn của một cánh chim trời. Đi đứng tới lui, ăn nói giản dị như một người dân cày. Khi màu hoa anh đào phô ánh huy hoàng, tươi nở, người ta thấy ngài bước những bước nhẹ nhõm để nhàn du đây đó; khi thì trên con lộ vắng, tịch tịch tiếng chim ca; khi trên chiếc thuyền nan lững lờ chẳng như cụm lục bình trên sông nước; khi lững thững trên lối về sơn đạo xanh mượt cỏ và rải rác những khóm hoa Thiên Hương. Khi màu hoa anh đào tàn tạ, cánh héo úa và sắc màu ảm đạm như loang nhạt màu máu tía - lục ám hồng hi xuân khứ dã - người ta thấy bóng dáng ngài ngồi lặng lẽ ở đâu đó, trước cửa sơn động, trên tấm thạch bàn hay dưới một cội thông già. Người ta thấy ngài không có bạn, không đệ tử, không có “nhàn đàm thiên ban sự”, không có trình trọng hai tay nâng bát trà - theo nghi thức trà đạo - trong một trà thất ẩm cúng được trải ra trong một không gian nhỏ hẹp, thanh bình. Ngài ngồi ở đâu đó, chẳng phải thiền tư, chẳng phải thiền tượng, chẳng phải thiền tọa, chẳng phải để tâm chìm ngập trong cõi mơ hồ sắc sắc không không, chẳng phải trì chú, niệm kinh, lần chuỗi...

Ngài tới lui đây đó để làm gì? Không ai hiểu. Ngài ngồi như vậy để làm gì? Không ai hiểu. Nếu bảo ngài là một nghệ sĩ - thì đúng là một nghệ sĩ cô liêu, xa hút và sâu thẳm nhất - mà nghệ phẩm chính là bóng dáng của mình giữa lòng tạo vật, trong mỗi khoảnh khắc đến và đi, vào ra như hơi thở. Nếu bảo ngài là một vị thiền sư - thì đây đúng là một thiền sư “vô học, vô tu, vô công, vô hạnh, vô chứng” vậy!

Khi từ già cõi đời, ngài tự cấm cho mình một bình hoa Thiên Hương, hai tay nắm hai nắm đất, mỉm cười ung dung trong thế bán già. Có chẳng, ngài đang nhìn bình hoa như nhìn vào cõi bất tử nào?

Mur-jô-chur tịch vào hậu bán thế kỷ XVII, có lưu lại trong sơn động một cuốn tự truyện viết theo lối cổ văn. Thời gian sau, một nhà sư vô danh tìm đến, hỏa táng thi hài của ngài rồi bỏ đây ta bà mang đi mất...

Đây là một phần của cuốn tự truyện, dường như không liên hệ gì đến giai đoạn học đạo của ngài mà thiền sử đã lược bỏ. Tuy thế, nó quan trọng xiết bao - nếu không muốn nói là quan trọng nhất - cái bước chuyển sinh không gián cách của nó, từ “tục” đến “thanh”, từ bờ này qua bên nọ. Ở đây là con người bình thường giữa cuộc đời, và đạo là cái gì tự nhiên giữa lòng nhiên

giới; dường như không hề giải quyết “cái tôi”, mà một sớm mai kia, “cái tôi” hốt nhiên là “nó” - cùng với tạo vật, sinh tồn, cái đẹp và sự bất tử.

Nếu một người sống chân thật, lặng lẽ, cô đơn, không làm hại ai, biết chiêm ngưỡng cái đẹp - là một thiền sư - thì Mư-jô-chư đúng là một vị thiền sư, biểu hiện bằng cả cuộc đời của mình vậy. “Tôi là một thanh niên sinh ra và lớn lên trong một ngôi làng nhỏ bé, khiêm tốn nép mình bên chân ngọn núi Phú Sĩ. Cha tôi là một quan chức của triều đình, vì một bất đồng nào đấy về chính kiến nên bị hồi hưu. Người là một “kẻ sĩ” với vốn liếng học vấn và kiến thức vừa đủ để tạo cho mình một nếp sống trung lưu. Nhưng Người không chịu thế. Bản ngã và trí khôn của Người lại thúc hối Người chạy theo danh vọng và địa vị; muốn biến đổi cuộc sống tẻ nhạt, tầm thường, vô danh của dòng họ, tổ tiên thành những danh gia vọng tộc. Đến lứa tuổi năm mươi, Người mới hiểu rằng, đấy là một nỗ lực bất khả và vô vọng. Người đã chẳng cưỡng được cái “tất định” của nghiệp, cái phận số đã an bài - mà lại bị lún sâu thêm dưới đồng bùn quan hoạn ấy. Cuối đời, Người dường như mất trí vì bất đắc chí. Gia sản chất chiu, dành dụm được, Người đem ra phá tán hết. Rốt cuộc trắng tay lại hoàn tay trắng, cộng thêm với những vết thương không bao giờ lành. Đấy là tai tiếng để lại cho gia đình. Đấy là một phần hồn thanh cao bị nhơ nhuốc.

Tôi sinh ra lúc gia đình đã sa sút nhiều. Mẹ tôi vì bận rộn công việc đồng áng nên suốt ngày tôi làm bạn với đất cát cỏ cây. Tôi đen, khỏe và không hề bệnh tật. Tôi có được học hành, cũng có đọc sách và ham mê văn chương thi phú ít nhiều. Tuy thế, không có duyên phận với khoa cử, tôi cũng bình an được với cuộc sống ruộng vườn, đồng áng. Tôi không có cái “mã” thư sinh, mà dáng người lại cục mịch quê mùa. Thế nhưng, để biếm nhẽ, người trong làng gọi tôi là “công tử, con quan hồi hưu!”. Mẹ tôi đối với tôi bằng tình thương vừa phải nhưng nghiêm khắc, Người đúng là nghiêm phụ hơn là hiền mẫu. Mẹ tôi mất, việc chạy chữa thuốc thang phải bán đi tất cả ruộng vườn còn lại.

Năm đó, tôi vừa chẵn hai mươi. Gia sản còn lại là ngôi nhà dột nát - trước đây cho gia nhân ở - cùng mảnh đất nhỏ và con trâu cày. Tôi đi cày thuê để tự nuôi sống.

Cuộc đời thâm lặng trôi qua, chẳng vui, chẳng buồn. Mọi người vẫn nhìn tôi qua bóng dáng của cha tôi nên họ không ưa tôi. Điều đó cũng dễ hiểu là vì cha tôi đã tách lìa thôn ấp quá lâu, muốn bước tới những chôn sang cả của kinh đô và cung đình. Lại nữa, bằng cấp, trí thức và sự thông đạt đôi khi là lá chắn ngăn cách với đám quần chúng ngu dốt và nghèo hèn. Ít giao tiếp được hiểu là ngạo mạn, kiêu căng. Ít thân cận được hiểu là khinh khi, vô lễ. Vươn lên cao hơn đồng nghĩa với phản bội. Thế nên, dẫu tôi có hòa đồng, thật sự sống đời bình dị của người dân cày, cũng vẫn bị làm oan, nghi ngờ,

ghét bỏ. Cá tính tôi cũng lặng lờ, phớt tỉnh nên lại càng bị hiểu lầm hơn. Tôi đối với ai cũng vậy, không biết cách chào hỏi sao cho người ta vui, không biết nói gì để phân ưu khi người ta gặp chuyện buồn.

Tôi làm việc, sống, vô tình, chẳng có mối bận tâm nào khác. Như một cái cây, rễ đâm sâu vào lòng đất - thế là phải hít thở, phải trải qua nắng mưa, mùa xuân, mùa đông, sương tuyết, ánh trăng dịu dàng, những làn gió thu mát lạnh và cả những cơn bão dông quá quắt... Tôi không biết giận ai, chưa nghĩ rằng mình sẽ thương ai. Cũng chẳng biết gì ngoài nhu cầu ăn ở - vốn đã quá dễ dàng đối với tôi. Đi cày thuê với con trâu, thế là tôi dư tiền. Nghĩ là mình có thể sửa lại căn nhà dột nát, may thêm một chiếc áo để thay cái đã rách nên tôi cũng biết dành dụm. Tôi cũng có giúp đỡ những người khốn khổ hơn tôi chút ít gì đó, bằng công hay bằng của, nhưng đều không đáng kể. Họ thiếu, tôi thừa, thế là nên san sẻ. Nó là chuyện tự nhiên như “nước chảy xuống chỗ thấp”, như “bớt chỗ dư, bù chỗ thiếu” vậy thôi.

Cuộc đời của tôi tưởng như êm ả thế, nhưng mà không! “Thiên liêng” dường như luôn tìm cơ hội để thò chân quậy sóng, rồi nó xô đẩy con người vào chốn xa khơi hút mắt nào đó mà chẳng ai lường trước được.

“Người phải ra đi, ấy là nghiệp định!

Sự sống chết của người - Bất tử có cần chi!

Chìm nổi, khổ vui - nào có ra gì!

Vùng đứng dậy - trong ánh mắt long lanh

triều dương thân nữ!”

Mùa xuân năm ấy, tôi đi cày thuê cho một gia đình cự phú ở ngôi làng kế cận. Tôi ở thôn Đoài, nhà kia ở thôn Đông. Hai làng cách nhau một hòn núi và một thung lũng. Khi được người gọi, tôi nhận lời ngay mà quên băng đi là trước đây, cha tôi và chủ gia đình đó có mối bất hòa. Tôi không rõ nguyên nhân ra sao, nhưng có lẽ họ ở chung triều, do cạnh tranh đất đứng, chỗ ngồi mà ra.

Đây là lần đầu tiên tôi đi ra khỏi ranh giới làng. Với trâu và cày, tôi bước đi trong sương sớm. Hai bên đường, bắp đậu đã lên xanh, và ngút ngàn trước tầm mắt là cánh đồng lúa nõn đang thời con gái. Đây là vụ cày muộn nhất mà tôi nhận cày rồi sau đó nghỉ ngơi chút đỉnh, có thể đọc sách, làm thơ, chăm chút mấy khóm hoa hoặc nghiên cứu triết đạo học. Những khoảng thời gian trọn vẹn cho mình thật vô cùng thú vị. Ân sủng cuộc đời có gì hơn - khi cơn áo đủ dùng, có mái che mưa nắng trên đầu và niềm an lạc tịnh mịch với cổ nhân, cổ thư, thánh hiền?

Đến eo núi thì nắng sớm đã lên. Vị thân triều dương xòe những tia nắng vàng rực rỡ xuyên chiếu ngàn cây nội cỏ. Và ô kìa! Trong tầm mắt tôi, chạy suốt theo cả triền thung lũng là một rừng hoa Thiên Hương nở rộ. Hoa long

lạnh nhiều sắc màu, lấp lánh sương mai như ngàn ngàn, trùng trùng viên bảo châu li ti reo ca nhảy múa.

“Đẹp quá!” Tự nhiên tôi thốt lên và lặng người đi giây lâu. Ôi! Thật là một cảnh sắc huy hoàng, suốt đời tôi chưa từng thấy. Thế giới đổi khác. Tôi lặng lẽ ngồi xuống. Bỏ trâu, bỏ cày, tôi ôm gối, mở lớn mắt chiêm ngưỡng cái kỳ diệu của thiên nhiên trời đất. Giây phút này không bao giờ tìm lại được. Nó mong manh hơn cả những tia nắng, hơn cả hạt sương; nhưng đồng thời, nó chân phúc, vĩnh cửu hơn cả những gì người ta hằng ý niệm. Những cái thoáng đến, thoáng đi trong đời mà người ta thường cứ mang, áp ủ như ước mơ, danh vọng, sự nghiệp... cho chí nước mắt, niềm vui, hận thù, gian dối... trong giây phút này đây, không còn nữa. Chỉ còn lòng mình trải ra với mệnh mông, vô tận, cái đẹp, cái sáng, cái chân phúc... Có gì cuộn cuộn trong cổ tôi, nó muốn trào ra, nó căng lồng ngực làm hơi thở tôi dồn dập, máu huyết như muốn vọt ra. Thế là đột nhiên tôi cất tiếng hát:

“- Ôi! Rừng hoa Thiên Hương ơi!

Người nở ra từ trái tim của đất

Đất nuôi sống người, lặng lẽ, âm thầm

người tựa mình, nứt ra từ vĩnh cửu

Người cho ta sự vô tận

Sự huy hoàng từ phù du của niềm đau nỗi chết

Ta hát lên

Ca tụng người!

Rừng hoa Thiên Hương ơi!

Cái đẹp của người và trái tim ta,

Đồng nhịp thở!

Ta hôn lên linh hồn của người

Để nghe sự ngây ngất và an lạc

Làm run run kiếp sống tất tả nặng nề

Ta có người là bạn

Như cỏ, như cây, như chân thật, như đá cuội

Trên đời hoang vu và rác rưởi!

Đôi mắt người long lanh

Như thì thầm, như nhắn gửi

Trong cuộc hành trình vô định

Thoáng giây là vượt mất

Tao ngộ một lần,

Ôi! Muôn trùng cách xa!...”

Và rồi tôi quỳ xuống lạy trời, hôn đất, rồi khóc nức nở. Ôi! Hạnh phúc, hoan lạc xiết bao!

Có ngờ đâu, tình cảm của tôi lại dạt dào đến thế. Từ lâu, sự dửng dưng lạnh lùng đã tạo cho tôi một cá tính trầm mặc, cỗi cằn và xa cách. Tôi đã dường như gỗ đá trước những niềm đau, nỗi khổ, sự thất vọng hay lo lắng của người đời. Bản tính này đẩy tôi tới góc trời cô lập nên chẳng thể hòa đồng được với thôn xóm, mặc dù tôi chưa hề khởi lên ý niệm phân biệt. Và chẳng, tôi cũng là người lao động như họ. Tôi yêu mến tri thức cũng như yêu mến lao động. Vẻ sáng, vẻ đẹp của tri thức và lao động, chỉ hiện hữu nơi một tâm hồn đẹp, một trạng thái tinh thần đã được thăng hoa. Vậy thì lao động hay tri thức chỉ là công cụ phô diễn, là hai phụ tá khuông phò cho cái chí chân, chí mỹ và chí thiện. Thiếu vẻ sáng, vẻ đẹp của tâm hồn thì lao động hay tri thức chỉ dẫn đưa con người đến hố thẳm, địa ngục thảm họa của thực vật nô lệ!

Bây giờ thì tôi hiểu. Từ lâu, tâm hồn tôi chỉ ngủ quên! “Thất tình” ngủ quên khá lâu trong vô thức chợt ào ào bước ra, dẫu không xô động, ồn ào, nổi loạn - chúng có vẻ lễ độ, khiêm tốn và nhỏ nhoi - nhưng tôi dễ dàng thấy rõ mặt chúng. Chúng đã đến, tôi tiên liệu sự đau khổ đã đến. Nghiệp định lưu đày đã cho sứ giả báo triệu. Chúng có thể là trái cây độc, tri thức, con rắn cắn đồ đã thè lưỡi ra từ vùng cam nín, tối tăm, đen ngịt ngàn đời...

Tôi thở ra và đứng dậy. Mặt trời đã lên cao. Sương đã khô trên hoa lá. Tôi đưa mắt nhìn quanh. Sự huy hoàng của rừng hoa Thiên Hương không còn nữa; hoa thì còn đây, nhưng sự “vĩnh cửu” của nó đã tan nhòa trong sương sớm. Có cái gì đó như mới mẻ, tinh khôi, sáng long lanh... vừa biến mất, không bao giờ trở lại, không bao giờ được gặp lại! Giây phút kỳ ngộ thế là đã qua đi, mất đi vĩnh viễn...

Tôi lần xuống đồi. Con trâu cày của tôi không có ở đó. Khi tìm ra thì quả là tai hại. Ngót một đám ngô lớn, con trâu của tôi đã ăn và dẫm nát hết sạch. Người ta giữ trâu và bắt tôi phạt vạ. Điều này thì đúng rồi và tôi có thể cày thuê để trả nợ dần dần. Nhưng oái ăm thay! Chủ của đám ngô chính là gia đình cự phú kia, đã lợi dụng cơ hội để trả thù; nên sau khi cho người đánh tôi đến ngất xỉu, họ cột trói tôi lại rồi đẩy vào một nhà chứa phân. Suốt một ngày một đêm bị đau đớn vì thể xác bầm dập, nhức nhối, tôi còn phải chịu sự đói khát, muỗi mòng và hôi hám nữa. Sáng ngày, họ dẫn tôi ra huyện đường cách đây mười dặm cùng với lá thư tay. Chẳng hỏi cung, tra xét gì lời thối, họ tống tôi vào ngục tối!

Thật là kỳ lạ. Cuộc đời không đơn giản chút nào. Nó thâm lặng nhưng phức tạp, bí hiểm dường bao! Bóng tối dễ đồng lõa với nhau nên tôi chẳng thể chờ đợi gì hơn ở công lý. Trong lao tối, tôi ngất xỉu vì đói, vì mệt, vì khát, vì đau buồn. Ôi! Có bao giờ tôi nghĩ rằng, đến một lúc nào đó trong đời, tôi lại phải chịu cảnh huống đau buồn và sầu khổ như thế này? Những tình cảm vẫn đục, lộn cợn bắt đầu đến với tôi, dày vò tôi và làm cho tôi chảy nước mắt. Tâm hồn rệu rã, bạc nhược và vô cùng tối đen. Mặc dầu bị còng hai tay nhưng tôi

cũng rần lẩn đến ô vuông nhỏ, ở đó có một thứ ánh sáng mờ đục từ bên ngoài hắt vào. Tôi hít một ít khí trời ẩm mốc, nồng nặc, không tinh tảo được chút nào mà lại là đi.

Chẳng biết mấy ngày đã trôi qua, người ta tháo còng, cho tôi ăn, cho uống bằng khẩu phần ít ỏi của con chó con nhưng thiêu hôi và tanh tưởi. Thời gian sau đó, tôi được đưa ra khỏi lao phòng, chung với những tù nhân khác, có nước, có ánh sáng, có khí trời, được làm việc, tôi hồi sức rất nhanh. Đồng thời, sự phấn nộ, cô đơn và hận thù lại tìm đến. Tôi dùng hai tay bưng mặt, gục đầu xuống, nghiêng răng để chống chọi với những tình cảm đầy bóng tối, xấu ác này. Và nhủ thầm với lòng rằng, dẫu sao, “định mệnh” đã đến, “nó” đã đến, vậy hãy cam chịu nó như cam chịu một đám đất khó cày, một người chủ khó tính, một ung nhọt ở nơi thân. Tôi sẽ chiến thắng. Hãy đứng lên, ngửa mặt, vươn cao và thách thức mọi sự. Yếu đuối, bạc nhược tâm hồn là nguyên nhân của sa đọa, trầm luân và tội ác. Người là sư tử chứ không phải là cừ non. Hãy uy dũng, hiên ngang và lớn rộng tâm hồn. Sự ngu si, hèn hạ của con người chẳng làm gì nổi người. Thế là tôi khỏe hẳn.

Từ đó, tôi đã thản nhiên và an bình trước mọi sự hành hạ kỳ quái của những tên cai ngục. Ở đây, đừng bảo hợp lý hay phi lý. Không có cái “lý” nào cả. Chỉ có cúi đầu tuân phục, nghe máng chưỡi và lãnh đòn vọt. Tuy thế, tôi chẳng sợ gì, vì trong tôi đã có rừng hoa Thiên Hương, mặt trời và màu xanh của cây cỏ. Lại có cả sư tử và cừ non nữa chứ. Nếu gọi được là “tiên bộ” thì tôi đã tiên bộ rất nhanh về sự tháo vác, nhẫn nhục, nụ cười và sự tha thứ, bao dung. Chỉ nom vài tháng sau là tôi lấy lại tám thân thể lực điền, sự vững chãi và trẻ trung của tâm hồn. Từ những công việc nhẹ như làm cỏ, quét sân, lau nhà, làm bếp... đến những công việc nặng nhọc như bở củi, đào mương, tải đá... chẳng việc gì mà tôi không làm bằng cả sự nhiệt tình, hoan hỷ và lương thiện. Người ta tin cậy tôi, cho tôi coi sóc một đám bạn tù và sống dưới chế độ lương thực, làm việc và ngủ nghỉ khác. Thế là tôi nhanh chóng học thêm một điều: sự ganh tỵ, ghét bỏ từ xung quanh lại tìm đến!

A! Thật khó sống làm sao? Tôi mỉm cười và tự nhủ. Tôi đem chúng lên cán cân và bắt đầu sống thí nghiệm “lùng khùng”, nghĩa là sống vừa phải, chừng mực trong mọi công việc lẫn thái độ khu xử. Như vậy, tôi không còn là tù nhân gương mẫu nữa, bù lại, bạn bè đỡ gay gắt và méo mó khi nhìn tôi. Sống chỉ còn xao rất ít và tôi rút ra được kinh nghiệm sống này; và nó chính là “chân lý đời” chẳng?

Rằm tháng bảy đã đến. Nhà tù mở cửa lao xá bảy ngày cho bà con thân nhân đến thăm viếng và các hội đoàn từ thiện đến ủy lạo. Tôi chợt thấy rằng, trong những ngày này, sự rảnh rỗi của mình không phải là điều đáng vui. Trong lúc mọi người vui vẻ, được ăn ngon, được nhận những món quà quý báu từ thế giới ánh sáng và đầy thân thuộc ở bên ngoài, thì tôi, với ít của từ

thiện, thui thủi nằm dài nơi góc vắng hoặc thơ thẩn nơi những chỗ không có một ai. Tôi cảm nghiệm sự cô đơn đến xót xa tận cùng, chợt đâu tôi nghĩ quấy rằng, chẳng có ai thăm hỏi, tặng một món quà, một lời an ủi dẫu dãi bôi, một cái nhìn giả vờ thông cảm - thì cũng là một thiếu sót ở đời! Đôi khi như thế là bất hạnh nữa! A! Sống - có nghĩa là phải đầy đủ tất cả những cái tầm thường và rộng không ấy? Có gì đó đã sai lầm trong tôi chăng? Có cái gì đó đã sa đọa trong tôi chăng? Rõ ràng là có một cái gì đó đã làm cho sự trong sáng, thánh thiện thưở đâu đời ở trong tôi không còn nữa. Tránh đi là hơn. Thế là tôi rút lui vào thế giới thâm lặng đầy mặc cảm của mình.

Bất chợt, vào buổi sáng ngày thứ năm, người ta gọi đúng tên tôi. Tôi mở mắt ngạc nhiên, mở lớn tai xem thử có nhầm lẫn nào chăng? Tôi vừa e ngại, vừa rụt rè, thận trọng tiến ra cổng nhỏ đến khu vườn tiếp tân. Đến nơi, tôi chọn một góc mù u rậm lá nhìn đảo dác ngược xuôi. Một cô gái quê cũng đang ngược xuôi đảo dác trong ghé đọi. Bất giác tôi chạy tới và kêu lên: “Chuồn chuồn”; rồi run run nắm lấy tay nàng, nghẹn ngào im lặng. Tay nàng cũng run run trong tay tôi, nghẹn ngào, im lặng. Bốn tia mắt gặp nhau, con mắt nào cũng tươm nước như một màn sương ướt.

Chẳng biết chúng tôi ngồi với nhau như thế trong bao lâu. Chợt dưng, nàng đứng phắt dậy, đặt cái gì đó vào tay tôi, áp hai tay vào hai má tôi, nhìn tôi với cái nhìn bi thương khó tả. Đột nhiên, nàng hôn vào má tôi rồi hối hả quay lưng bỏ chạy...

Tôi đứng bất động, lạ lùng với cái cảm giác nóng ấm, đê mê ở trên má. Tay tôi sờ vào đấy rất lâu, có cái gì đó rất mới mẻ mà tôi chưa cảm giác được ở trong đời. Khi nàng bỏ chạy, gót chân thoăn thoắt ấy không còn là của một cô gái tinh nghịch nữa, mà là một cái gì rất khó hiểu, một cái gì rất thân thương và bí mật mà tôi chưa hề thấy ở nơi nàng. Thế đấy, nàng đến với tôi như sớm mai, như sự lóe lên của ánh nắng huy hoàng, như sứ giả của rừng hoa Thiên Hương. Chợt nhiên, tôi linh cảm mơ hồ một sự mong manh nào đó, như hạt sương trên nhụy hoa, như một sự vĩnh cửu tinh khôi vừa tan mất:

*“Đôi mắt người long lanh  
như thì thầm  
như nhắn gửi  
trong cuộc hành trình vô định  
thoáng giây là vượt mất  
tao ngộ một lần  
Ôi! Muôn trùng cách xa!..”*

Tôi hát lên nho nhỏ khi về lao phòng. Tôi trân trọng gói quà của nàng. Người ta thôi thì đủ thứ sơn hào hải vị, riêng tôi, ngoài quà từ thiện, còn có thêm gói bánh kê của nàng - gói quà quý báu do tự tay nàng trồng ra, làm nên, bằng mồ hôi và bằng cả tấm lòng. Tôi dùng nó không cho ai thấy, còn



cất để dành! “Chuồn chuồn”, tên thật là Sin-yai-ko, là một cô gái quê nhỏ nhắn và xinh đẹp. Cô ta đi ở thuê cho một gia đình tương đối khá giả, đạo đức và lương thiện. Nàng làm lụng giỏi, tính tình cũng không phải ditudàng gì. Nói thế cũng không đúng hẳn, nàng rất ditudàng nhưng đôi khi cũng rất chanh chua, rắnmắt và cứng đầu. Nghe đâu, nàng là con của một tu sĩ theo phái Tân Tăng, ra đời với nhiều mặc cảm, cô đơn và nghèo khó. Cha nàng là một tu sĩ có danh, uy tín nhưng lại khước từ tất cả, sống đời rày đây mai đó với phong thái hạc nội mây ngàn, lãng đãng nghệ sĩ hơn là một thiền sư. Nàng mang ít dòng máu của cha nên thông minh, tài hoa và lãng mạn; một ít dòng máu của mẹ nên chịu khó, siêng năng và sùng đạo. Nơi góc tâm hồn nàng lúc nào cũng có khoảng trời thiêng liêng, cao cả, thơm ngát trầm hương thanh khiết. Nàng hãnh diện ở vào cái giai cấp thấp thỏinhat của xã hội đủ để khinh bỉ và chế riễu cái hợm hĩnh ngu si của giai cấp “trọc phú”. Chúng tôi có nhiều lý do để gần gũi nhau, ấy là sự nghèo khổ, có chút ít chữ nghĩa và tâm hồn. Chúng tôi không thân thiết đến độ yêu thương chết bỏ hay thề non hẹn biển; chỉ thân thiết vừa đủ để gặp nhau thì chào hỏi, nói vài câu trống rỗng bá vợ hoặc đôi khi trao đổi một cuốn sách hay, một câu thơ thú vị.

Một hôm, nàng đi dự lễ chùa ở đâu đó với bộ khoác trẻ trung và tươi tắn ở bên ngoài. Từ xa, màu áo xanh trong sáng, dáng dấp nhỏ nhắn, bước chân thoăn thoắt của nàng làm tôi liên tưởng đến một con chuồn chuồn đang bay lượn nhớn nhợ trong nắng sớm. Tôi bèn gọi:

“- Chuồn chuồn!”

Nàng quay lại, trừng mắt:

- Cái gì vậy?

- Là tên của nàng.

Nàng chau mày:

- Không có nghĩa lý gì cả, chẳng có tư tưởng, chẳng phải thi tứ! Anh này trống rỗng mất rồi!

Tôi cười câu hòa:

- Đúng thế! Một hình ảnh thoáng hiện trong tôi và tôi gọi tên, chẳng ra sao cả. Xin lỗi nàng vậy.

- Thế thì lại khác. Nàng ditudàng nói - Một hình ảnh thoáng qua! Hay đấy! Nghĩa lý, tư tưởng, thi tứ mà làm gì! Được lắm, chàng trống rỗng ạ!

Thế là nàng bắt đầu “thương” tôi, có kỳ không chứ? Tôi không hiểu. Chẳng lâu sau đó, gặp tôi, nàng nói:

- Hãy nhìn ngắm vô duy những hình ảnh thoáng qua, cha tôi bảo đấy là Cái Đẹp Thiên Thu!

Tôi rúng động cả châu thân! Ôi! Sin-yai-ko! Nàng đã khai ngộ cho tôi như vậy đó. Tri ân biết mấy. Bây giờ nàng lại đến thăm tôi nữa. Vĩnh cửu còn đây dấu ấn trên má tôi. Nó cho tôi sự diệu kỳ ngọt ngào của đời sống.

Ngày cuối tuần, “Chuồn chuồn” lại đến thăm tôi. Lần này, món quà của nàng là một bó hoa Thiên Hương cuối mùa. Ôi! Quý báu kỳ lạ mà cũng ngẫu nhiên kỳ lạ. Hay là nàng biết rõ câu chuyện của tôi? Sau này tôi mới biết, việc tôi mê mải ngắm nhìn rừng hoa Thiên Hương mà bị rơi vào vòng lao lý, người ta đã đồn đại, thêu dệt và xem đấy là hành động của một gã điên khùng, quái gở!

Tôi có yêu hoa không? Quả thật, điều này chính tôi cũng mơ hồ lắm. Nhưng rõ ràng là với bó hoa trên tay, tôi cảm động vô cùng. Mùa hoa Thiên Hương đã tàn tạ khắp nơi vào tiết tháng bảy, thế nhưng ở đây lại còn tươi nở. Chắc “Chuồn chuồn” của tôi phải lặn lội lên tận những bờ khe nước ở núi sâu. Ôi! Biết bao là tấm lòng! Chợt dung, một vọng tưởng đến với tôi: bó hoa này phải trở nên Bất tử!

Thế là tôi nghĩ cách gắn bó hoa ấy lên đầu giường. Người ta ăn trái sa-kê và quăng vỏ rải rác khắp đó đây. Vỏ sa-kê có gai cứng, tôi lấy một tấm và bỏ vào trong cái bát vỡ miệng. Loay hoay giờ lâu tôi mới làm xong “tác phẩm” của mình. Tôi đã cố gắng trung bày trọn vẹn bó hoa vào đó, chỉ cắt tỉa bớt một ít thân, cành và lá rườm rà. Tôi tận dụng, trân trọng và thường ngoạn trọn vẹn món quà tinh thần của nàng. Các bạn tù của tôi, họ nói là họ sẽ sống sót khi chợt thấy một khóm hoa Thiên Hương mọc ở đầu giường. Căn phòng sáng rỡ lên, tràn đầy sinh khí, vui tươi và mát mẻ. Nhưng niềm vui của tôi không được bao lâu, vì mắc gai của vỏ sa-kê không đủ sức giữ cọng hoa được bền. Thế là hôm sau ra ngoài lao dịch, tôi kiếm về những cái gai cứng, sỏi và sạn làm chân cấm. Bình hoa được làm lại sau một ngày, vậy là phải loại bớt một số hoa lá cành tàn úa và bầm dập. Tôi loay hoay hoài mà chẳng được gì cả, bình hoa nom xấu một cách kỳ dị. Tôi lại bỏ, cấm kiểu khác. Thế là một số gai, cành lại bị hư. Tôi chán nản bỏ đi. Khuya, tôi thấp đèn làm lại, vẫn không vừa ý, tôi âu sầu và đi ngủ.

Suốt đêm tôi trần trọc. Và bó hoa Thiên Hương lại hiện ra. Từ bó hoa Thiên Hương và sắc màu, nó mơ màng dẫn tôi đến một thế giới đầy hoa sắc. Vị thần Bất tử bước ra từ chòm mây trắng huyền hoặc, trang sức bằng vòng hoa Thiên Hương, nói với tôi:

- Người muốn bất tử không?

- Có muốn. Tôi đáp.

- Vậy thì người hãy chết! Chết tức phục sinh và bất tử!

Vòng hoa Thiên Hương xoay xoay rồi hiện hình chiếc búa. Vị thần Bất tử đánh vào đầu tôi. Hoảng hốt, tôi ôm đầu và vùng chạy.

Đây là khoảng quá nửa đêm về sáng. Bình hoa đầu giường bị rơi đổ tung tóe. Dường như trong cơn mộng du, nửa tỉnh, nửa mê, tôi đã ngồi dậy và cắm lại bình hoa.

Trong giấc ngủ, vị thần Bất tử hiện ra, nhìn tôi mỉm cười.

- Ngài đến đây làm gì nữa? Tôi trừng mắt hỏi.

- Người còn muốn bất tử không?

Tôi không nói không rằng, thò tay nắm chiếc búa. Vị thần Bất tử đột nhiên biến mất, để lại mấy đóa hoa rung rinh trong làn mây trắng. Ôi! Đây là cả một bình hoa chứ! Đẹp quá! Sáng ngày, tôi giật mình khi thấy bình hoa cắm hồi khuya - giống bình hoa trong mộng y hệt. Tôi ngồi bó gối yên lặng ngắm mãi mà không nghe tiếng keng báo hiệu giờ ăn và giờ lao tác. Tôi được bạn tù lôi dậy và họ thương hại tôi như thương hại một gã tâm thần.

Chuyện của tôi thế là được người ta đồn đại, thêu dệt rồi lan rất nhanh. Cả trại, từ ban giám đốc, giám thị, cai tù, tù nhân, ai cũng nhìn tôi bằng tia mắt khác lạ. Là chuyện gì đây? Tôi linh tính là có chuyện gì rồi nên bình tĩnh chờ đợi.

Hôm đó, tôi được gọi lên văn phòng ban giám thị.

- Hãy khai đi!

Viên giám thị đầu hỏi nhìn tôi bằng ánh mắt lừ đừ, mệt mỏi. Hỏi xong, y ngáp. Tôi được người ta cho ngồi trên chiếc ghế thấp. Khai gì? Tôi có hiểu gì đâu? Thế là tôi cất tiếng hỏi:

- Khai gì?

Viên giám thị trở người, hai cùi chỏ chống trên bàn, nâng lấy cằm, nhìn tôi một cách hồ hững, rồi cất giọng nhừa nhựa như ban đầu:

- Khai đi!

Tôi ngược mắt lên nhìn y rồi cũng hồ hững nhìn ra cửa sổ. Ô! Nắng mai đẹp quá!

- Mur-jô-chur! Y gọi.

Tôi nhìn y. Y lại cất giọng khàn khàn, đều đều:

- Hãy khai đi!

- Chắc có một lầm lẫn nào chứ? Tôi nói. Thưa ngài, chắc có một lầm lẫn nào chứ?

- Không lầm đâu! Mur-jô-chur! Không lầm đâu!

Y đứng dậy, bước đến và chậm rãi nắm cổ áo tôi. Và thật bất ngờ, chớp nhoáng, tôi thấy tối tăm mặt mũi, thân mình bị bốc đi, văng bấn vào một góc tường. Máu phọt ra từ mũi, tôi nghe cay cay ở mắt, dường như ở đó đã bị xé rách.

- Khai đi, Mur-jô-chur!

Giọng y vẫn như cũ. Y đứng chống nạnh và nhìn ra cửa. Tôi nhướn mắt, nghe nhầy nhựa ướt và nghe tai mình lùng bùng. Nó cũng kỳ khôi và vô lý như chuyện rừng hoa Thiên Hương và việc ở tù của tôi vậy.

- Ta chỉ có thời gian hút xong một điếu thuốc. Y nói - chừng đó để làm việc này. Giọng y đục, nhừa nhựa, khàn khàn, trầm trầm - Nếu khôn thì khai, dại thì cứ im lặng và cứng đầu, ta không cấm. Cái đó gọi là tự do. Chối làm chi? Cậu cũng hiểu hậu quả của nó rồi. Làm gì ư? Làm gì thì cậu biết lấy chứ? Phải thế không? Khai gì ư? Ai biết là cậu sẽ khai gì? Dễ thôi!

- Tôi chẳng biết gì hết. Tôi nói - Thật là rùng rú! Ông đánh tôi bằng tay đấm thú vật. Tôi là một con người, một công dân. Tinh thần Thần đạo truyền thống của chúng ta không cho phép ông làm điều đó. Nhưng tôi là Phật tử. Tôi tha thứ cho ông và cầu nguyện đức Phật gia hộ hạnh phúc cho ông. Tôi chỉ cấm một bình hoa Thiên Hương thôi, ấy là việc tôi làm.

Y ngồi vào bàn, gật gật đầu.

- Tốt, cứ khai nữa!

- Đây là khai à? Tôi ngạc nhiên hỏi.

- Cứ tiếp tục. Y nói - Cấm một bình hoa Thiên Hương, ấy là chuyện con cóc dưới gầm giường cậu, nó cũng biết. Nhưng mà “dấu hiệu” kia? “Ý nghĩa” kia? Ấy mới là điều!

- Tôi không biết gì cả.

- Biết mà!

Giọng y vẫn không lớn hơn, không nhỏ hơn, vẫn lừ đừ và ngái ngủ. Rồi y lại bước tới, chậm rãi vỗ vỗ vào vai tôi, và thật bất ngờ, chớp nhoáng hơn cả lần trước, y tông tôi bằng một cú đấm vào quai hàm. Tôi bị bắn tung đi, rồi bất tỉnh.

Sau đó, tôi còn bị kêu lên gọi xuống nhiều lần nữa. Đôi mắt lừ đừ và cái giọng khàn khàn trầm trầm bình thản của y làm cho tôi kinh sợ. Nhưng tôi biết gì mà khai? Thế là tôi lại bị học máu, bất tỉnh, người ta quăng cái xác tôi vào ngục. Các bạn tù thương hại, ân cần chăm sóc những vết thương cho tôi. Hơn tháng, tôi mới lấy lại sức. “Khai đi” - Giọng của viên giám thị đôi khi vang lên trong bóng tối, tôi nhìn quanh đảo đảo rồi đưa tay ôm mặt. Cái âm thanh ấy ám ảnh và đe dọa khủng khiếp làm cho tinh thần tôi bất an, dao động.

Sau này tôi mới hiểu, đây là vụ trả thù truyền đời do sự vu cáo của tên cự phú ở thôn Đông. Cha tôi thì đã mất rồi nhưng tôi bây giờ là nạn nhân kế tục. Nguyên thời ấy có một lực lượng chính trị chống lại triều đình, đằng sau có thể lực Gia-tô giáo trong và ngoài nước yểm trợ. Dấu hiệu bí mật của họ là khóm hoa Thiên Hương. Họ đang hoạt động trong bóng tối, đã kích Phật giáo, phân hóa tinh thần Thần đạo dân tộc và khuynh đảo cả thế lực của Thiên hoàng. Triều đình đã ra tay ngăn chặn, đập vỡ từ trong trứng nước.

Chỉ đại khờ và xui xẻo cho tôi - còn ngồi đây mà chiêm ngưỡng cụm hoa Thiên Hương!

Để xác tín cho tất cả những điều này, hôm kia, đến gặp tôi trong tù là một tu sĩ của triều đình. Y phục vụ cho một thế lực. Y thương xót đưa mắt nhìn tôi rồi nói:

- Phước thay là linh hồn không bị mất đi vì loài “quỷ dữ”! Phước thay là linh hồn còn trong trắng như đóa sen tinh khiết ở cõi “thượng phẩm thượng sanh!” Ta chúc mừng linh hồn của con!

- Còn linh hồn của ngài, nó ở đâu?

Tôi cất giọng hỏi. Và lạ Phật, lần đầu tiên trong đời, tôi có một câu nói khiếm nhã đối với một tu sĩ tích cực nhập thế.

- Đầu tiên, Chúa sáng tạo ra vũ trụ. Y giả vờ không nghe câu hỏi của tôi nên vẫn tiếp tục nói, hai đùi rung rung với nụ cười hiền dịu. Và thế là có vạn vật, con người, muôn thú và cỏ cây. Cái con người - Y nhấn mạnh rồi lại rung đùi - vị thủy tổ của nó bị đứ Chúa trời trừng phạt, lưu đày miên viễn ra khỏi Vườn Địa Đàng - vì tội cứng đầu, ngạo mạn, không tuân ý Chúa! Ai bảo nó không chịu phục tùng nô lệ! Phước thay cho ai sống đời tùng phục tùng, nô lệ ngài - vì thế là sẽ được ngài cho lên Thiên đàng, ăn cái bánh “cực lạc”. Tội cho ai ngỗ nghịch, bất tuân, phỉ báng ngài thì sẽ bị đày ở hỏa ngục đời đời, ăn cái bánh “cực hình”!

- Ngài muốn nói gì? Tôi ngắt lời và hỏi.

- Có muốn. Tu sĩ gật gật - Muốn cho con hiểu rằng, ta hiểu rõ gốc nguồn của “tà giáo” ấy. Đừng con! Đây là âm mưu của lũ Quỷ trắng - bắt con người nô lệ vào đảng thần linh mà bỏ quên năng lực tự chủ, tự giác của mình. Ta có thể thay đổi hoàn cảnh, chuyển nghiệp bằng tâm ý thiện lương, bằng sự sáng suốt của trí tuệ... Con hãy bỏ đi sự cầu nguyện và chiêm ngưỡng bá vợ, dẫu là cầu nguyện và chiêm ngưỡng “huong trời”; “thiên hương” không bằng “thiên lương”, “thiên lương” không bằng “tuệ giác” - là năng lực sáng suốt tự tâm. Đừng đại gì để mất linh hồn và làm nô lệ cho quỷ dữ!

- Ngài là ai? Tôi hỏi.

- Là tu sĩ... Y ngạc nhiên nói.

- Vậy thì tôi tin những điều ngài nói. Và ở trong “linh hồn” tôi, tôi cũng có những điều như vậy. Tôi đang sống với tự lực, tự chủ và tự giác. Và một đời hiền lương vô hại. Hốt nhiên tôi thấy rừng hoa Thiên Hương một sớm mai kia, giữa sương trắng và nắng vàng - nghĩa là tôi thấy sự chí chân, chí mỹ cùng sự bất tử của trời đất. Một thoáng mong manh đó, lòng tôi nở hoa cùng với tạo vật. Hạnh phúc thay cho ai được thấy sự bất tử này giữa đời sống hám danh, trục lợi, cùn mẫn, vị ngã. Mây mù u tối ở nơi tâm địa con người và trần gian, trong phút giây ấy được rọi sáng bởi mặt trời thiên phúc. Tôi hít thở với thiên phúc. Và đây chính là “thượng phẩm thượng sanh”, là Niết-

bàn, là Tịnh Độ, là Cực lạc mà ta hằng chối từ trong mỗi phút giây. Đắt Phật mở ra cho những người con nhìn thấy. Các quan niệm về Thượng đế, thiên đường vĩnh viễn và địa ngục vĩnh viễn là những tư tưởng ấu trĩ - nhưng dù sao, Chúa cũng đã từng nói: “Ta là ánh sáng, là sự sống, là con đường”? Vậy thì kệ cho ai loay hoay tô vẽ Chân phúc theo cái bầu dục vọng vô độ của họ, đong nước Thiên đàng bằng cái bình ham muốn không đáy. Chính ngài đang làm cái công việc gì đó, ngài Đại đức? Ngài rao giảng nhằm chỗ rồi, có một nơi nào ở cái quán đầu chợ thích hợp cho ngài hơn. Hãy bước đi! Vậy là tôi đã vô cùng trân trọng và lễ độ với ngài rồi!

Vị tu sĩ há hốc. Tôi còn muốn nói nữa. Một sự phẫn nộ đầu đó, nó trào ra, nó vọt ra. Vị tu sĩ nhìn tôi với đôi mắt mở lớn, y thối dần ra cửa rồi biến mất.

Từ đó, người ta không bắt tôi khai điều gì nữa. Có lẽ họ đã rõ trắng đen. Và có lẽ họ đã quên tôi như quên một con chó ghẻ, một bó giẻ rách.

Mùa xuân lại đến, mới đó mà đã một năm trời trôi qua rồi nhỉ! Ngày tháng trong tù cũng không dài lắm đâu. Tôi biết mùa xuân qua làn khí ẩm cùng với ánh nắng trong lành. Người ta rộn rịp đi thăm tù trong những ngày mở cửa lao xá.

Tôi hít thở khí trời, và cảm ân xiết bao khi thấy mình được sống và còn mạnh khỏe. Đồng thời, tôi lại thấp thỏm chờ đợi. “Chuòn chuòn”, hoa Thiên Hương và tôi như được gắn bó với nhau trong một định mệnh không rời. Thật trong sáng và thật đẹp là sự nhớ nhung này. Nhưng nàng không thấy đến. Cửa lao xá sắp đóng lại thì một tu sĩ đột ngột bước vào phòng cùng với tên giám thị đầu hói. Họ nói gì với nhau, sau đó, tôi được gọi đến. Viên giám thị tỏ vẻ kính cẩn đối với vị tu sĩ này.

-... Nó đấy! Là hoa Thiên Hương!

Vị tu sĩ nom đã đứng tuổi, lặng lẽ nhìn tôi, đôi mắt to, đen, phản chiếu màu xanh bên ngoài cửa sổ. Có một cái gì đó lặng lẽ, âm áp trong đôi mắt hiền dịu. Không khí thân thiết tỏa ra xung quanh. Ở nơi tu sĩ này, tất cả đều toát ra cái dung dị nhưng không phải thường phạm...

- Ta nghe tin thì đã quá muộn... làm cho người đau khổ trong bao lâu. Nhưng mà... nó thế, là nó thế!

- Vâng, nó thế là nó thế - Tôi trầm lặng lại lời nói của tu sĩ và ngơ ngác nhìn cả hai người. Tôi không hiểu ra sao cả!

- Người được tự do. Viên giám thị đầu hói nói - Đây chỉ là một sự nhầm lẫn đáng tiếc. Cầu nguyện đức Phật gia hộ cho người!

Tôi im sững giây lâu. Thế đấy! Chỉ là sự nhầm lẫn! Chợt dung, tôi nhảy lùi mấy bước, hăm hăm nhìn tên giám thị, vẫy tay nói:

- Lại đây! Tao sẽ đốt cho người mấy đám. Lại đây!

- Gì vậy? Cái gì vậy? Vị tu sĩ nhìn tôi hỏi.

- Hắn đã đánh tôi chết đi sống lại nhiều lần - vì cái hiểu lầm đáng tiếc của hắn. Cái giọng tra tấn khàn khàn, trầm trầm của hắn đã làm cho tôi bị ám ảnh, sợ hãi ngay cả trong giấc ngủ. Tôi thù hắn, tên đao phủ khốn kiếp!

Vị tu sĩ vỗ nhẹ nhẹ lên vai tôi:

- Mu-jô-chur! Thế là con đã đâm rồi, có phải vậy không? Tâm con đã đánh hắn ta rồi đấy!

Tôi đờ người ra. Cánh tay từ từ bỏ thõng xuống. Tôi ngược mắt nhìn tu sĩ, biểu lộ sự biết ơn vô hạn - vì người đã nói đúng. Phải! Người đã nói rất đúng. Con nóng nảy bỗng dịu dần rồi hoàn toàn tắt ngấm: sự ám ảnh, hận thù, sợ hãi đã tiêu tan ở trong tôi!

Thế là sau đó, tôi theo tu sĩ đi ra khỏi tù, không hiểu gì cả. Cái nhân duyên, nghiệp báo thật là quái gở! Trong cái vòng quay dường như tất định ấy, tôi có tham dự vào đấy không? Ý chí của tôi cũng có đấy, nhưng nhờ nhiệm làm sao trong cái dòng thác cuộn cuộn của nghiệp lực cơ hồ không cưỡng được, cơ hồ như những chuyện tình cờ, ngẫu nhiên! Ai là kẻ hốt nhiên đến, hốt nhiên đi, thông dong như chưa hề vướng vấp vào một kháng lực tất yếu nào? Tôi đang bước qua một ngã rẽ của đời mình và hy vọng học thêm được nhiều điều.

Chúng tôi theo hướng trở về làng cũ. Vị tu sĩ cất những bước đi dài, vai không động, thoăn thoắt trên đầu cỏ. Đến một ngọn đồi thì chiều đã ngã bóng non tây.

Vị tu sĩ bây giờ mới ngồi xuống, chậm rãi kể nhiều chuyện cho tôi nghe. Ngạc nhiên xiết bao khi biết ngài là cha của Sin-yai-ko, “Chuòn chuòn” của tôi. Sin-yai-ko cũng bị bắt sau khi tặng khóm hoa Thiên Hương cho tôi. Bốn tháng sau, ngài nghe tin, vội đến can thiệp, Sin-yai-ko được thả ra nhưng đã mắc bệnh trầm trọng, thang thuốc thầy đều bất lực. Trước khi nhắm mắt qua đời, Sin-yai-ko yêu cầu thống thiết ngài phải đùm bọc che chở cho tôi.

Nghe xong, trời đất quay quay đảo lộn trong tôi. Đợi cho tôi tỉnh táo đôi chút, ngài dẫn tôi đến một ngôi mộ chưa xanh cỏ. Ai đã thấp nhang ở đấy và cắm thêm một khóm hoa dại. Màu hoa nhàn nhạt trong nắng chiều mang vẻ quạnh hiu, âm đạm không thể tả.

Tôi ngồi xuống, nhìn nắm đất rất lâu, đột nhiên tôi thốt lên:

- Khó kham nhẫn! Khó kham nhẫn!

Vị tu sĩ chăm chú nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Vậy thì bước tới hay tránh qua một bên?

Tôi cũng nhìn thẳng vào mắt ngài, lắc đầu:

- Hai đường đều chẳng thể!

- Nếu chọn lựa?

- Ra khỏi nó!

- Bằng cách nào?

Chợt nhiên tôi đứng dậy, cười ha hả, cười chảy nước mắt. Và rồi, tôi hát:

“- Ôi! Rừng hoa Thiên Hương ơi!

Người nở ra từ trái tim của đất

Đất nuôi sống người,

Lặng lẽ, âm thầm

Người cho ta sự vô tận

Sự huy hoàng

Từ phù du của niềm đau, nỗi chết

...

Đôi mắt người long lanh

như thì thầm

như nhắn gửi

tao ngộ một lần

Ôi! Muôn trùng cách xa!..”

Để cho tôi chìm ngập trong thế giới hồi tưởng của riêng mình, vị tu sĩ thò tay vào đây ta bà lấy ra một bức tranh đã cũ vàng. Trong tranh, người con gái bị tật một chân đang bước đi trong chiều muộn, đến cánh rừng hoa anh đào nhòn nhạt, đằng sau là khung trời xa thẳm.

- Đây là “đi” của Sin-yai-ko! Vị tu sĩ chậm rãi nói - Là một người đàn bà tật nguyên nhưng tâm hồn vô biên, đủ để khinh thị và cao ngạo cả niềm đau, nỗi chết, cả sự bất hạnh của chính mình. Ta là một tu sĩ đa tình, muốn bảo vệ, che chở cho nàng nhưng lại bị nàng phủ nhận. Ta đã từ bỏ mọi thứ trên đời, một thời, để chạy theo nàng. Thì bây giờ, ta cũng từ bỏ mọi thứ trên đời... để...

Tôi trầm ngâm nhìn vào bức tranh:

- Đi tìm mùa xuân cũ đã mất?

- Đây không phải là điều vô vọng sao? Tu sĩ nói. Nhưng còn người thì thế nào, Mu-jô-chư?

- Có cần gì thứ vô vọng ấy - Tôi có quyền mà! Tôi có quyền mà!

Vị tu sĩ mỉm cười lặng lẽ, thò tay vào đây ta bà lấy ra một khúc sáo ngắn.

Người leo lên một tảng đá cao, ngồi xếp bằng rồi bắt đầu thổi.

Ôi, tiếng sáo! Tôi chồm dậy. Tôi muốn hét to lên cho nứt vỡ cả đất trời!

Thân thể tôi mà gì? Niềm đau nỗi khổ của tôi là gì? Tôi bị bốt tung vào vô tận. Tôi bị ném vào giữa ruột đại dương sâu. Tôi như được chấp đôi cánh đại bàng để bay vút qua hàng ngàn miệng núi lửa... Tôi không còn là tôi, mà là một thực thể phiêu bồng, vô danh, lướt qua hàng triệu kiếp trả vay, sinh tử.

Ôi! Kinh khiếp, vĩ đại thay là tiếng sáo!

Mặt trời đã tắt, vì sao Hôm xuất hiện. Vị tu sĩ đứng dậy, bóng cắt giữa nền trời.

- Ta đi chứ? Tu sĩ nhìn ra xa nói.



- Vâng, ta đi!

Vị tu sĩ bước xuống, cát tranh cát sáo vào đẫy ta bà, nắm tay tôi rồi dẫn tôi lên núi cao.

Tôi là Mu-jô-chur - “Tôi đã đi tu như vậy đó.”

---o0o---

## **Kẻ Được Chân Truyền**

Chuyện được kể lại do một thiền sư Nhật Bản vào thế kỷ thứ XI. Ngài xuất thân từ giới võ sĩ đạo, sau này vì thâm ngộ Phật học mà thấy được chân lý vẹn toàn và cao cả của nhân sinh.

Từ bỏ chức vị coi mấy vạn quân cấm vệ của triều đình, ngài khoác áo du tăng hành cước, rồi sau đó ẩn dật nơi động thẳm hang sâu. Vết chân ngài, sau này, không những còn lưu lại nơi các võ đường trú danh của con cháu “Thái dương thần nữ” mà còn lưu đậm trong các truyện ký, ngữ lục hoặc những giai thoại của Thiền tông.

Vì không được chân truyền của thầy, Vệ Hải lui thủ trở về quê nhà lập nghiệp. Không bao lâu, dưới chân núi Vô Vi mọc lên một võ đường, bao giờ cũng có khoảng mười ngàn môn sinh khắp bốn phương đến thụ giáo.

Tuy đã là một võ sư khét tiếng, Vệ Hải sống một đời thanh bần và giản dị. Chàng dành hầu hết số tiền có được để tặng cho các bệnh xá và các quỹ xã hội. Ngoài ra, nơi chỗ ngụ cư của chàng bao giờ cũng có khoảng từ hai mươi đến ba mươi vị du tăng hành cước dừng chân với đủ y thực, sàng tọa và thuốc men.

Người ta kính trọng chàng cả tài năng lẫn đức độ. Hôm kia, đức vua nghe tiếng thỉnh Vệ Hải vào triều: “Ta phong cho khanh chức võ tướng đầu triều, coi tám muôn quân cấm vệ, đệ nhị phẩm và lộc thiên thạch để hưởng phú quý”.

Vệ Hải phủ phục dưới bệ rồng:

- Hạ thân căn trí ngu độn, chỉ có cái hư danh, chẳng có thực tài. Xin bệ hạ tha cho tội chết.

Nhà vua ngạc nhiên hỏi:

- Có lẽ nào? Khoa tiến sĩ võ cử năm kia, đứng đầu hai vạn môn sinh, võ tướng vô địch trần thủ bắc thành Phú Hách với tài thần tiễn “bách bộ xuyên dương”, vốn xuất thân từ chân núi Vô Vi?

Vệ Hải kính cẩn tâu:

- Quả thật vậy! Thiếu niên Phú Hách có theo học nơi hạ thần hai năm về cung tiễn.

Nhà vua lại nói:

- Khoa tiến sĩ võ cử năm vừa rồi, bây giờ là tiên phong hỏ tướng Lý-đát-noa, với hai thanh liễu điệp đao có thể lấy đầu tướng giặc cách xa hai trượng, nghe đầu cũng từ dưới trướng của khanh?

- Muôn tâu! Thanh niên Lý-đát-noa huyết khí phương cương, không có chí dài lâu, chỉ mới học một năm về đao thương đã vội về kinh lập công danh.

Vua vuốt râu cười hi hả:

- Hay lắm! Vậy nếu khanh từ chối lộc hàm, khanh phải đào tạo cho hai hoàng tử con ta có cái bản lĩnh được vài phần của khanh cũng được.

Chẳng biết sao hơn, Vệ Hải xin phép được dẫn hai hoàng tử về chân núi Vô Vi.

Năm năm sau, chàng dẫn hai hoàng tử về phục mạng, tâu là đã học hết cái tài làm tướng ở đời.

Vua nhìn thân thể gầy gò của hai hoàng nam thì nghi ngờ khôn xiết. Với vóc dáng ấy thì rõ là tay văn nhược, làm sao mà “cử đình bạt sơn?”

Hiểu ý rồng, Vệ Hải tâu:

- Nhờ phúc ảm của bệ hạ, hai hoàng tử cốt khí hơn người, giữa một vạn môn sinh họ đã trở tài vô địch. Chân núi Vô Vi không có người thứ ba.

Cuộc thử tài sau đó được diễn ra ở đại võ trường.

Hoàng tử thứ nhất dùng thanh kiếm báu của vua ban, ngòi bất động. Hoàng tử dùng tâm chỉ huy kiếm. Thanh kiếm đảo lộn giữa hư không lấp lánh hào quang, chém cụt cả hàng trăm võ báu.

Lần thứ hai, hoàng tử sử dụng thanh kiếm gỗ tầm thường, dùng ý lực tạo sức mạnh ngàn cân, đánh rơi tất cả đồng chùy và thiết côn vĩ đại.

Lần thứ ba, hoàng tử cầm một nhánh liễu, tập trung ý lực. Nhánh liễu như con rồng thân lá lướt vờn mây, len lõi giữa rừng vũ khí, điểm tê mọi huyết đạo. Vũ khí rơi như lá rụng.

Nhà vua và quần thần kinh sợ quên cả vỗ tay, miệng há hốc không nói nên lời.

Văng vẳng có giọng Vệ Hải tâu:

- Xin bệ hạ tha tội! Hạ thần đã đem hết tâm truyền nhưng hoàng tử chỉ học có bấy nhiêu; “dùng tâm sử dụng kiếm”. Là giai đoạn thứ nhất của một hành giả võ đạo.

Biết tài thần sầu quý khóc của hoàng tử thứ nhất nên hoàng tử thứ hai bước ra với hai bàn tay không, mọi người đều nín hơi chờ đợi...

Hoàng tử ngòi xuống theo thế kiết già phu tọa.

Cuộc đấu khởi đầu...

Hai mươi võ tướng hét “ki-a” một tiếng, hai mươi thanh đại đao như hai mươi con thanh long đầy móng vuốt đồng lao tới một lượt. Nhưng kia! Hai mươi thanh đại đao đều rơi nằm yên lạng trên đất.

Năm mươi tay thần tiễn đồng buông một lúc năm mươi mũi tên vàng. Nhưng kìa! Năm mươi mũi tên lại đổi hướng bay lên hư không!

Hoàng tử này không còn “dùng tâm chỉ huy kiếm” mà “tâm đã là kiếm”, sử dụng vũ khí của đối thủ theo ý muốn của mình.

Giọng Vệ Hải thoảng giữa võ trường, môn một bên tai đức vua:

- Xin bệ hạ tha tội! Hoàng tử quả có căn cốt ưu tú, trí tuệ hơn người, đã học được chặng đường thứ hai của một hành giả võ đạo: kiếm là tâm, tâm là kiếm.

Sau cuộc tiệc đãi đấng trọng hậu vị võ sư siêu việt, hoàng tử thứ hai xin phép đức vua theo thầy để thụ giáo cho đến nơi đến chốn.

Vệ Hải tâu:

- Tâu đại vương! Tâu hoàng tử! Khả năng một đời của hạ thần vậy là đã trao truyền hết rồi.

Đức vua ngạc nhiên:

- Khanh dường như có nói đến giai đoạn thứ ba?

Vệ Hải thở dài:

- Quả có, tâu đại vương! Nhưng hạ thần phước mỏng nghiệp dày chẳng theo học được. Hạ thần đã bị vị ân sư cao cả đuổi về nơi chặng đường thứ ba này vì căn trí ngu độn.

Đức vua và quần thần kinh sợ.

Hoàng tử đứng chôn chân một chỗ, tự nghĩ:

- Thầy ta khiêm tốn và cao cả vô cùng. Thầy ta mà đã nói vậy thì ta chẳng thể học được nữa rồi.

Từ đó, nhà vua được hai hoàng nam, như hai cánh tay của vị thiên tướng, biến một nước hèn nhược thành một quốc độ phú cường, các nước lân bang đều khiếp phục. Tuy thế, trong lòng nhà vua luôn bị tò mò ám ảnh bởi hình ảnh cuối cùng của một hành giả võ đạo. Y là thế nào? Tài của y kinh khiếp đến độ nào?

Một năm sau, từ chân núi Vô Vi loan tin về: vị võ sư siêu việt đã giải tán đám môn đồ. Vệ Hải đã được thầy gọi lên núi.

Nhà vua, hai hoàng tử và cả triều đình hồi hộp đón chờ lần trở lại của vị võ sư ấy. Nhưng thời gian... thời gian đã quá lâu, đã không biết bao nhiêu mùa hoa anh đào, vị võ sư vẫn biệt vô âm tín.

Hôm kia, không ngờ được, họ lại nghe tin vị võ sư đã từ chân núi trở về.

Ai cũng ngỡ ngàng.

Vị võ sư siêu việt bây giờ đã là một sa-môn hành cước, y áo đầy bụi đường, khuôn mặt xương xẩu, khắc khổ, chứng tỏ đã trải qua cuộc sống gian lao.

- Tâu bệ hạ! Đây là chặng đường thứ ba của một hành giả võ đạo: con đường tự thắng mình!

Nói xong, vị sa-môn mỉm cười kín đáo rồi lặng lẽ cúi đầu đi về phía trước.

---o0o---

## Mảnh Trăng Tiên Kiếp

Hoàng đế Mễ Sa thả lỏng dây cương cho con long câu chậm vó lại. Con lương mã tinh khôn đang phóng nước đại, chợt cảm thấy dây cương lỏng dần, vội hãm đà đổi sang nước kiệu nhỏ. Nhà vua như rã rời, ngựa cũng đã thấm mệt, thế mà bóng con thú lại biến mất lần nữa. Suốt một thời oanh liệt trên lưng ngựa, chưa lần nào ngài để kẻ thù trước mắt vượt khỏi, thế mà lần này, con hươu sao bé nhỏ lại như nhờn nhờn, bốn cọt thật đáng hận vô cùng!

Nhà vua miên man suy tưởng mặc cho con tuấn mã chạy rủng rãi theo lối mòn. Khi mở choàng mắt, nhà vua thấy một con suối, ngài khoan khoái vô cùng; vội xuống ngựa và vục đầu trong dòng nước mát. Khi ngẩng lên, thì bờ bên kia, một con hươu sao! Nhanh như cắt, hoàng đế vọt đến bên ngựa, chụp vội cây cung. Vừa mới giương cung thì con hươu sao đưa mắt tròn đen lay láy nhìn nhà vua rồi lại lủi mất. Thịnh nộ nhưng trầm tĩnh, nhà vua lại lên ngựa, phóng qua suối, đuổi theo chân con thú. Nắng chiều lấp lánh trên ngàn cây. Tiếng vó ngựa dòn dập thoảng động rồi chìm mất giữa đám lá rừng xào xạc.

Trời đã sẫm tối. Hoàng đế Mễ Sa lại một lần nữa chậm vó. Núi rừng trùng điệp vây quanh. Một vài bóng chim đập cánh uể oải. Hoàng đế chợt giật thót mình, lo lắng nhìn quanh. Mãi đuổi theo con thú, nhà vua đã lạc mất đường về. Núi rừng lạnh lùng hoang dã. Đâu đây đã vọng tiếng hổ gầm.

Không biết trải qua bao nhiêu giờ khắc căng thẳng lẫm lũi dưới bóng đen càng lúc càng dày sâu, nhà vua thấy xa xa thấp thoáng có ánh đèn. Theo chân ngựa, ngài tìm lần về điểm sáng. Chẳng bao lâu, ánh lửa từ cây đèn mù u hiện rõ trong tầm mắt, soi tỏ một chái am tranh, hoàng đế thở phào xuống ngựa.

Chợt cánh cửa trúc mở toang, bóng người, cây đèn và tiếng nói như hiện ra cùng một lúc.

- Kính chào bệ hạ! Bàn tăng chờ đợi bệ hạ nơi này đã lâu.

Hoàng đế Mễ Sa kinh ngạc đến đờ cả người. Mãi một lúc sau, nhà vua mới thốt được nên lời:

- Làm sao... mà đại sư biết trẫm... trẫm đến mà đón?

Nhà vua thấy rõ chủ nhân là một vị sa-môn rất già.

Vị sơn tăng mỉm cười nhẹ, nụ cười dịu dàng mát mẻ tỏa sáng như mảnh trăng buổi sơ thu, rồi khoát tay, bước trái qua một bên:

- Xin cung thỉnh bệ hạ vào thảo am ngồi nghỉ đã! Bệ hạ rong ruổi nhiều, long thể chắc đang thấm mệt.

Nhà vua mặc dầu còn bỡ ngỡ cũng vội dắt ngựa tiến vào.

- Cỏ lúa đều đã được dành sẵn, bệ hạ hãy giao ngựa cho bản tăng.

Hoàng đế Mễ Sa chậm rãi bước vào tịnh thất. Ngài đưa mắt nhìn quanh. Một tấm ngọa cụ bên bằng cỏ đặt nằm sát vách tường phía đông. Hai chiếc bồ đoàn trải giữa phòng cùng bộ đồ trà bé nhỏ bày trên chiếc kỷ. Nơi vách nửa chính giữa, treo buông thả một bức tranh thủy mặc, nét bút khoáng hoạt, mờ ảo đầy vẻ phóng dật, tiêu sái. Không khí thiên am như toát ra cái gì đó, nửa xa lạ, nửa thân thiết.

Nhà vua nhẹ cởi hài, ngồi ghé lên bồ đoàn, lại đưa mắt nhìn bức tranh lần nữa. Sao lạ, có cái gì kỳ quái ở bức tranh này? Ta đã từng thấy nó ở đâu? Nó quen thuộc lắm! Nhà vua chăm soi nhìn kỹ. Nét bút này, giản phác, mạnh mẽ mau lẹ - chuyên vẽ lan trúc - mà sao tác giả lại phối hợp thêm những nét “bát mặc” của vương gia đời Đường? Lối “bát mặc” thì dễ loạn mà ở đây không loạn, chứng tỏ nghệ sĩ đã biến được cái “vô pháp” thành “hữu pháp”. Vẽ sơn thủy như tác phẩm này dường chưa đạt được “vẽ núi đứng như núi bay, vẽ suối chảy như suối dừng lại” (sơn phi tuyên lập), nhưng cũng tạm coi là những nét tĩnh, nét động đã toát ra đúng độ, hài hòa, khí vận trôi chảy tự nhiên, nhất quán. Đây chính là nét bút mà nhà vua rất yêu thích, nếu không muốn nói là một tâm đắc độc đáo của mình. Giấy thì đã cũ vàng, nhưng nhà vua vẫn nhìn không lầm lộn là loại “kim tiền” làm ở Cao Ly và Vân Nam - giấy màu xám, phẩm chất thô, có nhiều vôi - chỉ dùng trong hạng dân dã.

Nhà vua bản thân nghĩ ngợi. Một rung động thoáng qua làm nhà vua tái mặt. “Nét bút này chẳng lẽ là của ta?”

- Bệ hạ thấy bức tranh đó thế nào?

Nhà vua chỉ loáng thoáng nghe mơ hồ câu hỏi. Tâm trí nhà vua vẫn đắm chìm trong dòng suy tưởng. Ta có bao giờ dùng loại giấy “kim tiền” này? Nếu không tìm ra giấy đời Tống, hiệu Đông Tân đường làm bằng bẹ tre, thì ta dùng giấy của đất Sở, Hồ Bắc. Mà bức tranh này, nếu đúng là ta vẽ, thì ta đâu đã vẽ hoàn tất?

Tiếng vị sư già như gió thoảng bên tai:

- Bản tăng nhớ hồi xưa, cách đây gần bốn mươi năm về trước, người vẽ nên bức tranh này đã nói như sau: Cái đặc biệt ở tác phẩm này là “vô pháp” mà thành ra “hữu pháp”. Mục vậy theo lối “bát mặc”, tưởng là loạn mà không loạn. Đây là một trường phái riêng, vừa cổ kính như thời gian đọng trên ngôi thành xưa rêu mục, vừa mới mẻ như giọt sương long lanh trên đầu lá buổi sơ xuân... Hà... hà... hà... Người ấy cười vui khoái thích rồi tiếp - Tuy thế... phải để ý, đằng sau những giọt sương kia, loáng thoáng ẩn hiện vành trăng sơ huyền thăm thẳm và xa xôi...

Hoàng đế Mễ Sa sực tỉnh.

- Mảnh trăng? Đại sư nói mảnh trăng nào?

Ngọn đèn mù u chợt tỏa sáng rộng dưới tay nhà vua, ngài cố nhìn cho rõ bức tranh hơn tí nữa. Rõ ràng ở đây không có mảnh trăng nào. Vậy đâu là mảnh trăng sơ huyền mà vị sư già nói đến?

Hoàng đế Mễ Sa như chợt sáng ý ra, gật đầu:

- Đại sư nói phải! Ở tác phẩm này còn thiếu một mảnh trăng. Thêm một mảnh trăng sơ huyền ần ần hiện hiện sau màn sương, bức tranh sẽ tỏa sáng, có tư tưởng và tăng xúc cảm hơn.

Vị sư già dường như không nghe lời của nhà vua, vẫn tiếp tục với chuỗi hỏi úc quá khứ:

- Người vẽ là một nhà sư có tài cao chí lớn. Tâm thì như chứa cả ngũ nhạc, mà trí thì như kinh ngư biển lớn vùng vẫy. Ôi! Nét bút của y mới tài hoa phong vận làm sao? Người xưa nói rằng, đọc văn là biết người. Ở đây, ta có thể xem tranh và tinh thần của nó mà đọc ra đường chỉ vận nghiệp duyên mai hậu. Bức tranh này: còn nghiệp chướng si mê, tù trong lục đạo, trăm dây phiền não, nghiệp báo không rời. Bàn đạo đã nói như thế sau khi y phác thảo nên bức họa này. Và đây là lời nói của y như còn mồn một bên tai: Hiền huynh! Tiểu đệ sinh ra trong một gia đình nghèo khó, lại đi tu từ nhỏ, thành thử chuyện đời chưa từng biết qua. Như hiền huynh từng giáo dụ thì chúng sanh, ai ai cũng phải trải qua những kinh nghiệm khoái lạc và đau khổ trong ba cõi sáu đường rồi mới có thể giác ngộ. Vậy thì đệ nguyện kiếp sau sinh làm hoàng đế để xem thử mùi vị cao sang quyền thế nó như thế nào. Nếu lúc ấy mà đệ đắm say vào vinh hoa dục lạc, thì hiền huynh tìm cách nhắc cho đệ tỉnh thức nhé! Hiền huynh ơi! Bức tranh này đệ vẽ đang còn dang dở. Giả như khi đó đệ vì: tình ái si mê, tù trong lục đạo, trăm dây phiền não, nghiệp báo không rời... thì hiền huynh nhớ đưa ra, không chừng đệ nhớ lại mà tỉnh ngộ cũng nên.

Hoàng đế Mễ Sa bàng hoàng. Ngọn đèn trên tay rơi đổ xuống nền đất. Mảnh trăng sơ huyền từ trong bức tranh hiện ra lấp lánh sau màn sương. Nhà vua đứng bất động.

Vị sư già thoáng nhẹ nụ cười trong tối, tiếng nói bây giờ âm và mạnh như một hồi chuông thu không:

- Tâu bệ hạ! Vàng trăng đó đã chờ bệ hạ gần suốt bốn mươi năm nay. Bàn tăng nhớ lời hẹn ước xưa về đây lập thảo am chờ nhân duyên để tái ngộ cố nhân! Con hươu sao hồi trưa là một chút phép mọn của bàn tăng, để dẫn dắt bệ hạ về đây xem lại tác phẩm của mình đang còn dang dở!

Vị sư già dứt tiếng mà hoàng đế Mễ Sa như còn miên man trong cõi mộng xa thăm nào.

Sau khi thấp đèn, chuyên một tách trà nóng ấm cho nhà vua, vị sư già lại thở dài:

- Ôi! Thoáng chốc mà chúng ta xa nhau gần nửa thế kỷ rồi! Vật đổi sao dời, sinh sinh hóa hóa, chuyện xưa nào khác giấc mộng đầu hôm. Chúng ta vốn là đôi bạn đồng đạo dưới chân ngọn Thiên Lĩnh, nay thì kẻ là bộ ngọc mình rồng, người thì đang còn áo đà dép cỏ. Giờ đây, ước nguyện làm hoàng đế đã thỏa chưa, hả cố nhân tài cao phong vận? Mảnh trăng sơ huyền có bao giờ lặn khuất? Bộ hạ thấy thế nào? Ôi! Sá gì chiếc ngai vàng tanh hôi danh lợi lẫn quyền uy sớm còn tối mất? Cát bụi trần ai hãy trả về cho cát bụi trần ai! Khi cơ duyên chín muồi thì trái cây kia rụng xuống. Hãy tỉnh ngộ đi thôi bộ hạ!

Đột nhiên, hoàng đế Mễ Sa rướn người dậy, thò hai tay chụp vội bức tranh, chạy vọt ra rừng đêm mất dạng.

Vị sa-môn già nhìn đăm ra khung cửa một lúc lâu rồi quay vào, thoáng động hai hạt sương không rơi trên khóe mắt.

Ngọn đèn mù u lụn bấc leo lét tàn. Vị sư già lựa một thế ngồi thoải mái trên nệm cỏ, lưng dựng thẳng, môi thoảng nụ cười xa rộng, rồi hơi thở cũng dường như chìm tan vào cõi mênh mộng, hư tĩnh...

Mảnh trăng sơ huyền cong cong nằm nghiêng bên cửa sổ từ từ khuất vào một đám mây.

*Yên Hà các, Đạm Lư hiên 1980  
( cùng viết với Pháp đệ Pháp Tông)*

---o0o---

### **Đạm Tuyết Tầm Mai**

Buổi sáng mùa đông năm ấy, tu viện Thiên Môn, phía Bắc thị trấn Odeti, chợt xuất hiện một người khách lạ. Không biết y bao nhiêu tuổi nhưng nom đã già cõi lắm. Lão vác một nhánh mai to nặng và thò tay giật chuông cổng tu viện.

Lúc ấy tuyết đang rơi, đường sá phủ từng đống tuyết tròn, nhấp nhô như mộ địa, không một bóng người lai vãng. Gió tây bắc ào ào thổi qua, tung tuyết rất mật. Trời nặng nề, đục, đầy vẻ hăm dọa, có lẽ phải lạnh đến mười độ âm. Người khách trùm chiếc áo bông đã tang thương và phong trần quá đỗi. Đôi ủng da cũng đã xác xơ và điêu linh như thế. Không biết y đã dầm qua bao nhiêu sông núi mới đến được nơi này.

Một nhà sư to, cao, cà-sa trùm kín người, tay đung đưa chùm chìa khóa, dáng bực bội ra mở cổng tu viện. Y chững lại. Ở đâu ra người khách kỳ quái này? Và nhánh mai như thần thông diệu hóa thế kia? Làm sao lại có được

nhành mai đương độ khi tuyết băng như đang trùm lấp xứ này, cây cối chông chơ những que cọng vươn lên từ biển tuyết thế kia thì chưa hứa hẹn một mầm xanh nào cả. Giữa cái trơ trụi của mùa đông, nổi bật lên nhành mai mon nỡn, điểm lác đác mấy nụ vàng tươi như thách thức và bốn cột với hóa công! Người khách - cái lão già khú đế kỳ khôi này - rõ ràng là đang đứng đó thôi: bất động, lạnh lùng, đôi mắt sáng đục, lơ lơ nhưng bình thản. Đây là sự nghi ngại của con ngựa già dẻo dai, hiền hách sau chặng đường xa lao nhọc.

- Quý tôn ông hẳn là không gõ lăm cửa đây chứ ạ? Nhà sư dè dặt cất tiếng hỏi.

- Không lăm đâu. Người khách đáp - giọng nhỏ, nhưng luồng hơi dường như đi xoáy vào tai.

Nhà sư biến sắc, giật lùi một bước, lát sau mới trấn tĩnh lại:

- Xin cho bản đạo hay là vào tu viện để gặp ai? Có việc gì?

Người khách như thoáng mỉm cười rồi giọng nói như làn gió mùa thu mát mẻ:

- Nó như thế này - Khách nói như phân trần - lão sẽ làm phiền nhà chùa một chút thôi. Đại đức ạ! Lão xin được cắm nhành mai này vào một chiếc lọ thích hợp, mà đúng là thích hợp đấy nhé - Lão nhấn mạnh rồi ngược nhìn trời - Tiết dương nguyên cũng không còn bao chày, có một gốc mai đúng độ để nhà chùa thưởng xuân, cũng là một nhã thú đấy chứ? Chẳng hay có trở ngại gì không ạ?

- Dạ không! Nhà sư vội đáp nhưng có vẻ ngần ngại - sao lại có chuyện kỳ lạ như vậy? Bản đạo có nghe lăm chẳng? Có điều kiện gì chẳng?

Người khách lại tủm tủm cười, cất giọng dịu dàng:

- Đại đức ạ! Nếu đây là việc cúng dường thì hẳn là tốt chứ?

- Đúng vậy. Nhà sư gật đầu - việc cúng dường thì chẳng có gì trở ngại, mà lại rất quý báu nữa, thưa tôn ông!

Nói xong, nhà sư nhấc tay đẩy cánh gỗ lim dày.

Hơn ai hết, nhà sư hiểu rõ giá trị của nhành lão mai nọ, dẫu ngàn vàng cũng không mua được. Sau những ngày tuyết giá là mùa xuân, nhưng mùa đông năm nay dường như kéo dài ra, hoa anh đào sẽ nở muộn. Suốt cả vùng tây bắc này sẽ không có được một nụ hoa tươi. Tại chốn đế kinh, mấy năm về trước, thiên hoàng cũng có được mấy cành do các nhà thương buôn Trung Quốc mang đến phụng dâng, nhưng chắc là không thể sánh được với cỗi mai tuyết vời này. Người lựa chọn nó chẳng phải là một con người tầm thường. Cành mai này thì bậc đế vương cũng ngoài tầm mơ ước. Cỗi mai xứng đáng để trong một cái lọ cổ quý màu thanh ngọc điểm tuyết vân, đặt trên cái kỷ bằng gỗ trầm hương, chẳng cần phủ gấm thêu chỉ vàng chỉ bạc. Được bình mai vô giá này, danh tiếng nhà chùa sẽ lan tới chốn đế kinh, chắc chắn thiên



hoàng sẽ tìm đến cùng với thiên hậu, thứ hậu lần tùy tùng đông đảo. Và như vậy, nhà chùa sẽ có chút bổng lộc, sống đầy đủ vài ba tháng. Ngoài ra, các tao nhân mặc khách tha hồ tìm đến để ngâm vịnh, xướng họa. Thơ phú sẽ được trân trọng viết lên giấy bạch vân, hoa tiên, xuyên chỉ, nguyệt cung điện... để trưng ở khách đường, viện trà, thư hương quán... Mà hề có tài tử tất có giai nhân - biết bao nhiêu là tía hồng kiều mị lả lướt vào ra, đông vui như ngày hoa bướm hội.

Miên man suy tưởng, rạng rỡ nụ cười, nhà sư đã dẫn khách đến Nghinh Phong đường hồi nào chẳng hay. Cả chùa đổ xô lại, sừng sốt, hết nhìn khách lạ lại nhìn nhành mai: cành, nhánh phân bố hài hòa, gốc to đen sần sù, gân guốc, bám đầy rêu đá. Đẹp như tranh!

Sư tri sự bước lại. Sau khi biết chuyện, một chiếc lọ cổ được mang ra. Người ta chuẩn bị mọi thứ cho khách cắm nhành mai vào đấy.

- Không được! Khách nói lớn giọng, dứt khoát - Không thích hợp! Giọng oang oang đình cả tai mọi người.

Nhóm thiên sinh hoảng kinh, dạt ra xa. Sư tri khách lễ độ nói:

- Thưa tôn ông! Đây là cái bình cổ nhất, quý nhất, đẹp nhất của tu viện.

Người khách có vẻ không muốn nhiều lời, chỉ một mực lắc đầu. Một vài tiếng thì thào. Nhưng giá trị của cỗi mai bắt người ta phải chiều lòng vậy. Rồi mấy chục chiếc lọ nữa được mang ra, khách vẫn không vừa ý. Cả chùa đã tỏ ra bực bội vì sự khó tính này, một vài lời bất như ý, phạm thượng đã nhỏ nhỏ thốt ra.

- Có một chiếc lọ cổ - khách chậm rãi nói - không quý lắm! Trên miệng bình đã sứt hai chỗ. Một to bằng đồng tiền có phù điêu của Thánh đức Thái tử. Một to bằng miệng chung rượu niên đại Suy Cổ Thiên hoàng. Men màu thủy lam, đôi chỗ lũng ửng màu hoàng yến; đường hoa văn thủy tiên chạy chỉ thêu màu thanh thủy rạng...

Ai nấy đều ngơ ngác. Vài vị thượng tọa niên cao, lạp lớn nhăn trán, nhíu mày. Chịu. Không ai biết ắt giáp gì cái lọ ấy.

Hòa thượng viện trưởng đang đọc sách ở Thính Tâm đường sau khi nghe thượng tọa tri khách trình bày câu chuyện về người khách, cỗi mai và chiếc lọ - Ngài vội buông sách, chụp vội chiếc gậy lê, không kịp xỏ hài, đã như đám phù vân lướt nhanh ra phía trước.

Bốn tia mắt gặp nhau. Những ánh sao loáng lên. Hòa thượng rùng mình. Không khí lặng yên, đọng lại. Đột ngột, hòa thượng đọc to lên:

- Ky lư quá tiêu kiều

Cảm thương mai lạc hoa...

Lạ lùng thay! Đôi mắt khách chớp chớp, thoáng mờ như hơi sương. Hai câu thơ kia được tiếp tục như gió xao qua ngàn lau:

- Cổ nhân sâu bạch phát

Kỷ độ thủy lưu hà!”

Hòa thượng viện trưởng lắc lư như chao sóng:

- Các con - Ngài cố dấu sự xúc động - chiếc lọ cổ ấy các con không biết là phải. Đây là di vật của tổ sư, ta cất giữ kín đáo ở Tầng Vân các. Lão tôn ông đây không phải là người lạ. Tạm thời các con ai về phòng nấy. Ta sẽ nói chuyện với các con sau.

Tổ sư khai sơn chùa Thiên Môn, vốn là chưởng môn một tông phái võ học danh tiếng. Sau khi nghe pháp thấy đạo, ngài biến võ đường thành thiền đường, lần lượt thụ giáo các cao tăng, sau đó thâm nhập môn đồ cả tăng lẫn tục. Ngài chọn một con đường riêng biệt. Các đệ tử của tổ sư phải trải qua một thời gian công phu khổ hạnh - về đạo, về võ học cũng như văn chương, nghệ thuật... Có người đã đi những bộ môn chuyên biệt, nên sau này ra đời, họ có thể xuống núi theo con đường tùy duyên hạnh nguyện. Đây như là thông lệ để gạn cát tìm vàng, đào tạo những bản lĩnh tăng tài làm giềng mối mai hậu cho cửa thiền.

Cứ mỗi năm giáp Tết, tổ sư cho sửa sang quét dọn sau trước, đốt hương, xông trầm rồi chung ở chiếc kỷ một bình mai. Bên kia vách nửa thấp thoáng vài câu đối. Bên này vách nửa lấp loáng câu thơ trên mảnh giấy “mộc vân”:

*“Kỷ lư quá tiểu kiều*

*Cảm thương mai lạc hoa*

*Cổ nhân sâu bạch phát*

*Kỷ độ thủy lưu hà!*

*(“Cởi lùa qua cầu nhỏ*

*Cảm thương mai rụng hoa*

*Người xưa sâu bạc tóc*

*Nước chảy máy thu là”!)*

Bài thơ này được tổ sư chép ra từ bức tranh thi họa ở chiếc lọ cổ - kể từ năm năm thứ nhất khi đợt đệ tử đầu tiên xuống núi. Rồi năm năm thứ hai nữa qua đi, bài thơ cũ được viết lên trên giấy mới, cành mai được lựa chọn công phu hơn, cành nhánh tỉa tốt nghệ thuật hơn - vẫn không có bóng dáng người đệ tử nào trở về!

Từ hai mươi tháng chạp, những năm tuyết tan sớm, tổ sư thường đi vào con nhập định dài. Ngài ngồi trên nệm cỏ, đôi mày bạc kéo xiên như hai vệt tuyết, vùng trán cao nhẵn bóng như vách đá cẩm thạch. Bình mai bây giờ đã là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời. Bài thơ bây giờ rõ là nét chữ đang muốn hóa rồng để bay lên mây xanh! Nhưng sự đón chờ dường như đã mỗi mòn, chỉ có ngọn gió đông thì thảo thoảng qua như cợt, như trêu! Qua cánh cửa tròn nhìn ra vùng đồi nhấp nhô, những cánh đào bung lộc mơn, lơ thơ mấy nụ “hồng vân sơn trà” ửng đỏ như điểm chu sa - tổ sư ngồi nhìn bất động. Có lẽ nào tổ sư đang ngưng lắng cả thân tâm để phân biệt chiếc lá khô

roi hay tiếng bước chân khe khẽ quen thuộc bên kia triền núi? Tổ sư có xả thiền vài lần, chống chiếc gậy lê, lững thững cô liêu theo triền núi xanh sim đại, bóng cast giữa nền trời quanh hiu. Tiếng chim núi hót vút lên không. Máy con đường mòn ngoằn ngoèo bò lên tu viện, heo hút. Vẫn không có một bóng ma nào!

Buổi giảng pháp đêm giao thừa, tổ sư ngồi trên chiếc bồ đoàn, từ xa, phát tay áo rộng. Một làn gió quật tới. Chiếc lọ cổ đường như được chà thành men láng. Màu thủy lam chợt sáng lên, hiện rõ nét, linh động hơn, bức tranh: “Đạp tuyết tầm mai”.

- Các con ơi! Giọng tổ sư thoảng như tiếng gió lướt qua sơn khê hồ hải - Những huynh trưởng của các con thành tài, xin xuống núi, thế là hơn mười năm rồi, không có ai trở lại. Thế là đã như ông lão trong bức tranh kia, suốt bao ngày lặn lội, công phu tìm kiếm trên non cao tuyết giá, lúc về làng, qua cầu, ngoảnh nhìn lại - thì nhánh mai tuyết đẹp chỉ còn là nhánh củi khô!

Các con ơi! Đòi tu hành lập nguyện đều như thế cả. Mai này các con có xuống núi, thầy mong rằng được nhìn thấy chỉ một cảnh mai nguyên vẹn cũng đã thỏa nguyện lắm rồi...

Tổ sư nói xong, thờ dài, đưa mắt nhìn đệ tử một lượt, đôi mắt vừa thăm sâu, vừa thương bi khó tả. Đột nhiên, thân không động, một làn khói vọt đi. Chỉ mấy thoảng nhấp nhô. Tổ sư đã đến vách đá phía tây tu viện, hai tà áo không ngớt lay động, những mảnh bụi đá tung bay tào rào... Sáng ngày, tuyết trong, nhật rạng, như chạm vào vách trời một câu thơ - một vế đối - lạnh buốt cả hư không:

*“Thiên hạ minh mông, vị tăng nhất hữu!”*

*(Thiên hạ mênh mông rộng lớn, chưa từng có một (người đệ tử)).*

Và ngạc nhiên xiết bao, bên cạnh đấy, nét chữ sâu mạnh cũng một tám một mười, vế đối lại cũng hàm tàng mấy phần khẩu khí:

*“Môn trung lạc bạc, hà dĩ duy vô!”*

*(Trong cửa (chùa) đơn sơ, ít ỏi, (tuy thế), há lại không (có ai!)).*

Rồi từ đó, cửa Thiên mất bóng vị đệ tử trưởng tràng tài hoa. Y vì tự ái hoặc vì đau xót tâm sự bi thương của tổ sư mà đã lặng lẽ vác lưỡi gươm Thiên đạo lên đường? Lời nguyện nơi vách đá không biết có hổ thẹn với tuế nguyệt và trời cao?

Nhà tổ chỉ có hai người. Trầm hương âm cúng và man mác. Một loài chim tuyết lạc giọng kêu ở đâu đó. Gió thì thảo ở rất xa...

Chiếc lọ cổ được hòa thượng viện trưởng đích thân mang ra. Đôi mắt khách lạ sáng lên rồi cúi xuống thò tay xoa lớp bụi đục. Tranh là một ông lão cỡi la qua cầu, đằng sau là chú tiểu đồng vác một cành mai, cuốn bụi chạy theo, hoa rơi từng đóa, từng đóa... Như gặp lại hình ảnh giáo huấn đẹp đẽ đã quá lâu xưa, khuôn mặt khách toát ra niềm vui tĩnh lặng. Nó như thoảng nắng

mới hồng lên rồi tan nhanh giữa hư không - tan mà không mất. Khách như trẻ lại hằng mười tuổi.

Bình mai đã cắm xong, đầy tinh tế và đầy trân trọng. Đặt đúng vào chiếc lọ này, cối mai như tăng thêm sức sống và sự linh động. Vài hạt tuyết li ti còn dính ở đâu đó làm cho cành nhánh tươi mới hẳn lên. Gió lất phất thổi qua. Không cần nắng ấm mà chỉ cần cành mai đơn sơ mấy nụ, với một nghệ thuật vững chắc, mùa xuân thật sự đã về ở đây rồi!

Người khách đứng vòng tay, trầm mặc. Lát sau, y bước tới bàn thờ tổ. Y quỳ rất lâu như hoàn toàn quên bản thân mình và ngoại giới. Y như bỏ cả sông núi, phong trần bên ngoài chân trời, thu gói mình lại trong không khí cô đọng, cổ xưa và thanh khiết.

Khi quay lại, như bước ra từ vùng huyền hoặc khói sương, khách vươn mình đứng thẳng, dáng cao lênh khênh và cần cối như một lão bách tòng, khuôn mặt sáng rỡ bình an và đôi mắt như hai ngôi sao lấp lánh.

Hoàng thượng Thiên Môn thân nôi gai ốc, hai đầu gối như muốn khuỵu xuống.

- Hãy bình tĩnh! Hãy bình tĩnh! Giọng khách rất dịu dàng, như đỉnh núi nói với ngàn dâu, như sự tịch lặng nói với niêm xao xuyên - hòa thượng đã nhận ra ta, lão sư huynh bạc hạnh này. Dẫu bây giờ ta đã không còn hổ thẹn với tổ sư xưa, nhưng ta... nhưng ta...

Khách chợt xúc động nắm bàn tay run run của hòa thượng viện trưởng. Họ không nói được, chỉ nhìn lặng lẽ vào mắt nhau. Họ dẫn nhau đến bàn trà. Cũng rất lặng lẽ.

Khách nhìn khắp liêu phòng, dừng lại nơi mấy bức tranh, mấy bài thơ đã cũ vàng, trang trọng lồng trong những khung hoa văn cổ kính - vẽ đăm chiêu. Hòa thượng nhỏ nhẹ nói:

- Mấy bài thơ, mấy bức tranh này là bảo vật còn lại của tổ sư. Sau khi lão huynh xuống núi, tổ sư đóng cửa dạy môn đồ. Thì giờ còn lại, tổ sư dành cho thiền định. Tổ sư không còn làm thơ, vẽ tranh, cắm hoa hoặc bất kỳ một sinh thú chân tay nào khác. Tổ sư cũng không còn thông lệ dạo chơi trên những ngọn đồi vắng hay ngồi bên bình mai vào mỗi độ giáp Tết. Tuy thế, những hành tung của lão huynh, dầu tận chân trời cuối đất, tổ sư vẫn biết rất rõ... Hòa thượng nghỉ một lát, định nói gì, lại thôi. Sau đó, hòa thượng thở dài rồi tiếp - tổ sư tịch năm 845, khi Hoàn Vũ Thiên Hoàng thiên đô từ Nại Lương về Kyoto năm thứ mười...

Hai tay khách nâng chung trà uống một ngụm sâu, xoay xoay cái chung trong tay, trầm ngâm, rồi hỏi:

- Những huynh đệ của chúng ta và cả vài thế hệ sau này nữa, có ai về núi đến không?

- Có, khá nhiều! À, nhưng mà không! Tổ sư bảo là không có một nhánh mai nào nguyên vẹn cả!

Khách mỉm cười xa xôi:

- Thế thì vé đổi nơi vách đá của tổ sư, vẫn là cái tiên tri đời đời vậy.

Hòa thượng móm mém nở nụ cười, nhưng lại lắc đầu:

- Không phải thế, không hẳn là thế! Còn nhánh mai nguyên vẹn của lão huynh thì sao? Hà dĩ duy vô?

- Đấy cũng là mong ước của ta! Nhưng mà không biết tổ sư có chứng giám cho ta chăng? Cảnh mai kia không biết có phải là cảnh mai nguyên vẹn như kỳ vọng của tổ sư chăng?

Hòa thượng Thiên Môn không biết nói làm sao cả. Lời nói nào cũng chưa chắc đúng, đôi khi lại trống không, vô nghĩa nữa. Cũng như thế hệ huynh trưởng đi trước, vị lão huynh này cũng mang đầy nhiệt huyết xuống núi sống đời hạnh nguyện, tát nước bể đông, biến cải thế gian. Y đã lao thân vào dòng, chẳng ngại gì những vùng nước xoáy. Cái bản lĩnh của y, lưỡi gươm chính khí của y đánh bại được cả những ma quân hung bạo nhất, thế nhưng y đã không đánh bại được chính mình. Khoảng cách này là sợi tóc. Lộ trình này là đi trên lưỡi dao cạo. Và thế là... trọn một đời tìm kiếm, hoạch đắc, cái gia tài vô giá ấy đã rơi rụng xuống dọc đường, trên mọi nẻo tối tăm của đục vọng và bản ngã... Nhưng mà vị lão huynh này đã trở về, thành khẩn trở về... và ta đã thấy trong đôi mắt y có một nhánh mai. Như vậy thì sự thất vọng kia quan trọng hay sự giác ngộ khổ đau quan trọng hơn?

Chợt nhiên, một hình ảnh lóe lên từ bức tranh cổ.

Cụ già ở đây hốt nhiên trắng bạc, da mặt với những nếp nhăn nheo như sóng gợn, điệp điệp lên nhau thời gian và sinh tử. Lưng lão cúi xuống, cong hơn, gót chân sây sứt máu, mồ hôi vã ra, rơi xuống biển đen. Trắng trên cao lạnh lùng băng giá. Hoang mạc tiếp hoang mạc, sơn khô tiếp sơn khô... Tất cả chúng đang chập chùng nhảy múa trong vô thức như những ám ảnh trường đồ tại thế khổ nạn... Hòa thượng Thiên Môn rùng mình, thấy thêm một mặt ngữ của khổ đế trong bức tranh “Đạp tuyết tầm mai” mà vị lão huynh đã chứng nghiệm bằng chính trái tim, hơi thở, bằng cả sự sống của một đời người. Hòa thượng bản thân đã đuối. Khi ngược mắt lên thì khách lạ đã đi đâu mất. Ánh trăng đêm đông về sáng lấp ló sau bức màn thưa. Té ra một đêm đã trôi qua. Xung quanh cửa đóng then cài nhưng khách lạ đã biến đi như một trò huyền hoặc.

Hòa thượng khơi đèn. Trên bàn còn có một phong thư với những nét chữ chưa ráo mực.

“Chỉ có đau khổ và sự giác ngộ đau khổ. Không còn gì nữa hết. Không có gì đáng nói ở trong đời. Khi mặt trời đã lên thì còn đâu nữa những ngọn đèn leo lét bên đường rọi tìm an lạc hay chân phúc? Ta về đây không phải vì lời

thề trên vách đá. Ta chỉ muốn đặt dưới chân Tổ sư một cành mai nguyên vẹn mà thôi.”

Đọc xong, hòa thượng Thiên Môn tủm tỉm cười. “Đúng như ta nghĩ là cành mai kia còn nguyên vẹn, nguyên vẹn và tươi đẹp hơn cả ở đầu non, hơn cả trên băng tuyết! Nhưng mà lão huynh đã phải lặn lội tìm kiếm lâu quá, lâu quá... Ồ, mà có hề gì đâu! Có kẻ suốt đời ướp trà, xông hương rồi chưng trên những chiếc bình trân quý mấy cành củi khô, hoa đã rụng lâu rồi! Còn ta nữa, tám mươi năm qua, có lẽ nào ta cũng đã từng làm vậy?”

Một tình cảm mang mang len vào lòng. Hòa thượng đứng dậy. Ánh trăng vẫn lạnh lùng bên bức màn thưa, sáng nhòn nhạt. Một tâm hồn nào vội vợi ở trên cao, sau mấy tầng mây khói? Một cơn gió thổi mạnh. Một mảnh giấy chao động trước mắt. Hòa thượng bước lại. Đây là một bài thơ trên mảnh giấy “mộc vân” đã cũ. Bài thơ với nét chữ tài hoa hiện ra như một trò ảo thuật. Bài thơ cũ, thêm hai câu mới, như mở ra một chân trời mới, rồi khép lại đâu cũng ở cuối chân trời...

*“Kỳ lạ quá tiểu kiều*

*Cảm thương mai lạc hoa*

*Cổ nhân sâu bạch phát*

*Kỷ độ thủy lưu hà*

*Ngã kim bạch vân quá*

*Không xừ, vong cố gia!”*

*Tạm diễn ý hai câu cuối:*

*“Quên quê nhà, quên chốn*

*Ta nay mây trắng qua.”*

Hòa thượng sung sướng quá, buông rơi ngọn đèn. Trước mắt, đám mây trắng và dòng nước xanh trôi chảy bình yên, thanh thản. Và khách lạ đứng ở trên cao, mỉm cười dịu dàng, mảnh y bào phát phới. Sao kết thành từng chuỗi, từng chùm bông trắng rơi tua tủa. Cối lảo mai thò qua từ sau hốc núi điểm lơ thơ mấy nụ vàng, nụ vàng kết thành đài sen. Và tổ sư tĩnh tọa an nhiên, khuôn mặt vĩnh cửu và nụ cười hỷ hoan như chư Phật.

---o0o---

## Say Hoa

Vào đời vua Trần Nhân Tôn, dưới chân núi Thiên Thai có một nhà ẩn sĩ họ Khuru, tánh tình lập dị, không màng danh lợi mà quanh năm chỉ say mê hoa kiếng.

Gia tài của cha mẹ để lại cũng có trăm vạn, vài chục đám ruộng nhưng lần hồi Khuru ẩn sĩ bán sạch. Hễ nơi nào có giống hoa quý, hoa lạ thì với giá nào

chàng cũng mua cho bằng được. Không có tiền mua, chàng đổi bằng của cải, tài sản. Chỉ non mười năm sau, nơi khu vườn của chàng đã có hơn trăm loại phong lan, trăm loại thỏ lan, ngoài ra các loại danh hoa, danh mộc như trà mi, mẫu đơn, táo mai, mộc cần, thực quỳ, oanh trúc... thì thật không kể xiết.

Vào vườn, khách phải đi xuyên qua một khu rừng trúc. Trúc cũng không phải là những thứ trúc tầm thường, mà được sưu tầm từ các xứ xa xôi. Có những thứ trúc như táo đặng, tuyết đầu, thiên bút, cao phong, vân lôi... chàng phải đặt mua từ các dãy núi Thiên Sơn, Côn Luân tận cực Tây Trung Hoa.

Qua khỏi khu rừng trúc, khách phải dừng chân nơi một con suối thơ mộng. Ở đầu đó, nước rỉ ra từ những kẽ đá, trôi lững lờ trên mặt cuội trắng tinh rồi vỗ nhẹ lên mấy đám cỏ biếc nở hoa li ti ngũ sắc. Cá lội từng đàn đủ màu, đủ vẻ, giỡn với những hạt bọt nổi phù du nom thanh bình như giữa cõi bồng lai. Đứng mỗi, khách có thể ngồi trên những tảng đá lưu niên cổ đại, tượng đứng, tượng ngồi, tượng nằm, sắc đá loáng thoáng rêu đen, xám, nhợt nhờ sương nước như những bức tranh “vĩnh tịch”.

Qua suối, bên mép chiếc cầu đá cong cong, ai đó viết nguệch ngoạc vài câu thơ không rõ nét, trông cũng phóng khoáng và phiêu bồng quá thể. Trên một tảng đá dựng thẳng, cao hơn trượng, đầu xám bạc, chân rêu xanh, nổi lên hai câu thơ, nét đại tự sắc mạnh như vết đao chém giữa hư không:

*“Thiên hạ hốt nhiên đại định,*

*Tứ thời tịch mịch hoa khai!”*

Chẳng có gì hay ở đó, đại ngôn và tầm thường nữa, nhưng kể ra là có khí phách, ngang tàng một chút hoặc cuồng ngông một chút thì cũng vậy. Nhưng đâu là cái đại toàn? Giữa cái tuyệt bích rơi xuống một vài nét chấm phá thô tháo không tạo cho ta một vài cảm giác mạnh và đột ngột hay sao?

Người ta thường gọi chàng là Khuru ẩn sĩ, nhưng cái danh của chàng chơi hoa ở núi Thiên Thai đã làm rung động chôn đẽ kinh và thu hút rất nhiều danh sĩ, đạo nhân, tao nhân mặc khách...

Hôm kia, qua chân núi Thiên Thai là hai Tăng nhân bộ hành phong trần. Đến khu rừng trúc, họ dừng chân lại.

Một người nói:

- Cái thú say hoa kiêu thì thế gian chỉ có Khuru ẩn sĩ là một.

Người kia đáp:

- Họ say hoa thì chúng ta say Phật. Tục, thanh hay thoát tục có khác nhau nhưng cũng là một cách say đó thôi!

Nói xong, y cười ha hả, giở chiếc nón rộng vành bày khuôn mặt ồm thanh tú, đôi mày sắc và nước da sạm đen. Y còn rất trẻ, tuy khoác chiếc áo nâu rộng đã bạc màu nhưng cũng không dấu được nét phong lưu kỳ mỹ.

Người kia đã đứng tuổi, to lớn, cằm vuông. Y nhăn mặt:

- Pháp đệ nói vậy không sợ giảm giá trị của đạo ta xuống sao? Hoa mà dám ví với Phật sao?

- Có gì đâu mà Pháp huynh bảo là dám và không dám?

Rồi tăng nhân trẻ chột cao giọng:

- Phật là hoa. Hoa là Phật. Phật là tối thắng hoa, diệu thắng hoa. Pháp huynh vì không thấy Phật nên không thấy hoa. Hoặc giả, Pháp huynh bận đi tìm Phật nên chẳng thấy hoa bao giờ.

Tăng nhân đứng tuổi nhẵn mày có vẻ trách móc nhưng lặng lẽ nhẵn nhục không nói gì. Ngay khi ấy có tiếng reo từ rừng trúc vọng lại:

- Hay lắm! Hay! Sư bác luận thế làm cho kẻ quê mùa dốt nát này báỉ phục làm sao! Phật là hoa, hoa là Phật, hay lắm!

Câu nói vừa xong, thì một người gầy gò mặc áo bào xanh chông gậy trúc sau vòm cây bước ra, dáng dấp tiêu sái, nhàn thoát khó đoán nổi tuổi tác. Y cung hai tay lại, phong cách lễ độ vừa phải.

Vị tăng trẻ đáp lễ rồi hỏi:

- Ân giả là chủ nhân chốn kỳ hoa?

Người ấy là Khuru ẩn sĩ, cười đáp:

- Vâng, xin thưa, chủ nhân kia chỉ là lạm dụng, khiên cưỡng. Ai đòi làm chủ hoa thì kẻ đó khi mạn, thất lễ với trời đất. Kẻ ngu hèn này đâu dám thế. Hoặc giả sư bác muốn chỉ dạy một bài học về tâm pháp chăng?

Vị tăng lớn tuổi bấy giờ mới quay lại, chăm chú nhìn người lạ mặt một hồi:

- Quả thật danh bất hư truyền. Đúng là phong độ cao nhân ẩn sĩ họ Khuru! Chúng tôi cam bẻ thất lễ. Nhưng bây giờ thì xin cáo từ!

Vị tăng trẻ nói:

- Huyền Quang tôn giả có lẽ chưa về núi, hiện giờ đang còn ở Yên Tử cũng nên. Hay là, Pháp huynh à, chúng ta qua bộ vào trong kia một lát cho mãn nhãn cái kiếp nhân sanh?

Vị tăng đứng tuổi hừm một tiếng:

- Hoa sắc, sắc hoa đều là hiện tượng của ma quân! Pháp đệ hãy khá lưu tâm. Sinh tử là việc lớn, trăm năm nào có mấy khắc, chớ có say mê hoa thơm cỏ lạ dọc đường để ngàn thu ân hận.

Khuru ẩn sĩ tùm tùm cười:

- Mời quý sư ông, sư bác vào tệt xá uống vài chung thanh trà lấy thảo. Huyền Quang tôn giả và ngu lão đây vốn có tình quen biết, lúc nào đến Thiên Thai, đại sư cũng đừng chân ở đây giây lát để ngắm hoa và thưởng trà.

Vị tăng trẻ nói:

- Vậy thì xin phép chủ nhân cho chúng tôi được quấy quấy.

Thế là vị tăng đứng tuổi đành miễn cưỡng đi theo. Cảnh đẹp làm cho vị tăng trẻ phải ngẩn ngơ, thán phục. Qua cầu, y dừng chân nơi hai câu thơ thật lâu



rồi trầm trồ khen ngợi không hết lời. Vị tăng đứng tuổi hừm một tiếng rồi xăm xăm đi trước.

Ôi! Thật là không thể kể xiết được những kỳ hoa dị thảo ở khắp nơi. Trên cội cây, hốc đá, lối đi, bờ suối, triền non... đâu đâu cũng trăm sắc nghìn vẻ. Lối đồn đại của thế gian là mười mà chưa nói lên được một. Cảnh trí u nhã làm cho tâm hồn con người lâng lâng lắng dịu. Chủ nhân và vị tăng trẻ có vẻ tâm đầu ý hợp nên trò chuyện huyên thuyên...

Khi rời rừng hoa để bước vào Thảo nhai đình, tức là chái mây nhô ra bờ vực làm nơi thưởng trà, vọng nguyệt, vị tăng trẻ hốt nhiên ngâm mấy câu thơ lục bát với nhã ý tặng riêng Khuru ẩn sĩ:

*Trần gian một thoáng không dài*

*Có khi mộng hóa, liên đài cũng nên!*

*Thềm mây đọng bóng chơn thiên*

*Ai ngờ tâm pháp một miền cỏ hoa!*

Vị tăng đứng tuổi lòng ngổn ngang trăm mối buồn phiền vì người Pháp đệ của mình. Vừa qua chung trà thứ nhất, y đã cất giọng nói lớn:

- Chủ nhân có một đời sống thanh cao lắm, nhưng dám xin thừa thặng một điều: tự mình có một đời sống nhàn lạc ở nơi góc núi đẹp như tiên cảnh này, danh lợi thị phi đắc thất dường như gió thoảng ngoài tai, dầu vậy, phải chăng cũng còn ở trong cái ngã ái chật hẹp lắm ư?

Ẩn sĩ họ Khuru mỉm cười mà rằng:

- Dạ phải, sư ông dạy chí phải!

Vị tăng đứng tuổi cười lạt:

- Khuru ông mang cốt cách, phong thái của một dật sĩ, năm kinh ba giáo xem chừng cũng đã có ghé mắt xem qua. Vậy thì lời dạy của thánh hiền phải chẳng là sở đắc này: Một đời sống nhàn lạc riêng tư, chật chội, phó mình buông trôi cho dòng chảy xiết “bộc lưu sinh tử”?

Ẩn sĩ họ Khuru cúi đầu nhũn nhặn:

- Dạ phải, sư ông dạy chí phải!

Vị tăng trẻ lấy làm khó chịu:

- Pháp huynh sao lắm lời đến thế? Mỗi người ai chí nấy, nhân nào quả nấy, tâm nào cảnh nấy! Đức Thích Ca đại sĩ bao nhiêu năm thuyết pháp mà không hề nói một chữ! Tu-bồ-đề im lặng thiền duyệt mà chư thiên rải hoa! Tâm mà có thể nói được? Pháp mà có thể nói được?

Vị tăng đứng tuổi khuôn mặt thoáng rần lại, rồi chột cười ha hả:

- Hay lắm! Cảm ơn Pháp đệ đã thuyết Bát-nhã tánh không cho ta nghe! Cảm ơn Khuru ẩn sĩ đã cho bản tăng lãnh hội tri kiến Pháp Hoa kinh. Thậm tri! Thậm tri! Vậy thì quý ngài cứ tâm đắc thù tạc, cho bản tăng thất lễ kiêu từ.

Ẩn sĩ họ Khuru chột nói:

- Xin sư ông nán lại một chút. Có mấy đóa “bạch vân trà”, có lẽ vừa mới mới khai. Đây là loại tinh khiết, vương giả giữa trăm hoa, không để cho sư ông thường ngoạn thì biết để dành cho ai nữa?

Nói xong, ông ta biến mất sau mấy cụm bích đào, lát sau, mang ra một chậu trà mi trắng trang trọng đặt lên phiến đá cẩm thạch.

Cả hai vị sư đều sững sốt.

Trong chậu, mấy đóa trà mi trắng nở nường. Như lụa? Như thủy tinh? Như sương? Có lẽ chẳng phải thế! Nó như màu nguyệt bạch hoặc như màu bạch ngọc nhìn qua làn trắng mỏng. Cũng không hẳn thế. Thôi, chỉ diễn tả là đẹp lắm, đẹp tuyệt vời, đẹp không có gì sánh nổi, không có cách gì mà dùng lời được. Từng cánh hoa cong cong xếp lại. Mỗi cánh là một nét yếu điệu, mềm mại của vị tiên nữ. Ngoài ra còn có những đường vân tinh vi khi ẩn khi hiện qua ánh sáng đã được chắt lọc tinh khôi, vô nhiễm...

Khuru ẩn sĩ nhìn đôi mắt sững sốt của hai vị tăng, y mãn nguyện, rung đùi ngâm:

- Tướng Phật, tướng hoa: vô nhị tướng!

Tánh hoa, tánh Phật: bản lai đồng!

Vị tăng trẻ cũng nhã hứng, thốt lên một cách sáng khoái:

- Biệt biệt, nhất trần vô cá biệt!

Khán hoa kiến Phật, liễu vô cùng!

Khuru ẩn sĩ đứng dậy cung tay hoan hỷ tán thưởng. Vị tăng đứng tuổi chép miệng, chặt lưỡi, ngó lên trời than dài:

- Ôi! Đào điên đến thế là cùng! Pháp lộn tâm! Tâm lộn pháp! Chẳng hiểu đầu đuôi gốc ngọn ra sao mà dám xem Phật, hoa là đồng đẳng! Khán hoa là kiến Phật! Ôi! Than ôi! Phật pháp suy vi đến thế là cùng! Kẻ học Phật thời nay nông cuồng đến thế là cùng! Ôi! Than ôi!

---o0o---

## **Bí Mật Vô Đạo**

Tajima lấy tấn, loang kiếm một đường theo thế Yogo rồi thu kiếm đứng bất động giữa làn mưa tuyết. Mắt y nhòa đi nhưng óc y tinh thức cao độ. Y bắt đầu thực hành yếu chỉ nhập môn thượng thừa tâm pháp: Chuẩn bị đi vào trạng thái này là loại bỏ các tư niệm, tạp niệm, để tâm trôi chảy thông dong như đám mây mùa hạ, như dòng nước mùa xuân...

Bóng người in giữa ánh tuyết mang đường nét cô đơn và vĩnh cửu như bức tranh chấm phá của một họa gia Sumiye. Tuyết vẫn rơi từng hạt như bông. Tajima vẫn đứng tịch nhiên như đã hóa thạch. Cây cối trút hết lá, chơ vơ như

nhìn ngắm nổi phé hưng cô liêu của trời đất. Những đám mây thấp, đục, ùn ùn từ đỉnh Phú Sĩ sơn kéo về phương đông. Trời lại nổi gió.

Bây giờ là vào tiết đại hàn, khô se, lạnh.

Phật giáo kể từ đời Đức Khâm Minh Thiên hoàng, thế kỷ thứ VI, có mặt ở xứ sở này, đã hiển lộ sinh lực vĩnh cửu của nó bằng tất cả những nét quang minh rực rỡ. Ngót một thiên niên kỷ, từ giới quý tộc cho đến lớp sĩ phu, đại chúng, đã thấm nhuần giáo lý trí tuệ và từ bi cao cả này, nên mọi sinh hoạt tinh thần và vật chất của xã hội đều được thăng hoa. Tuy thế, sự thăng hoa đúng độ phải được kể từ thời triều dương của Thiên tông, tức là khoảng đầu của thời đại Kiếm Thương, tiền bán thế kỷ VII đến tiền bán thế kỷ XIV. Và cao độ của nó thì được tỏa rạng từ một chân dung: Tukuran đại sư, hậu bán thế kỷ XVI.

Người ta bảo rằng: “Cùng tức biến, thịnh tức suy”. Phật giáo quý tộc ở giai đoạn này được quá nhiều ưu đãi của triều đình đã trở nên mục ruỗng vì danh lợi, quyền lực, kéo theo cả tòa nhà Phật giáo nguy nga đồ sộ sắp bị sụp đổ. Khắp nơi, khó tìm ra một bậc xuất gia phạm hạnh đúng nghĩa. Tăng chúng thì vợ con hầu thiếp đùm đê hoặc bước vào những phạm vi sinh hoạt không phải là của mình. Nhãn hiệu Thiên tông được treo la liệt từ núi non đến thành thị, những bảng hiệu quảng cáo rẻ tiền mà thực chất là chốn chợ búa đổi lợi, mua danh! Cung đình truy lạc, tranh giành phe nhóm, quyền lực, bè đảng là một số tăng sĩ đã lỡ bán linh hồn cho quỷ!

“Phật giáo luôn luôn tự cứu mình!” Đây là chân lý được rút ra từ lịch sử. Nên một đêm kia, có một nhà sư xuất hiện ở cửa thành tây, đột nhập vào hoàng cung lấy đi ba mươi cái thủ cấp. Trong đó có hai mươi quan đại thần, năm vị hòa thượng, một hoàng hậu và bốn cung nữ. Mấy hôm sau, lãnh chúa các phương dấy loạn. Lại một lần nữa, một nhà sư, với hành tung kỳ bí, trong bốn đêm lấy thêm tám thủ cấp của tám vị lãnh chúa cát cứ tám phương! Cả nước rợn người, tóc dựng ngược. Thế là chấm dứt loạn lạc. Dường như sau đó mấy năm, vua, quan, tăng sĩ sáng hôm sau ngủ dậy thường đưa tay sờ lên cổ mình, xem thử cái đầu có còn ở đấy hay không!

Đêm tối qua đi, trời lại sáng, Phật giáo bắt đầu chấn hưng. Tăng sĩ được tuyển chọn bằng cách thi cử, phát nguyện. Loại bỏ bớt những hình thức được xem như là ngoại đạo, tà giáo. Kinh điển được kết tập lại.

Phong trào đang rầm rộ ở khắp nơi thì ở núi Tỷ-duệ, đông nam Kyoto, bỗng xuất hiện một nhà sư to lớn, mặc y đồ chói màu san hô, tự xưng là hậu thân của đại sư Truyền Giáo (Deng-yô-daisi), vốn là vị khai sơn Thiên Thai tông của núi này. Nhà sư giảng đạo suốt sáu tháng, không ăn, không ngủ, chỉ ngồi thiền và uống nước lạnh. Người ta đồn rằng, như loài chúa của muôn thú, với tiếng rống của sư vương, nhà sư với uy lực đồng mãnh của kiến thức lẫn sở chứng đã làm cho cử tọa thính chúng bủn rủn, tê liệt... Tư tưởng các giáo

phái đối lập, sai khác đều chột bị rã tan hoặc lung lay tận nền móng. Cao tăng, danh sĩ bốn phương trời đổ xô đến luận tranh, tham vấn, cầu đạo..., nhưng đột nhiên, nhà sư lại biến mất, kéo theo ba mươi người đồ đệ.

Người ta ghép các dữ kiện lại với nhau rồi nhất quyết khẳng định rằng, nhà sư xuất quỷ nhập thần lấy thủ cấp bao người và nhà sư giảng đạo sáu tháng không ăn không ngủ, chỉ là một. Và ba mươi người đồ đệ đi theo chẳng phải là để được truyền tâm ấn Phật học, mà chắc chắn là chỉ vì bí kíp võ học mà thôi!

Bí kíp võ học lại càng lôi cuốn tâm địa con người hơn. Ai ai cũng mong muốn mình có được một phần nào bản lãnh thần sầu quỷ khốc của nhà sư vô danh kia. Thế là một cuộc lên đường chưa từng thấy trong lịch sử võ học bắt đầu...

Tajima vốn là thanh niên đệ nhất kiếm thủ ở Kyoto sau lần tuyển chọn cuối năm tại các võ đường, dĩ nhiên chàng cũng bị cuốn theo lớp sóng tràn tìm về núi Tỳ-duệ, với chí nguyện lớn là sẽ khuôn phò xã tắc bằng tay kiếm của mình. Đêm kia, sau khi lạc mất toán người bí mật trong thung lũng Nuru-dực hiểm trở, sáng ngày, chàng lần mò qua Tây Lũng đạo, một sơn đạo cheo leo hiểm trở, và bắt gặp một chuyện kỳ bí lạ lùng. Ở đây, Tajima chứng kiến một trận đấu kinh hồn giữa chừng năm mươi tay kiếm thủ, gồm cả tăng lẫn tục nhưng đều được hóa trang một cách khéo léo. Họ đang giết nhau để tranh giành một mảnh cà-sa đầm máu. Người cuối cùng được sống sót, dĩ nhiên là tay đại bản lãnh nhất trong bọn, lấy được bí kíp võ học rồi vọt đi như giông như gió. Tưởng thế là xong, ai ngờ một chiếc bóng như tự trời sa xuống, thò chiếc gậy trúc cản đường lại...

Cả hai đứng sững nhìn nhau.

Tajima cũng nín thở hồi hộp theo dõi.

Kẻ chiếm được manh áo cà-sa trùm mặt bằng vuông vải đen, để lộ hai tia mắt loang loáng. Kẻ thò cây gậy trúc cản đường là một nhà sư phong trần, rách rưới, râu tóc tua tủa, sau vai đeo một dĩa ta bà.

- Buông kiếm xuống, sư đệ! Và hãy quăng luôn cái manh áo cà-sa kia xuống vực thẳm. Máu đã đổ quá nhiều rồi. Hãy theo ta về núi mà sám tội đi thôi!

Giọng nhà sư nghiêm lạnh mà vẫn đầy vẻ thiết tha từ ái. Nhưng kẻ bịt mặt hừ một tiếng khô khốc, đi liền với thế kiếm kinh hồn, trong một lúc phủ chụp, uy hiếp, tấn kích luôn mười trọng huyết. Nhà sư thoáng tái mặt nhưng rồi đã chậm rãi, bình thản bước tới một bước, bước lui hai bước, bước phải một bước, bước trái một bước là đã tránh khỏi dễ dàng những tử chiêu của đối phương.

Nhà sư giọng cũng không lớn hơn, cũng không nhỏ hơn.

- Buông kiếm xuống, sư đệ! Dầu sư đệ đã thay đổi rất nhiều võ học của sư môn, dầu sư đệ có thông minh và tế vi cách mấy khi tấn, tảo, chiết, chuyển,

nhưng chỉ cần một căn bản của bộ vị không thay đổi là ta cũng nhìn rõ gốc nguồn. Giọng nhà sư chột thiết tha hơn - Sư đệ ơi! Sư đệ nữ lòng nào phản bội di huấn của tổ sư? Nữ lòng nào sắt đá trước cảnh đầu rơi máu chảy? Chỉ vì một khởi niệm bất thiện, một khát vọng mưu đồ là tay sư đệ đã chàm đen mấy lớp? Đã đọa sa mấy tầng địa ngục?

Kẻ bịt mặt cất tiếng cười man rợ. Kiểm lại nhoáng lên. Kiểm lại vụt tắt. Cây gậy trúc của nhà sư chậm rãi chập chờn di động, mà cũng dường như bất động giữa hư không - đã là bức tường kiên cố bất khả xâm phạm! Nhà sư nói như ngâm:

- *Dầu sát nhất miêu,  
Không cứu vạn thử!  
Dầu cứu vạn thử  
Không sát nhất miêu!  
Ai làm hề!  
Ai chịu hề!  
Ta giết!*

Kiểm trên tay tên bịt mặt bối rối, lúng túng rồi dừng tắt vĩnh viễn. Và Tajima, có lẽ suốt đời chàng cũng không quên được thảm cảnh hãi hùng. Tay kiếm bịt mặt đứng sững như trời trồng, tròn mắt trắng dã lòi ra, biểu hiện một ngạc nhiên cao độ. Ôi! Khó mà có thể thấy được nhà sư sử dụng cây gậy trúc như thế nào? Động hay bất động? Cho đến khi tên kiếm thủ chết đã lâu mà bóng cây gậy trúc vẫn nằm giữa hư không, nguyên chỗ cũ như chưa hề di động bao giờ!

Nhà sư cúi xuống, quăng cả người, cả manh áo cà-sa xuống vực thăm rồi lướt đi như vệt khói.

Tajima bây giờ mới thở ra nhẹ nhẹ. Chàng lặng người đến không còn cảm giác nữa. Chàng đâu có ngờ rằng võ học có thể bước đến những chân trời như vậy!

Như sự nhớ ra, chàng lần xuống vực thăm. Ngạc nhiên làm sao, chỉ thấy xác tên kiếm thủ, nhưng không tìm ra manh áo cà-sa. Vung vãi xung quanh chỉ có mấy tờ kinh rách nát, số mất chữ, số nhòe nhoẹt. Những phần đọc được, Tajima cố chấp lại với nhau. Cuối cùng chàng cũng mơ hồ hiểu rằng, đây là yêu quyết của một môn võ thượng thặng. Chàng bèn tìm đến một nơi khuất tịch để luyện tập.

Nhưng bao tháng bao ngày chàng cũng không đi lọt qua cửa. Tâm ý cứ qua lại lảng xãng. Nó chẳng “thong dong như đám mây mùa hạ, như dòng nước mùa xuân”. Nếu có yên lặng thì cũng không ở trong trạng thái tựa tựa như yếu chỉ: “Hành giả phải tức khắc thấy rõ các trạng thái đồng dạng ở nơi thân và ở nơi tâm. Thân bất động không phải là tâm bất động và ngược lại. Coi chừng một tâm lý mỏng như màn sương hiện lên ở đây. Nó biến cảm

thức thành đối tượng và đối tượng thành cảm thức. Dường như không còn năng, sở, chủ và khách, nhưng trạng thái ấy không phải là bất động. “Bất động” phải là trạng thái cao nhất của “sinh động”. Nó chuyển động quanh trục của một tâm điểm “không hề dao động”. Ở đây, nó tỉnh thức và bén nhạy như một tấm gương phản chiếu. Hình ảnh nọ kế tục hình ảnh kia, trong sáng, rõ ràng và không lâm lộn. Bất động chẳng phải là một sinh thể vô hồn; có thể là vô tâm, vô niệm nhưng không phải là hư vô trống rỗng. Vô hay hữu đều là chướng ngại che mờ giác tánh”.

Tajima lại thở dài. Thật khó mà lãnh hội điều đó bằng tri thức. Nhưng nếu không thể lãnh hội bằng tri thức thì lấy gì để thể nhập, để biến thành khí huyết, để thông vận tự nhiên như hít thở khí trời?

Và chàng chợt đâm ra hoài nghi: đây là yếu quyết võ học hay là yếu chỉ Phật học?

Tajima chống kiếm, ôn nhẩm lại: “Thế nào là động mà bất động? Hãy nhìn bánh xe quay quanh trục xe, bánh xe chuyển động mà trục xe bất động. Cũng vậy, phải bám trụ vững chắc, kiên định vào một tâm điểm. Tâm điểm này muốn gọi là Phật địa, chơn địa, tuệ địa hoặc danh từ gì tương tự như thế, trước khi ứng xử, tiếp vật, đón đỡ, ghi nhận các pháp từ thế giới xung quanh đến với ta. Bất động không phải là cái để tìm kiếm, bắt nắm. Nó là cái để mà liễu tri, giác hiểu. Tâm điểm bất động này nó không ở ngoài, không ở trong. Không phải hữu thức, chẳng phải vô thức. Chẳng thể nói có, chẳng thể nói không. Không nỗ lực, chúng tác ý và biến hóa. Không lộ diện, chúng hiện hữu, chi phối và quyết định tức thời, phản ứng đúng lúc. Nó làm cho dòng vận chuyển được liên li và làm cho sinh lực chảy trôi không gián đoạn. Chính ở đây ta chiếm thế thượng phong, tuyệt đối quyết định trò chơi sinh tử! Ôi! Rõ ràng bài tâm pháp đã ở ngoài sự lãnh hội thông minh nhất. Càng nghe, càng rối; càng thực hành, càng loạn. Động mà bất động? Bất động mà động? Bất động mà tỉnh thức chứ không phải là cái ngưng đọng vô tri, đối lập với dòng vận hóa. Nhưng ở đây sao lại là: “Sự vắng bóng tuyệt đối của hữu thức, của ý tưởng, của tư niệm?”

Tại sao lại thế được? Và tại sao lại như tấm gương trong sáng, chụp bắt (thủ) và buông xả (xả) là hai tác động đồng thời, không gián cách, không thời gian? “Nó ở trong khoảnh khắc sinh và diệt của ý giới nhưng ý giới không phát lộ được ý. Nó nắm ý giới như người kỵ sĩ lão luyện cầm cương ngựa trên đường thiên lý. Đây chính là tâm điểm, từ đó khởi sinh sự tinh nhuệ, mẫn tiệp, sự linh hoạt cần thiết nhất định. Nó động, ta động. Nó tịnh, ta tịnh. Không trước ý, ta biết hoàn toàn (toàn giác). Không khởi động, ta làm chủ nó.”

Tuyệt bắt đầu rơi nặng hạt. Tajima đưa mắt nhìn về cổ trấn Osaka, con sông Yodo như chìm trong biển sương mù. Mây, bầu trời, sông nước là một. Tuy

là một nhưng nó hàm tàng sinh hóa. Chính là sinh hóa. Yếu chỉ chính là điều này chăng?

- Nó là cái một tâm điểm từ đó phát sinh vạn hữu. Tâm là chủ, là nội công? Pháp là ngoại giới, là ngọn, là chiêu thức?

- Càn thi quyết! (que cứt khô)

Ai mà mở giọng khinh bạc đến thế? Ngạc nhiên, Tajima quay lại. Trước mắt chàng là một du tăng, áo phanh hở ngực đầy lông lá; chiếc nón mê rách tả toai không gói kín chỏm tóc muối tiêu. Bầu rượu (có lẽ là bầu nước chứ) treo toong teng trên đầu gậy trúc. Đôi hài cỏ xơ xác như vừa qua những chặng sơn khê hồ hải. Râu ria tua tía. Và đặc biệt là nụ cười toe toét phô hàm răng trắng ngọc hiền lành.

Tajima nhìn sững. Y có phải là nhà sư đã hạ sát tên kiếm thủ bằng thế trúc bất động kỳ dị hôm ở Tây Lũng đạo? Nhưng trông y sao lại có vẻ phong trần hơn và hiền lành hơn?

Nhà - sư - gậy - trúc - bây giờ ta gọi thế - mắt chột nhấp nháy, bước tới một bước, bước lui hai bước, một tay chỉ trời, một tay chỉ vào bụng mình, nói như ngâm:

- *Lòng tuyết rơi*

*Cô liêu đời kiếm sĩ*

*Bóng một Phú Sĩ sơn*

*Ngủ quên trong hạt bụi*

*Đứng đây chi?*

A! Kỳ lạ! Tajima thâm nghĩ. Xem bộ pháp thì đúng là Nhà - sư - gậy - trúc, nhưng phong thái và lời thì đúng là nhân vật truyền thuyết: Tây Hành đại sư - kẻ đã có công sáng tạo một thế thơ vượt mọi khuôn thước, tiền thân của thơ Haiku mà sau này trở thành sở đắc của Ba Tiêu. Dòng suy tưởng của Tajima vẫn không gián đoạn. Hơi thơ được đi ra một cách tự nhiên, dường như chưa qua sự khúc xạ của trí óc. Y muốn dẫn dụ điều gì? Nghĩ gì nói nấy, một cách vô tâm (mushin) của Đạt Ma? Một cách vô niệm (muga) của Huệ Năng?

Nhớ đến thế trúc nơi Tây Lũng đạo đạo nào, Tajima cung tay tham bái:

- Bạch đại sư! Xin ngài hoan hỷ chỉ giáo cho thế nào là động mà bất động? Bất động mà động?

- Tâm bậy. Nhà sư hươu gậy trúc lên cười to - Ai biết gì chúng nó. Và biết làm gì. Hãy nghe thơ đây:

- *Tuyết rơi nhiều*

*Chân ta về mây trắng*

*Mùa thu bay!*

Thực tại nào bất động ở đây? Tuyết? Chân ta? Mây trắng? Mùa thu? Tất cả đều chuyển động. Phải chăng chẳng thể có cái bất động? Sự vĩnh cửu của

một hạt tuyết, một đám mây chỉ là một cái nhìn đầy khinh bỉ phóng rọi vào sự chuyển dịch tử sinh của hiện tượng giới đầy thôi. Tìm một tâm điểm bất động để trú vào đây là một nỗ lực vô ích và phù phiếm thế nào!

Nhà - sư - gậy - trúc nở nụ cười méo mó vẻ nhạo báng, tháo bầu rượu (có lẽ là bầu rượu rồi) tu một hơi, khà thành tiếng:

- *Một bầu rượu,*

*Trăm năm say mộng hóa*

*Giọt đang rơi!*

Tajima dở khóc, dở cười. Nó chẳng liên hệ gì câu hỏi của chàng. Lời thơ tuôn phát ra, có thể là một thực thể vừa bước ra từ lòng tuyết đối, từ cái tâm linh sâu thẳm nào đây, nhưng có ích gì cho chàng? Dầu nó có là thực tại, là tài hoa thì vẫn toát ra cái gì là tự ngã, kênh kiêu và đa tri.

Khi Tajima vừa quay lưng bước đi thì một hạt rượu rơi bắn vào huyệt kiên tĩnh. Một cảm giác tê rần khó chịu lan nhanh trong tủy sống. “Bị y điểm huyệt rồi”, chàng thâm nghĩ. Nhưng chẳng biết y có giết ta không? Nghĩ đến cái thế trúc bất động nơi Tây Lũng đạo, chàng lại rùng mình. “Sát nhất miêu, cứu vạn thử”; hay y đã biết ta xuống vực sâu lấy “bí kíp”?

- *Cuộc đời ôi!*

*Lang thang gió bụi*

*Hư không ôi!*

*Còn ta trần trụi,*

*Gậy trúc về*

*Đâu nguồn, đâu cội?*

Nhà - sư - gậy - trúc hát to như ngâm, chốc chốc vắng lại nụ cười cô đơn và xa vắng. Có đúng y là Tây Hành đại sư? Nhưng mà... sao vậy kia? Tây Hành đại sư vốn là một cao thủ tuyết vờ của triều đình Kamakura, thế kỷ thứ XIV! Nhưng bây giờ năm nào? 1630! Ta còn tỉnh hay mê? Ta cũng đang bị điểm huyệt đây!

Tajima lặng người, quay đầu lại. Hóa ra chàng không bị điểm huyệt, tất cả đang bình thường. Hít một hơi cho đầy chân khí, Tajima sai cước lực vân hành. Chàng cương quyết dò la tin tức của Nhà - sư - gậy - trúc bí mật.

Đến cổ trấn Osaka thì trời tối đã lâu. Tuyết ngập đường. Nhà nhà đóng cửa. Tajima thấy từ cuối đường, Nhà - sư - gậy - trúc đang bước vào một căn lầu màu xanh, đèn leo lét tỏ. Tại sao y lại bước vào đây? Tajima suýt nữa bật lên câu hỏi.

- Ai đấy? Tiếng từ trong vọng ra - Mùa tuyết rơi, “lầu xanh” không nhận khách. Nếu là giang hồ võ đạo lỡ đường thì xin ghé qua chùa Đa Môn, bẫy dạm phía bắc thị trấn.

Tajima lần nhẹ đến, đôi mắt mở lớn cực độ.



- Eguchi! Tiếng Nhà - sư - gậy - trúc - Nàng còn nhớ đến tên võ tướng vô phước bạc hạnh cầm kiếm xuyên thủng trái tim mình bên đền Quan Âm đại sĩ ở Kyoto?

Im lặng một lát.

- Saiyo! Là người đẩy chứ? Tiếng thánh thót trong như pha lê, cũng có thể như tiếng chim hót - Người đã phủ bụi, đã rời bỏ cõi ô trọc từ lâu, đã thành một cao tăng thạc đức, thành một thi tăng nổi tiếng cửa thiền rồi đó chứ?

- Là ta đây, Eguchi nàng hỏi! Ta là cát bụi nên không bao giờ còn tan theo cát bụi. Cao tăng thạc đức, lãng đãng phiêu bồng thi tăng, kiếm sĩ, tục khách đều có đủ ở nơi ta. Cũng như nàng vậy thôi, gần hai trăm năm nay, nàng đã mười lần hóa thân làm kỹ nữ, nhưng đối với ta nàng vẫn cứ là Quan Âm đại sĩ thuở nào!

Tajima hãi hùng, thò tay véo vào da thịt mình. “Ta vẫn còn tỉnh đây! Ta vẫn còn sống đây!” - Tajima lầm nhảm.

- Saiyo! Hãy nghe đây! Giọng người con gái bây giờ chột trở nên oai nghiêm, sắc lạnh - Chuyển động và bất động hai tướng bỗng lại là không. Ta chuyển động mà bất động. Người chuyển động mà chẳng thể bất động. Ta có hóa thân mà không hóa thân. Người hóa thân mà bị thân hóa. Người như hạt bụi tung vô định vào giữa cơn lốc xoáy của cơ, của cảnh, của duyên, của nghiệp. Người bị cuốn đi mù mịt. Tự do ở nơi người là lớp ngụy trang giả tạo, dối lừa được ai? Đức Thích Ca đại sĩ đêm ba canh nằm nghỉ nghiêng lưng chưa được nửa canh, ngày sáu khắc không thềm sống tự do, tự tại. Ngài sống giữa buộc ràng, câu thúc, lễ nghi, trang nghiêm thân, trang nghiêm giới để giáo hóa sinh quần. Còn người, hỏi Saiyo! Người được mấy thành hỏa hầu? Cả thầy người cũng thế, gã Tukuran ở núi Tỷ-duệ hôm nào!

Chột nhiên, người con gái cao giọng, đầy uy vũ:

- *Kiểm tuốt trần*

*Và địa ngục*

*Hãy bước tới,*

*Không có ngoảnh đầu,*

*Rồi dưới chân, sen sẽ nở hoa!*

Thơ của người đẩy, Saiyo! Và người cứ bước tới, thầy người cũng vậy. Và địa ngục sẽ chờ đón các người. Hoa sen sẽ vĩnh viễn không nở trong lửa đồng sôi, mà nó vươn lên từ đồng bùn ô trọc. Nó mọc đây, nó vươn lên đây. Còn người là gì? Đừng đồng hóa bản năng và tự tại. Đừng lấp lửng giữa hai bờ sinh tử. Mới uống vài ngụm mà tưởng là đã cạn được dòng nước đầu nguồn. Hãy đi đi thôi! Hãy ra đi như hạt bụi và trở về như hạt bụi. Ở đây không có chỗ cho người!

Saiyo vẫn cứ léo nhéo cái giọng si tình:

- *Eguchi nàng hỏi!*

*Khi tôi chưa bỏ cõi đời,  
Tìm nàng sao nên rấn?  
Sao lại hắt hủi tôi,  
Chỉ một đêm trần gian huyễn mộng!*  
Người con gái lâu xanh cũng đáp lại bằng thơ:

*- Ngươi là cát bụi trần gian  
Thì vẫn là cát bụi trần gian  
Ta khuyên ngươi đừng hư tưởng  
Đừng tâm niệm khăng khăng  
Coi trần gian là huyễn mộng.*

Cuộc đời thoái kỳ lạ chìm vào yên lặng. Tajima như rơi hẫng vào một thế giới nào.

Khi Tajima ngược đầu lên thì Tây Hành đại sư (Saiyo) không còn ở đấy nữa. Và căn lầu màu xanh như biến mất trong đêm.

Bây giờ thì chàng biết rõ nhà sư xuất hiện cứu đời và nhà sư ở núi Tỷ-duệ chỉ là một, chính là Tukuran đại sư. Đây là một cuộc hóa thân hay thị hiện thế nào đó do một cái nhìn sâu thẳm khôn dò từ tâm linh thiền chứng. Sinh tử đối với họ là trò chơi. Dẫu chuyển động ba cõi sáu đường với những sinh hoạt lãng xãng, nhưng bao giờ họ cũng trú nơi cái bất động cao đại của chính mình, là thanh tịnh địa, Phật địa, giác tánh, như chơn... Ôi! Cái mà Tajima tưởng là bí kíp võ học, chỉ là nội dung tâm pháp của một thiền phái Phật học, nó không còn là thiền sơ thủy từ Đạt Ma lập cước từ kinh Kim Cương hoặc như Hoa Nghiêm, Lăng Già của các tổ đi sau, mà đã được dung nhiếp hoặc chắc lọc tinh hoa từ chư kinh, rồi biến nó thành ngôn ngữ, khẩu quyết hay nền tảng thuyết lý cho một tông phái.

Ôi! Đây là bến bờ của võ học và đạo học? Hỏi vậy chúng ta bạc nhược kiến thức cùng sự nghèo nàn của tâm hồn. Thiền treo lưỡi kiếm trên đầu ta, và ta bước tới. Không có vấn đề sinh tử lẫn những tri thức phù phiếm ở đây. Một bước nhảy quyết định chẳng kể vực thẳm hay hư vô. Lửa bốc cháy ngàn ngọn ở trong tâm, và chỉ có một hành động duy nhất là xả kỷ. Chẳng có tí tẹo nào là tư dục và vị ngã. Thế là hoa sen nở trong lửa. Tukuran đại sư là hiện thân cho những lý giải bá vợ này! Ngài nói bằng máu! Chúng ta nói khô kiệt của tử thi. Những đệ tử của ngài, sau này, bước xuống cuộc đời, chẳng phải bằng đôi cánh của thiên thần mà bằng sự trần trụi của con người, bằng sự cô liêu từ sơ thủy; sẽ lang thang cùng với trời đất lang thang, trên con đường cứu độ vô thủy vô chung...

Tajima sau đó mất tích. Rồi chẳng biết có những tao ngộ thế nào mà chàng lại trở về kinh đô với mấy chục hiệp sĩ, dùng tay kiếm vô địch lật đổ triều đình Đức Xuyên tướng quân. Chàng ở lại đây, huấn luyện cho chừng một trăm tướng quân, rồi lại biến mất, khoảng hậu bán thế kỷ XVII.

Mấy chục năm sau, người ta nói rằng chàng đã là một du tăng hành cước. Có lần chàng tìm đến căn lầu xanh thuở nọ; ở đây, chàng chẳng gặp Tây Hành, chẳng gặp đức Quan Âm đại sĩ mà chỉ thấy một bức tranh của Okyo Maruyana tạc hình đức Phổ Hiền hóa thân làm kỹ nữ; người kỹ nữ này vì muốn bảo trọng danh dự cho Tây Hành nên đã từ chối một đêm huyền mộng của gã thi tăng lãng đãng này. Cuộc ứng đối năm xưa lại trở về với chàng. Rồi đột nhiên, bức tranh biến mất. Và nhà sư này nghe tiếng vọng tự lưng chừng trời, ngược lên thì thấy giữa hư không hiện ra một đường kinh hành bằng ngọc, nằm vắt ngang như một dòng sông thủy ngân. Và bóng một người phụ nữ lướt nhanh, từng đóa hoa trắng nối dài sau gót chân như những đốm sao. Tiếng nhạc bay bổng. Bây giờ thì đức Phổ Hiền đang ngự trên con voi trắng có những tiên nữ tùy tùng biến mất giữa đám mây lành rực rỡ...

---o0o---

### Lên Non

Trên con đường mòn nhỏ dẫn vào khu rừng u tịch, khi ấy vào khoảng giờ Thân, một kiếm khách giang hồ đang lê từng bước chân khập khiễng ra vẻ không còn hơi sức. Trong ánh chiều tà, y cúi gập tới đặng trước, bóng đổ dài theo vệ đường; tay trái chống lên đầu gối trái, tay phải quai ra sau nắm chặt đốc kiếm; cứ thế, y tiến lên, chậm rãi, mệt mề...

Đến chân dốc đứng cheo leo cạnh chiếc cầu gỗ mục, y dừng lại thở một hơi dài...

Đây là một thanh niên cường tráng, vận chiếc lam y đã thủng rách nhiều chỗ, đầu quấn chiếc khăn xanh lấm lem những vết máu đã khô cứng. Trên khuôn mặt sạm đen phong trần, thanh tú, những vết sây sứt do đao kiếm còn hằn những nét chỉ đỏ, chọt ứa ra những giọt lệ nóng hổi. Y khóc. Y khóc mà đôi mắt đen tròn đầy đặn không hề động đậy. Từng giọt, từng giọt như được rỉ ra từ hai kẽ hở của một sườn núi yên lặng, bò qua má, xuống cằm, từ từ qua cổ rồi len thấm vào vuông áo vải. Tay phải của thanh niên vẫn không rời đốc kiếm, y chậm rãi quay lại rồi đứng bất động, đăm đăm nhìn vào phương trời mù mịt dưới xa - nơi y đã đi qua - bây giờ chỉ còn bàng bạc trong màu khói lam nhạt của chiều hôm.

Một cánh chim rừng từ tàng cây sanh phủ dày bên bờ suối kêu chiêm chiếp rồi tung mình khuất sau rặng cây xanh. Cảnh núi rừng trong buổi xế tà tịch mịch lạ.

Chợt có tiếng vó ngựa từ xa vọng lại. Một chốc, từ cuối con đường dốc thoải, bóng con tuấn mã hiện ra, càng lúc càng rõ nét. Trên lưng ngựa, một cô gái chừng hơn hai mươi tuổi, ngang lưng đeo một thanh trường kiếm,

dung mạo chim sa cá lặn. Người chưa đến mà tiếng nói đã vang vang cả một triển thung lũng:

- Sư ca ơi.. Sư ca! Sao sư ca đành đoạn bỏ tiểu muội mà đi! Sư ca ơi... sư ca! Bóng ngựa lướt nhanh cuốn theo vó một luồng bụi đỏ. Thoáng thấy thanh niên, cô gái buông lỏng dây cương, trong mắt thoáng hiện nỗi vui mừng. Nàng nhảy xuống ngựa, nụ cười tươi như hoa:

- Sư ca! Sao sư ca nhìn sững tiểu muội như thế? Sao sư ca bỏ đi mà không nói với tiểu muội một lời?

Thanh niên chẳng có một xúc cảm nào từ khi cô gái xuất hiện. Những hạt lệ đã khô nhưng tròng đen vẫn giữ nguyên vị trí không hề lay động. Một chiếc lá vàng nhỏ rơi xuống, chao lượn mấy vòng giữa không gian rồi bám hờ trên vai áo, cũng yên lặng.

Cô gái quán cương qua đầu con ngựa bạch, vuốt lại chiếc khăn hồng, sửa lại đốc kiếm rồi khoa đôi hài nhưng đỏ bước lại gần.

- Tiểu muội đã ruồi ngựa mấy chục dặm đường mới theo kịp sư ca. Lạy trời run rui, chứ sư ca rời như chim rừng hạc nội biết đâu mà tìm!

Cô gái đứng dừng lại cách thanh niên khoảng vài trượng.

- À! Sư ca bị thương ư?

Nàng chột như hốt hoảng rồi tiếp:

- Ai? Ai có thể làm cho sư ca bị thương? Tên đại ma đầu nào đã dùng độc kế ám toán sư ca?

Thanh niên không trả lời, tay phải của y vẫn còn trong tư thế quài ra phía sau nắm chặt đốc kiếm.

- Ret...!

Một làn sáng xanh nháng lên, cô gái đã rút kiếm ra khỏi vỏ, đôi mắt long lanh, miệng mỉm nụ cười dịu dàng:

- Sư ca ơi! Giang hồ từ các mạn sông Hoài, sông Trường, cho chí Yên Kinh, Trường An, Giang Nam thường đồn đãi rằng: Không kiếm Trấn ma Đổ Đòng Triều chưa một lần đào thoát dù một phần sống, ngàn phần chết. Thế thì hôm nay phải có sự bí mật nào nên sư ca mới bỏ chạy?

Thanh niên nhúc nhích tia mắt, bình thần nhìn qua hướng cô gái, mấp máy môi trả lời:

- Ta không chạy. Ta đi!

Cô gái quay thanh kiếm một vòng trên không, những ngón tay trắng hồng như búp sen khẽ nắm đầu mũi kiếm, cười nói:

- Ô! Thế thì tiếng đồn quả đã không ngoa! Sư ca ạ, sư ca đi, nghĩa là sư ca đã đơn thân đại thắng quân hồ?

- Ta không thắng!

Cô gái dùng ngón tay trở búng mũi kiếm lên cao, thân kiếm lượn nửa vòng hình bán nguyệt, đốc kiếm rơi nhẹ nhàng vào bàn tay phải của nàng.

- Sư ca bị thương khắp người như thế thật là đau lòng tiểu muội lắm! Vô lễ sư ca lại bại?

- Ta không bại!

Cô gái tròn xoe đôi mắt:

- Ô! Có kỳ lạ không chứ? Giang hồ cũng thường đồn đãi rằng: Không kiếm Trấn ma Đồ Đồng Triều là một kiếm khách của Phật môn, y không bao giờ nói dối!

Thanh niên vẫn đáp hờ hững:

- Phải mà. Ta không hề nói dối!

Cô gái đôi mắt long lên, chiếc hài nhung đỏ bên phải chột nhích tới, bước qua trái nửa bộ, tay trái quàng ra sau, tay phải đưa mũi kiếm chênh chếch lên trời.

- Sư ca ơi! Điều này tiểu muội cũng có nghe đồn, nhưng hôm nay mới được mục kích tận tường. Không kiếm Trấn ma Đồ Đồng Triều thường dùng bất biến mà ứng với vạn biến; tay phải y luôn hờm sẵn đốc kiếm, tư thế dung mạo dường như buông thả hững hờ mà nội khí thường huân tụ cụ túc ở thượng phân đơn điền; bao giờ y cũng là kẻ xuất chiêu sau mà chiếm thượng phong.

- Phải rồi!!

- Bởi vậy tiểu muội cũng ngại lắm nên thủ bộ trước.

- Thế là phải. Từ lúc hạ sơn đến nay, ta chưa một lần chiếm tiên cơ của thiên hạ. Còn điều này nữa, ta tuyệt đối không ra chiêu đối với sáu hạng người.

- Ô! Vậy ư? Điều đó thì tiểu muội chưa nghe được rõ ràng, phải tự miệng sư ca nói ra tiểu muội mới tin được.

- Thứ nhất là sa-môn và ni cô; thứ hai là lão phu lão phụ; thứ ba là kẻ tật nguyền; thứ tư là đàn bà mang thai; thứ năm là trai gái vị thành niên; thứ sáu là kẻ đã ngã ngựa...

- Ô! Thật là bậc đại nhân đại dũng! Tây Sơn Cuồng Khách Mạc Chấn Vi, Nam Nhạc Túy Tiên Lãng Thụy Ông mà còn phải hạ kiếm nếu nơi nào có sự xuất hiện của Không kiếm Trấn ma thay; huống hồ gì tiểu muội chỉ là một yêu nữ hồng quần tiêu tốt vô danh! Xin sư ca dong thứ.

- Khỏi. Người cứ xuất chiêu đi!

- Sao sư ca lại nói thế? Tấm lòng của tiểu muội đối với sư ca thế nào thì sư ca đã biết. Tiểu muội nào dám xuất chiêu với sư ca. Tiểu muội chỉ đề phòng những khi sư ca hất hủi tiểu muội mà ra đòn thẳng tay bất ngờ đẩy thôi. Sư ca ơi! Sư ca tệ bạc với tiểu muội lắm, sư ca biết không?

Thanh niên im lặng.

Cô gái giọng nói càng lúc càng thê lương:

- Sư ca bị thương, tiểu muội thấy mình như đoạn từng khúc ruột, những muốn kề bên để han hời, lương liệu thuốc thang mà sư ca cứ mặt lạnh như

tiền, quả tim thì tro tro như đá. Vậy lẽ sự ca có mệnh hệ nào thì tiểu muội đành ôm hận mà về chín suối thôi.

- Phải rồi! Ta bị cả hàng chục vết thương, giờ không còn một chút khí lực nào. Người có muốn giết ta thì ra tay đi, vĩnh viễn ta chẳng đem lòng oán hận. Người nói nhiều quá!

- Thế ư? Tiểu muội cảm nghe trong hơi thở và giọng nói của sự ca có vẻ như là “trung khí bất túc”. Điều này chứng tỏ sự ca bị cả nội lẫn ngoại thương, nhưng tại sao sự ca vẫn hờm sẵn đốc kiếm như vậy?

Thanh niên cười rộ:

-Ồ! Ta có cố ý thủ kiếm đâu.

Cô gái có vẻ tức tối:

- Thế thì tay ai quai ra sau đốc kiếm như thế?

- Tay ta chứ ai!

Cô gái hét lên:

- Trước mắt tiểu muội mà sự ca còn nói dối đến mặt dạn mày dày thế ư?

Thanh niên chợt hú lên một tiếng dài, khu rừng vang động không ngớt; những cánh chim chiều từ trong các lùm cây tán loạn bay lượn tứ tung; chung quanh đầy khoảng vài trượng, lá cây rụng rã ào ào như bị một cơn lốc bão.

- Hồng Diện Nương! Hồng Phấn La Sát! Đồ Đồng Triều này dù sao cũng là kẻ nam nhi trên đời, một lời nói ra xem nặng bằng non, còn tin hay không tin đó là quyền của người. Tiếng sự tử hống vừa rồi là kết tụ của tất cả chân khí còn lại. Người hạ thủ đi thôi!

Thấy thanh niên đã bị thương trầm trọng mà còn thần oai lẫm lẫm như thế, cô gái không rét mà run. Khi thanh niên cất tiếng hú thì cô gái đã hoành thân nhảy vọt ra xa, bây giờ đã trở lại.

- Tay sự ca rõ ràng đang thủ hờ đốc kiếm mà sự ca cứ bảo rằng không. Tiểu muội chẳng dám trách ai mà chỉ tội phận mình đã chọn làm thần tượng. Thôi, từ rày tiểu muội chẳng dám quấy rầy bậc quân tử nữa! Giang hồ mệnh mỏng ắt hẳn còn có ngày tái ngộ...

Cô gái nói xong, hạ thanh kiếm xuống, cúi đầu theo tư thế “liên hoa nghinh Phật”, kiếu từ...

Thanh niên đôi mắt sáng rực như điện rồi buông rú xuống, lò dò, nói lớn:

- La sát yêu hoa tiên! Hay lắm!

Thanh niên nói chưa dứt thì ba mũi ám tiễn từ phía cô gái đã bay đến trước mặt nhanh như luồng sao xẹt, hướng đến các trọng huyệt ở cổ và ở tay - những mũi tên đằng chuôi có đính những bông sen nhỏ bằng lụa không ngớt rung rinh.

Cô gái phóng ám khí xong, nhún mình một cái, người đã lạng ra xa, đứng vừa vịn trên một tảng đá cao.

- Sư ca ơi! Tiểu muội cung kính dùng thế “liên hoa nghinh Phật” để dâng tặng sư ca ba đóa hồng liên, chứng tỏ tiểu muội thương kính sư ca như thần như Phật, sao sư ca không hoan hỷ đưa tay đón nhận mà lại bõn cợt dùng nội lực hút dính vào người như thế? Sư ca coi thường tiểu muội như thế thì thôi! Khuôn mặt thanh niên thoáng chốc biến đổi, nhưng y đã gượng lấy sắc bình thường rồi nói:

- La sát yêu hoa tiễn chỉ một vài khắc là độc tố lan khắp cơ thể, chạy đến tìm thì dù Biên Thuộc, Hoa Đà cũng không còn cơ cứu vãn. Hồng Phấn nương tử! Ta tuyệt đối không thù hận gì ngươi cả, nhưng trước khi chết, ít nhất ngươi cũng cho ta hiểu rõ ngọn nguồn, tại sao ngươi lại oán độc đối với ta lắm vậy?

- Sư ca nói thế thì thôi! Tiểu muội đem lòng thương tưởng sư ca đã không hết thì có đâu lại để dạ oán ghét sư ca? Tiểu muội trộm nghĩ rằng, sư ca là một kỳ nam tử, là một đóa hoa ưu tú trong võ lâm, nếu không giữ sư ca cho riêng mình thì làm sao một nữ ma đầu như tiểu muội lại tranh đoạt nổi với giang hồ, với những hạng thuyền quyên thực nữ trong đời?

- Vì vậy nên ngươi giết ta?

- Tiểu muội không giết. Tiểu muội không hề giết sư ca. Giết sư ca thì tiểu muội làm sao còn sống được?

Thanh niên mỉm cười dịu dàng:

- Ngươi không giết ta thật, mà ngươi chỉ phóng ba mũi tên kỳ độc vào cái thân “ngũ âm vốn không” này thôi!

- Không phải mà! Sư ca nhạo tiểu muội làm chi!

Thanh niên nghiêm trang nhìn cô gái, buông từng tiếng một:

- Ngươi làm việc ác đức, ta ngăn. Ngươi vì tình ái hoang dâm mà giết người vô cớ, ta cấm. Bao giờ ta cũng nhún nhường, nhã nhặn tìm cách dẫn ngươi về với lương tâm, về với con đường phải. Trong quãng đời hành hiệp, ta chưa một lần vô lễ với ngươi? Ở Trường An năm xưa, đã hai lần ta cứu ngươi thoát khỏi bàn tay dâm đầu của Đại Diệu Thủ Phong Tinh Khách. Và không dưới bảy lần ta đưa ngươi ra khỏi sự vây bủa của Đông Hải Triều Dương Bang. Đã biết bao nhiêu lần ngươi gài bẫy ta phạm những giới cấm của sư môn, dẫu thế, ta chẳng phiền trách gì ngươi mà chỉ tìm cách dẫn ngươi về với chánh đạo...

Nghỉ một chút dường như để lấy lại khí lực, thanh niên tiếp:

- Thế đấy! Hồng Phấn nương tử ơi! Dẫu ở gần hay xa, dẫu ngươi tội lỗi nhiều hay ít, ta chưa bao giờ dám khinh ngươi. Trong ta, không có oán ghét và thù hận... Thế mà... bây giờ ngươi lại giết ta.

Thanh niên nói một thôi dài, người y cúi gập xuống. Thiếu nữ òa khóc.

- Sư ca ôi! Tiểu muội không giết, tiểu muội yêu sư ca còn hơn là mạng sống của mình nữa!

Thanh niên thờ ra, khuôn mặt ngả màu tím đen, đôi mắt lơ đờ, miệng lẩm nhẩm:

- Phàm kẻ xuống núi hành đạo, trước tiên là phải có kiếm, có ma. Thầy đặt Pháp danh cho con là “Không kiếm Trấn ma”, có phải là để cho con ngộ được điều này: Kiếm tuy có mà cũng dường như không, dùng tâm mà vệ đạo giáng ma chứ không phải dùng kiếm mà vệ đạo giáng ma! Kiếm ấy chỉ là phương tiện hạ thừa. Bao nhiêu năm qua, kiếm này đã coi như không, mà ma kia vẫn còn đó... Thế thì... Thế thì... Ta đã “Không kiếm Trấn ma chưa?” Một cơn gió núi lạnh lèo lùa qua, thanh niên đôi chân run run lão đảo, nhưng y cố trấn tĩnh gượng đứng lại... Chợt trong tiếng gió, y nghe rõ mồn một giọng nói khàn khàn, già nua:

- Không kiếm Trấn ma con! Không kiếm Trấn ma chỉ mới là giai đoạn đầu tiên của một hành giả kiếm đạo. Cuối giai đoạn ấy, con phải thật sự thấy rõ “kiếm đã không rồi mà ma kia cũng không!”

Thanh niên chợt ngửa mặt nói lớn giữa hư không:

- Thầy ơi! Gần một năm nay con đã không hề trả chiêu. Có kiếm mà cũng dường như không, có ma mà cũng dường như không, vậy thì có phải...

- Thế thì ta sẽ cho con lên non. Lên non để con có cơ hội thể nghiệm cái chặng đường cuối cùng của một hành giả kiếm đạo: người cũng không!

Thanh niên chợt mỉm cười, vừa nói vừa đổ ập chiếc thân về phía trước:

- Hay quá! Thầy ơi! Con đã được lên non. Hay quá! Thầy ơi! Kiếm không, Ma không, mà Người cũng không!

Thiếu nữ chạy nhanh lại, nhổ mạnh mũi ám tiễn ở ngực và cổ. Khi đưa tay ra định nhổ mũi tên ở cánh tay cầm đốc kiếm, nàng sững lại: cánh tay thanh niên đã bị ai chém gãy rồi họ cột chặt vào đốc kiếm bằng sợi gân tê ngu.

- Ô! Y đã không nói dối!

Cô gái òa khóc, rồi chợt hít hải lần tìm phương thuốc chữa thương. Núi rừng hoang hôn đang đi vào sẫm tối.

---o0o---

## **Ma Không Đầu**

Ở tại Phong Trần huyện, Nam Bình thôn, có anh học trò nghèo họ Trương tên Tam, học giỏi mà lận đận lao đao về đường khoa cử.

Trương sinh có người bạn đồng khoa thương yêu nhau như ruột thịt. Người ấy họ Lý tên Tứ, học không giỏi nhưng gặp thời. Niên hiệu Minh Mạng thứ ba, nhờ tài chạy chọt khôn khéo nên Lý đã được thăng tri phủ trấn nhậm Nghệ An, còn Trương thì vẫn cái điều ta đây là:

“Tay trắng vẫn cứ nòi quân tử



Khăn điều nào đáng mặt phong lưu!

Mọi người khuyên Trương nên bỏ kinh sử để theo đường doanh nghiệp thì Trương cười to mà đáp rằng:

- Cổ nhân có biết bao kẻ vác lều vác chõng mấy chục năm ròng rã mà chưa qua khỏi cái tam trường? Có biết bao nhiêu kẻ “thập niên đăng hỏa” mà biết chắc là sẽ đắc chí công hầu khanh tướng? Do lai, tất cả đều không vì chữ thời và chữ mệnh đó ru? Trương mỗi này, xuân thu mới bốn chục, còn hơn cái lão Bạch Lý Hề kia, thì lo gì bước hoạn đồ không ngựa xe áo mũ, đem sức tài mà thi thố Hàn, Lương? (Hàn Tín, Trương Lương)

Thấy Trương tuy ngông nghênh nhưng văn hay chữ tốt, lại có chí lớn nên mọi người không lấy đó làm chuyện tiêu đàm.

Cha mẹ Trương mất sớm, anh em không có, chàng lại không nghĩ đến chuyện thê tử nên đời sống cũng tương đối thanh thoi. Ngoài những khi phải hái rau kiếm củi độ nhật, chàng thường được tự do mai Tần, tối Sở; cũng biết hát khúc Nghê, thả cần câu sông Vị (Khương Tử Nha câu cá ở sông Vị để đợi thời), thỉnh thoảng cũng biết ôm trăng mà ca bài “Trương tiểu tửu” với họ Lý, ngâm vịnh với chàng Tô, thả neo Tây Hồ với họ Phạm... Nói vậy chứ trừ những khi có sự trợ cấp tiền bạc của họ Lý kia, đa phần họ Trương phải tự lực hoặc dựa lưng nằm dài nơi “Cô hồn am” để nhờ miếng cơm manh áo của ông thủ từ già họ Phùng tốt bụng.

Tuy thế, Trương sinh cũng biết dành dụm, nhất là trước ngày lều chõng. Cánh hạc kia tuy sông hồ quanh năm suốt tháng, vong cội quên nguồn, nhưng nó cũng biết lúc nào nên đậu lại! Mà nơi đậu lại chính là ở “Cô hồn am” - một cái am lạnh lẽo điều tàn về phía tây Nam Bình thôn, một nơi nổi tiếng là “ma gào quỷ hét”, nổi tiếng là có những “oan hồn uổng tử” thường lảng vảng, ần ần, hiện hiện, kêu khóc nỉ non. Ai hỏi Trương tại sao lại không sợ, Trương đáp:

- Ma quỷ cũng là người nhưng họ sống ở thế giới khác đó thôi. Phùng ở được sao Trương mỗi lại không ở được? Phùng hương khói hoa quả sớm hôm là lo phần “xác” cho họ. Còn Trương mỗi đọc kinh, đọc sử, dẫn những bài học của cổ nhân, những lời dạy của thánh hiền là lo phần “hồn” cho họ. Ma quỷ chắc phải cảm ơn không hết, có đâu lại làm cho Trương mỗi sợ hãi phải bỏ đi!

Nhiều người mỉm cười khi nghe Trương nói thế, tưởng là lý luận của anh đồ gàn, nhưng sự thật hầu như chứng minh điều đó. Những người đi làm gỗ, làm mây, làm củi từ phía tây thôn, khuya sớm có dịp băng qua nghĩa địa đến Cô hồn am, thì chỉ thấy đèn chong rạng và giọng ngâm thơ bình phú hoặc đọc kinh đọc sử sang sảng của họ Trương, chẳng thấy ma quỷ kêu gào ở đâu hết.

Từ đó, Cô hồn am không còn là nơi đáng sợ cho dân Nam Bình thôn nữa.

Niên hiệu Minh Mạng thứ năm, từ miệt Thanh Hóa trở vô cho đến Thừa Thiên, hạn hán, mất mùa, đói kém, cướp làng, cướp chợ, cướp đường nổi lên khắp nơi. Tri phủ họ Lý bị giặc chặt đầu phanh thây, nghe nói là vì cai trị hà khắc và bòn rút của dân. Phong Trần huyện lại bị thêm cái lụt vào cuối mùa thu nên tình cảnh màn trời chiếu đất, tang tóc thê lương kể sao cho xiết? Ở Nam Bình thôn, người ta tranh giành cướp giạt nhau cả từng nắm cỏ xanh. Ông thủ từ già họ Phùng không chịu nổi cơ hàn đã run lẩy bẩy, sùi bọt mép từ giã cõi đời vào một đêm mưa gió. Trương sinh bây giờ chỉ còn cô quạnh một mình nơi Cô hồn am với cái xác xanh xao, chống gậy lom khom vào ra, lê tấm thân tàn đợi tử thần đến gõ cửa. Manh chiếu cũ còn lại, Trương sinh bó xác người thủ từ già không đủ kín, vẫn còn thừa hai cái chân trắng bệch thò ra bên ngoài. “Bát cơm phiêu mẩu”(Tích Hàn Tín nhớ ơn người cho bát cơm lúc hàn vi.), “tình nghĩa Lưu Dương”(Tích Lưu Bình, Dương Lễ.), Trương sinh cũng biết lắm, nhưng vốn nhấc chân lên đã run rẩy thì làm sao đào được một cái lỗ để vùi lấp đi bộ xương còm?

Đã một ngày và một đêm rồi mà Trương sinh còn nằm đó. Mấy củ chuối cuối cùng sau góc am cũng đã chia hết cho nhau từ tuần nay. Trương sinh nhớ là mình đã không có gì ăn từ lâu lắm. Khi đưa tay sờ lưng thì đụng bụng, khi đưa tay sờ bụng thì đụng lưng! Râu, tóc, lông tay, lông chân rã ra từng đám, từng nắm! Trời trở lạnh đến đóng băng, mưa gió lại lợi dụng cái cảnh thê lương này để gào thét ghê rợn. Trương sinh nằm mơ mơ màng màng mà không biết mình đang ở cõi nào, sống hay chết; nhịp đập của tim và hơi thở bây giờ hầu như là của ai khác, Trương nghe mong manh và xa lạ quá đỗi.

- Ào...ào... ào... rắc... răn... rắc...

Cô hồn am như muốn bị cơn gió trốc đi, ngửa nghiêng như chiếc tiểu thuyền giữa cơn đại lãng. Mưa ào ào như trút, mây tấm tranh ở nóc bị bắn thốc đi, nước tràn vào lai láng.

Khoảng canh hai, trời lạnh. Trương sinh tự dung chống tay lồm cồm bò dậy, người ướt như chuột lột. Ngọn đèn dầu lạc nơi góc am, được đập bằng vỏ chai vỡ không biết phép lực kỳ dị nào mà không chịu tắt, lập lòe ánh sáng xanh lè. Đôi chân của tử thi thò ra khỏi chiếu chiếu hình như dài hơn và xanh hơn, dường như có gợn lân tinh và nhúc nhích nữa! Trương sinh nổi da gà toàn thân và một luồng khí lạnh từ đâu chạy dọc suốt xương sống.

- Sống khôn thác thiêng, xin vong hồn tiên sinh chứng giám cho. Trương sinh lâm râm khấn thầm trong miệng - Trương mỗ vì đói quá nên chưa lo được nhang khói mộ phần cho tiên sinh đó thôi, chứ không phải Trương mỗ là kẻ bạc tình bạc nghĩa đâu. Đừng nhát sợ Trương mỗ nữa.

Đôi chân của Phùng lão hình như đã nằm yên lặng như cũ. Trương sinh yên trí lò dò dựa vào mép bàn lần tay bụng ngọn đèn dầu lạc khơi tim lên. Khi quay lại thì trước mặt mình có một người cụt đầu đứng đó tự bao giờ!

- Đừng sợ. Đừng sợ. Trương huynh đừng sợ. Mạng Trương huynh lớn lắm, “vía” này không làm gì được Trương huynh đâu. Đệ là Lý tri phủ đây! Âm dương dẫu cách nhưng tình chiếu vẫn, nghĩa kim bằng không vì vậy mà xa nhau.

Trương sinh gương đứng dậy, mắt thì chăm chăm nhìn người cụt đầu, chân thì lần lần xô vào xó vách. Chẳng biết giọng nói phát xuất từ đâu nhưng vang vang lạnh lẽo như tự dưới mồ sâu.

- Hà, hà! Nhớ ngày nào ta bình văn luận phú, tri âm tuy không dám ví với Tử, Bá (Bá Nha, Tử Kỳ) nhưng biết nhau nào há thẹn với Di, Tề (Bá Di, Thúc Tề)? Lần đệ đi trấn nhậm Nghệ An, Trương huynh trở về Nam Bình thôn, đệ cũng đã cả gan xuống ngựa, uống một chén rượu mà ngâm bài “Tống biệt” của họ Vương:

*“Hạ mã ẩm quân tửu*

*Vấn quân hà sở chi*

*Quân ngôn bất đắc ý*

*Quy ngọa Nam sơn thùy*

*Đản khí, mạc phục vấn*

*Bạch vân vô tận thì...”*

Trương huynh ơi, Trương huynh! Tuy Trương huynh không “bất đắc ý” nhưng cũng “quy ngọa Nam Bình thùy” và “tình ta như mây trắng, còn mãi đến muôn đời”. Trương huynh ơi! Trương huynh còn nhớ không chứ?

Nghe nhắc đến chuyện cũ, Trương sinh mới biết chắc đây là Lý tri phủ, người bạn cố tri đã giúp đỡ chàng qua rất nhiều cơn túng bấn, và cũng nhờ y mà Trương có được những ngày tháng phong lưu để chèo thuyền thăm Tây Tử, lên núi viếng Vu Nghi. Cảm động quá, Trương chạy đến, nhưng bỗng sững lại sững sờ vì kia là cái xác không đầu, một cái bụng to lớn phình ra phía trước, tay chân gầy ốm tong teo như bốn que tăm găm vào một củ khoai lang!

Lâu lắm, khi đã định thần, Trương lắp bắp hỏi:

- Lý... Lý tri phủ đó ư?

Chợt có tiếng cười vô cùng lạnh lẽo rồi đáp:

- Lý tri phủ hay Lý âm phủ cũng một Lý đó thôi! Lý âm Lý dương hình thù dẫu khác nhưng cũng cùng chung một mệnh phận đoạn trường bi ai thống khổ như nhau. Trương huynh ơi! Đệ đau khổ lắm, Trương huynh ơi!

Tiếng nói chợt như bị cái gì chặn lại, rồi như nước nớc. Và cái xác không đầu trước mặt Trương sinh chợt run lên bần bật; cái bụng thóp vô thóp ra liên hồi, hai tay không ngớt thọc vào bụng, vào lưng, vào ngực...

- Lý... Lý đệ làm gì thế? Lý tri phủ sao lại tự hành hạ mình như thế?  
Ma không đầu sau một hồi lăn xuống đất ôm bụng rên la, đã đứng lên, kéo ghế chững chạc ngồi. Trương sinh cũng đã hết sợ, mạnh dạn ngồi vào ghế bên kia.

-“Vay trả, trả vay, nhân quả báo ứng”, ấy là luật trời chứ ai nào hại được ai?  
“Thiên võng khôi khôi, sơ nhi bất lậu” (Lưới trời lồng lộng, thưa mà chẳng lọt). Quả vậy, không thể nào lọt được! Quay đầu là thấy bển. Thế mà... thế mà..

Trương sinh lắp bắp:

- Lý tri phủ không có... không có... cái đầu thì làm sao... quay? Quay làm sao?

Tiếng cười lại âm u lạnh lẽo:

- Trương huynh giờ mà còn khôi hài với đệ đây ư? Rồi Trương huynh cũng thế, cả cái trần gian này nữa, coi chừng đều bị làm ma không đầu hết cả đấy; rồi chẳng còn cái đầu nào mà quay về nữa đâu!

Trương sinh cho đến bây giờ cũng còn chưa để ý đến nội dung ý tứ câu chuyện, mà cứ tò mò quan sát không biết cái mũi ở đâu, cái miệng ở đâu? Khi ma nói, Trương thấy cái bụng có nhúc nhích, khi mà cười thì cái bụng có giật giật. Quả là quái dị! Biết bao câu hỏi cứ lẩn quẩn trong đầu Trương.

Bây giờ thì Trương đã hết đói, hết lạnh và hết sợ.

- Cái mũi, cái miệng của Lý tri phủ ở đâu?

- Ở trong này - Ma vỗ bụng đáp - cả cái đầu nữa, cũng ở trong này tuốt. Nhân gieo thì quả trở. Quả thành thì nhân hoại. Đây là thường lý mà Trương huynh không biết ư?

Trương sinh ngẩn ngơ đáp:

- Chứ không phải Lý tri phủ bị...?

- Bọn cướp chặt đầu? Phải mà không! Không mà phải! Ma lắ đầu - chặt đầu là một chuyện, mất đầu hay không đầu lại là chuyện khác. Chặt đầu thì có hạn, nhưng ma không đầu thì... hà... hà có hằng muôn ức triệu trên thế gian.

Trương huynh coi đây...

Chợt nhiên ma đứng dậy cất tiếng hú rợn người, tiếng hú quả là quỷ khóc thần sầu. Chưa đầy nháy mắt, bên ngoài như có hằng thiên binh vạn mã chạy rầm rập, tiếng tru tréo đến dựng tóc gáy. Rồi thì ma không đầu đứng dày đặc cả một nghĩa địa, lồ lộ đến tận chân trời.

Trương sinh mắt mở trừng, cơ thể như một tảng đá lạnh. Ma không đầu lại mất tăm sau một cái nháy mắt.

- Đệ là chủ sớ của bọn chúng. Vì tuy cũng là ma không đầu nhưng đệ còn có một chút lương tri, biết phân biệt điều phải và điều không phải. Còn bọn kia thì hoàn toàn mất hẳn lương tri, suốt đời, chúng chỉ sống bằng bụng thôi!

Trương sinh có vẻ chưa hiểu nên ma giải thích tiếp:

- Làm vua cũng lo cho cái bụng, làm quan cũng lo cho cái bụng, làm lính cũng lo cho cái bụng, làm dân cũng lo cho cái bụng; đọc kinh, đọc truyện, đọc sử, thập niên đăng hỏa cũng lo cho cái bụng; bóp óc nặn trán, lên non xuống núi rồi cũng lo cho cái bụng... Cái bụng! Cái bụng! Cái bụng trở thành mục đích cho kẻ tang bồng hồ thi; mục đích cho bọn hồng quần khăn lược; mục đích cho sa-môn, đạo sĩ; mục đích cho ý chí, ước mơ và tham vọng... Thế đó, Trương huynh ơi! Thế thì làm sao cái đầu nó không tiêu hoại cho được khi mọi cứu cánh của con người đều đổ xô về cái bụng? Cái đầu nghiên cứu, học hành, nghĩ suy, mưu kế, mưu lược... là “nhân”, cái bụng thành là “quả”. Quả thành thì nhân hoại. Mầm thành cây thì hạt không còn. Cho nên, làm ma không đầu là một kết quả tất nhiên vậy.

Bất giác, Trương đưa tay sờ lên đầu mình. May mắn sao, đầu của Trương sinh vẫn còn! Chàng sợ mình mất đầu là phải, vì mấy chục năm nay, đầu chàng có bảo mình quân tử, phong lưu, học hạnh thánh hiền chẳng nữa, thì chàng cũng chưa nhìn xa hơn cái bụng, nếu như không muốn nói, hầu như mọi nỗ lực của chàng đều đổ xô về đó: cái bụng!

Trương đưa tay xoa bụng thì chàng cảm thấy an tâm. Sờ bụng thì chàng đụng lưng! Ở nơi cái bụng của chàng chưa có cái gì cả nên cái đầu chưa thể tiêu hoại được. Trương nghe mình thở phào khoan khoái.

Bỗng nhiên trời lại nổi gió. Gió rít lên từng hồi ghê rợn ngoài rừng thông, rừng liễu, ào ào chạy qua nghĩa địa, va đập vào liếp cửa những tiếng động kinh hồn. Ma không đầu chọt ôm bụng lăn xuống đất, quần quai rên la, giọng nói của y lại dòn dập, áo nã:

- Mau đi! Hãy bỏ tất cả đi. Cả thế gian này. Đừng dùng cái đầu mà lo cho cái bụng nữa. Trương huynh ơi! Hãy bỏ đi, bỏ gấp đi! Khổ lắm, khổ không chịu nổi đâu!

Trương nắm chặt mép bàn cố giữ cho người khỏi ngã, trong lúc Lý có vẻ thông khổ lắm, y lò côm bò dậy rồi chuệnh choạng chạy ra ngoài khung cửa.

- Vĩnh biệt Trương huynh! Chớ quên. Chớ quên. Chỉ có ai giữ cho “cái đầu bằng cái bụng, cái bụng bằng cái đầu” thì Diêm Vương mới phê cho ba chữ “khả vi nhân” (Có thể làm người.). Bụng bằng đầu, đầu bằng bụng là “khả vi nhân”. Nhớ lấy. Nhớ lấy. Khổ lắm. Khổ không chịu nổi đâu...!

Tiếng nói càng lúc càng nã nùng thê lương, càng lúc càng chân tình, chí thiết. Và khi ấy, hình bóng ma không đầu cũng xa dần... mờ dần trong bóng đêm của nghĩa địa.

Bên ngoài mưa gió vẫn cứ rít gào như cả hàng trăm ngàn ma không đầu vẫn cứ rít gào muôn đời giữa cõi hư vô lộng lộng.

Từ đây, nơi Cô hồn am, Nam Bình thôn, người ta không còn thấy bóng dáng chàng thư sinh họ Trương nữa. Chàng đi đâu không hề ai hay biết.

Mùa xuân niên hiệu Minh Mạng thứ sáu, một nhà sư du phương đi qua Cô hồn am chợt phát giác một tử thi đã mục rữa và tập ký tự Trương Tam, ghi lại chuyện trên và phía dưới đề bốn chữ: “Lưu hậu ích thế”.

---o0o---

## Chiếc Áo Cũ

Câu chuyện được kể lại từ thời Phật giáo Thiền tông hưng thịnh, tức là thời đại Kiếm Thương (Kamukara), trong khoảng thế kỷ XII và XIII ở Nhật Bản.

Khi Ô-chu từ già tông phái Nhật Liên của Nhật Liên thượng nhân (Nichiren Shonin), thì mái tóc đã điểm hoa râm, chàng quay lưng ngọn núi Phú Sĩ bạc đầu, xuyên qua mây rừng hoa anh đào để đi vào miền xuôi.

Vai với bọc hành lý đơn giản, đầu chiếc nón rộng vành che kín khuôn mặt, từng bước một chậm rãi như chúa lạc đà, chàng đi mấy ngày đêm ròng rã, chỉ dành đôi chút nghỉ ngơi.

- Kia rồi!

Chàng ngược mặt lên khẽ thốt. Chiếc cồng trúc vàng và hai bụi thực quỳ nổi hoa tím đã hiện ra. Đằng sau lối sỏi trắng điểm hoa cỏ li ti có bóng người gầy cao chống trượng đứng.

Chàng quỳ gập hai đầu gối xuống trong tư thế của một môn sinh thiền gia:

- Bạch Thầy, giọng chàng xoắn xít, nôn nao biểu lộ một cảm xúc tuôn trào - thầy vẫn còn mạnh.

Người gầy cao chống trượng đứng, không quay lại. Một đám mây bạc ửng màu lưu hoàng trôi qua đầu cây tuyết tùng. Buổi sáng có những tia nắng ấm và có mưa nhẹ lay bay...

- Anh lại bỏ áo? Anh đến chào tôi rồi hẳn làm một cuộc ra đi mới hả Ô-chu? Giọng người gầy cao chống trượng đứng, nói trầm âm và không biểu lộ một tình cảm nào.

- Đã bỏ áo? Dạ bạch thầy, không, con không bỏ áo. Không bao giờ.

Người gầy cao chống trượng đứng, đột ngột quay lại, cúi xuống hom hem nhìn chàng. Ký ức của lão thiền sư trở về...

Người gầy cao chính là thiền sư Đạo Nguyên (Dogen) năm đó đã 83 tuổi. Và kia là vị đệ tử trưởng của lão thiền sư, pháp danh Ô-chu (Oju Shonin) cách ba mươi năm về trước. Ngài còn nhớ rõ như in, người thanh niên với chiếc cằm vuông vức, trán phẳng và cao, đôi mắt xanh to nhưng sâu thẳm ẩn dưới hàng chân mày sắc mạnh như một vệt dao. Người học trò này thông minh, tuyệt vời thông minh, nhưng nóng nảy. Trong các buổi giảng tập kinh điển, luận bàn giáo lý, đôi mắt y sáng rực rực, giọng hăm hờ, dồn dập, náo nức;

ngôn ngữ, chữ nghĩa trôi chảy cuộn cuộn như sông dài; lý lẽ minh chứng xác thực, sắc bén như lưới kiếm xuyên nước. Ba trăm môn sinh không ai tranh luận nổi với chàng đầu là một điểm nhỏ về giáo lý. Nơi thiền phòng bao giờ chàng cũng là người đến trước mà ra sau. Học Pháp không biết mỗi một. Hành thiền không biết mỗi một. Tuy thế, lão thiền sư Đạo Nguyên bao giờ cũng lắc đầu: “ba mươi năm nữa, ba mươi năm nữa”. Vì sao vậy? Lão thiền sư Đạo Nguyên lại nghĩ tiếp, y khó mà thấy được cái bình thường tâm. Y không bao giờ an tâm mà làm các công việc nhỏ nhặt như bở củi, gánh nước, tưới rau, quét sân, nhổ cỏ... Y là con người của đại sự kia, kẻ gánh vác những công việc lớn lao trong trời đất; sứ mệnh của y phải là cái gì tương tự như tát cạn bể đông, quảy cày khôn trong cái đây ta bà. Mỗi lần thượng tọa quản chúng hay Thượng tọa tri sự giao cho y những công việc chân tay thì khuôn mặt của y mới thiểu não làm sao. Y thường nói: “gánh một núi sách lên Hy-mã-lạp-son còn dễ hơn cái việc lượm lá, quét sân”. Sự khát khao về chân lý đạo bừng bừng bốc lửa trong ý chí của y. Thế nên, y không chịu được đời sống một môn sinh tầm thường. Vì vậy y khoác áo du tăng hành cước đi từ núi cao đến rừng thấp. Cuộc từ giã hôm ấy là một buổi sáng mờ sương, lão thiền sư đã ân cần trao cho chàng một chiếc áo cũ: “Thầy không có gì để kỷ niệm trước lúc con ra đi. Đây là chiếc áo cũ năm xưa thầy cho, con bỏ đi, nay thầy đã khâu vá lại. Con đừng quên nó nhé”. Đã lâu lắm rồi, lão thiền sư nghe y bỏ áo rồi xin nhập một tu viện. Lại bỏ áo. Lại lên đường đến một thung lũng của các đạo sĩ Yogi nghe đâu ở tận miền Bắc hải đạo. Một ngày mùa đông, tuyết ngập khe suối, các hoang đạo những vũng nước đóng băng, chàng dẫm qua mười hai ngọn núi, mười bảy làng sơn cước, đêm khuya trở về gõ cửa. Lão thiền sư tiếp chàng ngay nơi tâm phòng, đốt lên một lò sưởi, hâm lại ấm trà, lấy ra một gói kẹo thảo mộc. Câu chuyện âm thầm giữa thầy cũ và trò xưa chẳng ai biết, chẳng ai hay. Mờ sáng hôm sau, người lữ khách không biết mỗi một ấy lại ra đi, lại lên đường, con đường nhiều khe vô định, vai vắn với bọc hành lý đơn giản dạo nào: “Bạch thầy ạ, con chưa thể dừng chân được. Sinh tử là định mệnh hối thúc không rời. Tri thức con phóng vọt tới đằng trước như một con ngựa bất kham. Nó không cần biết vực thẳm hay thảo nguyên, quê xưa hay đất trịch. Bạch thầy ạ, tuy thế con còn có chiếc áo cũ của thầy, giáo huấn, nhắc nhở con mỗi khi lầm lỡ. Nó vẫn còn đây. Nó vẫn còn đây”. Chàng mỉm cười xa xôi, điệu vội, vồ vào bọc hành lý bạc màu rồi cúi đầu bước qua khung cửa thấp, đội tuyết lâm hành.

Mùa hoa anh đào cách đây đâu đã hai mươi năm, lão thiền sư nghe tin chàng đang thọ giáo với một pháp sư người Trung Hoa tại miền cực nam đảo Trường Kỳ. Không lâu sau lại tham học với một thiền sư người Đại Hàn tại Ko-chi. Và cứ thế, nào là giảng sư Tích Lan, hòa thượng tiên sĩ người Miến

Điện... Sở học sau đó, không biết chàng đã tiến bước đến chân trời nào - hay là không còn chân trời thì cũng vậy - mà chàng lại phất áo ra đi, từ bỏ con đường vi vút chông chênh của duy lý để đắm mình trong khí hậu của chơn ngôn Mật giáo tại Đông Tự (Toji) phía nam Kyoto. Lửa ngàn đời lại âm ỉ thiêu đốt, đẩy chàng từ kinh đô lên núi non vùng tây bắc Akita, ăn rễ trái cây, sống đời khổ hạnh. Từ giả núi khổ hạnh, chàng về Đông Kinh đăng đàn thuyết pháp. Chàng rống tiếng sư tử trước mười ngàn thính chúng cử tọa gồm tăng lữ và môn sinh các tu viện, thiền viện, Phật học viện... Người ta bàng hoàng, bủn rủn, tê dại trước ngôn ngữ sấm chẻ và đôi mắt thu hút ma quái của chàng. Buổi giảng pháp đầu tiên đã vang đến cung đình. Thủ lãnh các tông phái, các pháp sư, luận sư tìm đến, dưới sự chủ tọa của thái tử Khải Nguyên (Koen), chàng lần lượt đánh bại Tịnh Độ tông mà đại biểu là Thân Loan thượng nhân (Shiren Shonin) sau đó là Nhất Biến thượng nhân (Ippen Shonin), một nhà sư lang thang tiếng tăm lừng lẫy không hẳn Chân tông không hẳn Tịnh Độ. Rồi lần lượt những cao sĩ của Phật giáo quý tộc, Thiên Thai, Pháp Tướng, Luật, Tam Luận, Hoa Nghiêm, Thành Thật... đều bị rút dài. Chàng giương cao ngọn cờ hưng khởi của Thiên tông, mà chàng gọi là Thiên tông tịch mặc. Trong lúc thái tử Khải Nguyên muốn dành mọi vinh quang cho vị pháp sư siêu việt thì chàng đã mất tích. Nghe nói Nhật Liên thượng nhân đã mất (1282), và mong chàng là người kế vị giáo chủ. Và bây giờ ....

- Anh hãy nói đi! Vị lão sư quay lưng ngồi lên chiếc ghế đôn bằng đá trắng, nói dịu dàng - không phải là nói cái kinh qua mà nói cái còn lại, cái đọng lại! Ô-chu ngược đầu lên, tròng mắt phản chiếu nước mặt hồ xanh trong lặng lẽ. Y cởi bọc hành lý đặt dưới chân đức thầy già nua rồi lấy ra chiếc áo cũ, chiếc áo chàm nâu đã bạc màu còn nguyên nếp gấp, những tấm vá vụng về đã long những sợi chỉ vàng. Y nhìn thật lâu vào đáy đầy xúc động.

- Bạch thầy ạ, đây là chiếc áo cũ năm xưa, bây giờ còn muốn mặc lại, xin thầy cho phép.

Giọng chàng như lạc hẳn đi.

Đôi mắt lão thiền sư rớm lệ. Có lẽ là những hạt nước mắt đầu tiên và cũng là những hạt nước mắt cuối cùng.

- Con có nói gì nữa không, Ô-chu? Tóc con đã bắt đầu điểm muối sương rồi.

- Dạ!

Im lặng.

- Con không nói gì ư?

- Dạ!

Lại im lặng.

Một con chim vành khuyên mở mỏ đỏ hót một tiếng hót lạnh lót xao động không gian. Một cơn gió nhẹ nhặt mấy cành hoa anh đào ném tung thành vãi



con bướm lượn. Một cánh rơi nằm trên manh áo cũ. Lão thiền sư mỉm cười cúi xuống bắt bỏ lên lòng bàn tay:

- Ba mươi mùa hoa anh đào đã qua đi rồi, thủa còn từ già nơi này. Thời gian qua đi nhưng hoa nở hoa tàn thì vẫn vậy.

Lão thiền sư ngược nhìn trời. Đám mây bay qua đầu cây tuyết tùng giờ lại long lanh màu hổ phách. Ngài chống gậy chậm rãi bước đi. Nhìn theo dáng hạc gầy guộc của thầy, Ô-chu liên tưởng đến một đỉnh núi đá cô liêu. Và chàng là con sông dài cuộn cuộn chảy về khơi. Ai ngờ con sông trở lại.

Trai đường rộng mênh mông, mấy trăm môn sinh ngồi tĩnh tọa giầy lát trước khi vào bữa ăn sáng bằng cháo ngũ cốc. Họ đã tụng Phật hiệu xong - Namo Sak-ya-mu-ni Bud-dha - tiếp theo là lời quán tưởng. Giọng tụng thoát khung cửa lớn ùn ùn tỏa ra chao động cả khoảng không gian còn đọng hơi sương. Lão thiền sư lọc cọc đầu gậy trúc đột ngột đi vào với một trung niên tóc đã điểm hoa râu.

- Các con thân mến! Rồi lão thiền sư vỗ nhẹ lên vai Ô-chu - Hôm nay thầy giới thiệu với các con một môn sinh mới xin nhập viện. Thầy đã cho y thọ trì Tam quy và Bát quan trai giới. Pháp danh là Ô-chu. Các con hãy sống thuận thảo tương ái tương kính lẫn nhau, lấy Lục hòa, Tứ nhiếp làm trọng.

Mấy trăm đôi mắt tò mò, thú vị hoặc lãnh đạm nhìn người đàn ông lớn tuổi, lớn tuổi hơn cả những vị thượng tọa cao hạ ở đây. Nhưng người y sao rùng rú thế? Ở nơi cái thân thể lực điền, mày thô mắt cứng không tìm thấy một nét văn nhược thì học hành cái gì! Cuộc đất thôi! Y lại khoác lên người chiếc áo thô cũ, quá cũ, vá đùm, vá chụp trông chẳng được mắt chút nào.

- Thượng tọa Quán chúng, Thượng tọa Tri luật, Thượng tọa tri sự, Thượng tọa Giáo thọ đâu? Tiếng lão thiền sư yếu, thanh nhưng sắc mạnh.

Cuối trai phòng, bốn vị Thượng tọa đồng đứng dậy, chấp tay ngang ngực.

- Các thầy đã biết bổn phận nhất định của mình là phải làm gì đối với một tân môn sinh.

- Dạ.

Lão thiền sư lẳng lẳng nhìn quanh một vòng rồi từ từ bước ra cửa. Chiếc bóng cao lênh khênh, màu áo khói hương như tan lẫn trong sương, chỉ còn vọng lại đều đặn tiếng gậy trên lối sỏi.

- Lại đây, lại đây, người bạn đạo.

- Lối này, lối này.

- Chiếu này, chỗ này!

- Chỗ anh là chỗ cuối cùng kia, người em út!

- Mới vào chùa mà ra về sư cụ nhỉ?

- Một trăm gánh nước, ha ha, bài học nhập môn hạng bét cơ đấy!

- Quét một ngàn giỏ lá hoa anh đào, ông bạn già. Mòn vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp cái chôi, phải biết!

- “Cù” thế!

Tiếng tiếp tiếng, câu tiếp câu chen lẫn xen lộn ồn ào. Một tiếng bảng mọc vang lên.

- Chư đệ, chư đệ, hãy im lặng.

- Chư đệ, chư đệ, chớ quên mình, chớ phóng dật!

Trai đường im lặng trở lại.

Người ta rất ngạc nhiên về vị môn sinh mới. Suốt ngày y rất ít nói, lặng lẽ như chiếc bóng của mình. Y không tỏ vẻ cố gắng lắm nhưng hoàn tất dễ dàng các công việc được giao phó. Y làm không chậm, không nhanh, đôi khi rất chậm, đôi khi rất nhanh, bao giờ cũng toát ra cái vẻ thanh thoát, nhẹ nhàng, êm ả, dẫu cho cái thân thể to lớn nặng nề. Người ta không thấy y trầm tư, thiền định, không mơ mộng và buồn phiền. Đôi khi y ngâm khe khẽ một vài câu thơ cổ, một vài câu kệ với âm thanh phát ra ư ử trong cổ họng, không ai nghe được. Đặc biệt, cái trầm tĩnh của y đến độ làm cho người ta lạnh mình. Chuyện kể rằng, lão thiền sư cho phép y làm cái cốc rạ phía sau hóc núi, cách chỗ của thiền sư một con suối nhân tạo và một hòn giả sơn. Hôm kia, cốc phát hỏa do một môn sinh nướng khoai sọ ý gây nên. Về đến nơi thì chỉ còn một đồng tro. Vị môn sinh kia áy náy bối rối đến tội nghiệp. Ô-chu mỉm cười mà rằng: “VẬY chớ sau đó thầy có ăn khoai được không, hay là nó đen thui?” Người ta chơi nghịch đốt giải áo của chàng trong lúc chàng nghỉ trưa. Chàng ngồi dậy thì đám lưng đã cháy một mảng. Chàng bị bỏng nặng mà không hề than một tiếng. Chàng đã không biết giận ai mà lại hay cười. Chàng mỉm cười với mọi sự. Mỉm cười với tất cả “lính cũ bắt nạt lính mới”. Mỉm cười với mọi công việc nặng nề, hôi hám mà người ta đùn cho chàng. Ở đâu mà không thế. Chàng rất ít nghỉ ngơi, ai hỏi lý do, chàng nói: “Ngay chính nơi công việc, ta luôn luôn tìm được sự nghỉ ngơi”. Những công việc tay chân và thiên nhiên là sự nghỉ ngơi của chàng, sự nghỉ ngơi thiêng liêng nhất mà không phải tuổi nào cũng thấy được, người nào cũng hiểu được. Do vậy, trong công việc, chàng làm với tất cả lòng đam mê và sự sáng tạo. Trong thiên nhiên, sự hiện hữu của muôn loài, muôn vật, chàng nhìn ngắm với sự mới lạ trong từng giây từng khắc, với trọn tâm hồn của mình.

Sáu tháng sau, Thượng tọa Giáo thọ kêu chàng lên:

- Chú chấp tác mọi công việc đều tốt, rất tốt. Thượng tọa tri sự yêu cầu tôi bắt đầu dạy giáo lý cơ bản cho chú. Nhưng trước khi vào chương trình, tôi phải biết sơ về trình độ, hầu dọn cho chú một chương trình giáo lý riêng biệt thích hợp. Muốn vậy, chú phải trả lời những câu hỏi của tôi. Chú đi tu đã lớn tuổi, chú đến với Phật giáo quá muộn màng. Chú biết đấy. Vậy thì chú biết gì về Phật không? Nghĩa là tôi muốn hỏi, chú đã biết Phật là gì chưa?

“Lão tân môn sinh” lúng túng ra mặt, khẽ nhìn vị “Thượng tọa bác học” rồi lại cúi đầu xuống.

Đọc được tia mắt ấy, Thượng tọa Giáo thọ cố gắng diễn giải:

- Chú chỉ cần nói ra cái ý niệm. Không, chả cần, chữ “ý niệm” rắc rối khó hiểu - Thượng tọa nhăn mày - Hay là thế này vậy, chữ “Phật” gọi cho chú hình ảnh nào; phải, hình ảnh, cái hình ảnh thiêng liêng hoặc gần gũi mà chú đã bắt gặp được trong đời sống của mình. Phải rồi, chú nói đi, Phật là gì nào?

Quả thật, chàng lạ lùng, ngạc nhiên trước câu hỏi này. Phật là gì nhỉ? Ở nơi cái ngôn ngữ tối tăm và u ám của con người, có chỗ nào diễn tả chân xác nhất? Đầu óc Ô-chu làm việc thật nhanh, như chiếc đèn cực sáng quét qua một lượt mấy cánh rừng ngôn ngữ. Qua gần năm cổ ngữ và mười ngoại ngữ khác nhau, chàng không tìm ra từ thích hợp. Những chữ, những chữ hiện tuần tự thứ lớp như cuộn phim tốc quay và chàng chụp bắt với đôi mắt của loài cú. Thế nhưng, Phật là gì? Ô! Phật là gì nhỉ?

Và thế là Ô-chu thiếu não lắc đầu.

- Chú không biết! Thượng tọa Giáo thọ thở dài. Phật mà chú không biết là gì, thì xin lỗi... đi tu vậy là cuồng tín mất thôi. Ôi, tín mà không có trí là hỏng rồi!

Ô-chu cũng thở dài. Biết sao được. Thầy Giáo thọ quả phien chàng là phải lắm. Ôi, rõ ràng là không thể nói Phật là gì. Nói ra là hỏng mất thôi.

- Pháp là gì? Thượng tọa Giáo thọ đưa mắt thương hại hỏi tiếp - dẫu chú không biết Phật là gì, nhưng tôi vẫn hy vọng là chú biết Pháp, biết được cái chân lý mà từ đó, chú đoạn bỏ đời sống cư sĩ áo trắng tục lụy và tối tăm để về với ánh sáng đạo. Pháp là gì? Tôi đã cố gắng tìm kiếm nơi chú một hiểu biết tối thiểu, như gạn cát tìm vàng. Pháp là gì? Bạn thân mến, Pháp là gì nào?

Pháp là gì? Ô-chu chột mím cười. Chàng biết rõ cái đó trong tâm. Chàng đã cùng hít thở, đi đứng với nó. Nhưng biết nói làm sao nhỉ? Ôi, sao ngôn ngữ loài người nó nghèo nàn đến thế?

Trong lúc cố gắng tìm kiếm, cân nhắc, bất chợt chàng thấy một cánh thảo lan thò nụ hoa vàng từ sau gộp đá nâu.

- Kìa, Thượng tọa - Chàng rối rít đưa tay chỉ - Một nụ thảo lan, có phải không? Là một nụ thảo lan! Ôi! Đẹp làm sao!

- Cái gì? Vị Giáo thọ sư quắt mắt - Chú nói cái gì? Chú nói kìa một nụ hoa vàng, một nụ thảo lan, là quái gì? Thượng tọa giáo thọ bốc giận - Đây là ngôn ngữ thiền sư “rôm” chú ạ! Ai cũng có thể nói được một nụ hoa vàng, đẹp lắm, xưa quá rồi. Thôi đi, “nôm” ạ!

Thượng tọa Giáo thọ đứng bật dậy, thu vội sách vở trên bàn.

- Chú hãy trở về trình diện lại với Thượng tọa tri sự, kiếp này chú không tu huệ được đâu, chỉ tu phước thôi. Hãy cố gắng tích lũy công đức trong lao tác, trong đời sống phục vụ Tam Bảo. Công đức kia sẽ hộ trì, dắt díu chú. Con đường này tuy chậm, nhưng chắc chắn và vững vàng, hợp với khả năng của chú. Tôi cầu nguyện Phật lực gia hộ cho chú...

Ra đến cửa rồi, Thượng tọa Giáo thọ quay lại nhìn chàng một hồi lâu:

- Chiếc áo vải thô của chú đã cũ quá rồi. Chú không có cha mẹ, bà con, họ hàng thân thích gì cả sao?

- Dạ không ạ!

- Vậy thì để tôi đề nghị lên Thượng tọa Quản chúng, Đại đức Thủ quỹ may cho chú một vài bộ áo quần cho tiện việc chấp tác. Chiếc áo kia cũ quá rồi đấy!

Ô-chu mỉm cười:

- Thôi Thượng tọa ạ! Chiếc áo này cũ nhưng còn chắc chắn hơn cả bao gai. Nếu biết vá víu cho khéo thì cũng có thể dùng được lâu. Chỉ có cái là bàn tay của đệ tử thô tháo, vụng về thôi.

Thượng tọa Giáo thọ nhìn hai bàn tay chai sạn, u nần, kệch cộm của Ô-chu, cười thành tiếng:

- Phải rồi, chú sinh ra không phải là để học, để ngồi trên những chiếc ghế vàng son lộng lẫy của pháp sư, giảng sư...

Ba hồi chuông trống bát-nhã rộn ràng vang lên đánh thức sự tịch mịch của đêm sương. Đèn đuốc bắt chợt được đốt sáng khắp đó đây.

- Thầy đã tịch rồi!

Tin truyền rất nhanh. Tất cả môn sinh đã tụ về lối nhỏ đứng cung kính, ủ rũ trước cốc của lão thiền sư Đạo Nguyên. Không một tiếng động. Lát sau tiếng niệm Phật hiệu trầm thì rời lan ra, lan ra mãi. Các vị Thượng tọa cao hạ và chức sắc quý thành vòng tròn xung quanh thiền sàng, chấp tay lên ngực, có đôi vị rung rung như cố kìm giữ tiếng nấc.

Lão thiền sư Đạo Nguyên không bệnh, không báo trước mà lặng lẽ ra đi. Ngài ngồi kia, trong thế kiết già phu tọa, khuôn mặt tỏa sáng niềm an lạc, nhưng thần thức giờ đã tiêu diêu ở cõi đầy hào quang và ánh sáng nào.

Phần ngài thế là xong. Nhưng còn người nối hậu? Y pháp chương giáo ngài đã truyền lại cho ai chưa? Đây là câu hỏi lớn vờn trong đầu óc của mọi người.

Không ai tìm ra di chúc, một lời giáo huấn tối hậu nào. Thật là khó xử đây. Thượng tọa Quản chúng một đời hỷ xả, niên trưởng và đạo hạnh. Thượng tọa Tri sự một đời phục vụ, hạ lập cao và vô vản công đức. Thượng tọa Tri luật, niên cao lập lớn, gương mẫu cho chúng, nghiêm minh và thanh tịnh. Thượng tọa Giáo thọ dẫu hạ lập ít hơn chút đỉnh, trẻ tuổi nhưng một đời ít ngủ, ít ăn, chăm lo hàng trăm lớp giảng huấn, hàng chục trình độ khác nhau;

lại nữa, là người suốt thông Tam Tạng, là linh hồn tri thức, kiến thức cho viện.

Sau lễ nhập tháp ba ngày, một buổi họp giới hạn được tổ chức, nơi đây chỉ gồm các Tỷ-kheo chức sắc hoặc từ năm hạ trở lên. Bốn nhóm thân hữu, đệ tử hoặc cảm tình với bốn vị thượng tọa tranh luận cho phe phái của mình. Ai cũng có thể đưa ra những dẫn chứng chính đáng và cụ thể nhất.

Ban đầu thì ngôn ngữ khiêm cung, nhã nhặn, đến lúc chẳng ai chịu thua ai, tranh luận biến thành tranh cãi rồi trở nên sôi nổi, gay gắt, ồn ào. Một vài cánh tay giận dữ đưa lên cao. Một vài đôi mắt đã gườm gườm bốc khói. Những tiếng bâng mịch không ngớt vang lên.

- Chư đệ, chư đệ, im lặng nào!

- Chư đệ, chư đệ, chớ phóng dật, chớ quên mình!

Nhưng vô ích. Ở đây đã có rất nhiều loại ngựa non háu đá, gà tơ mới mọc cựa...

Trong lúc ở thiên đường xảy ra cuộc tranh luận thì ở sau hốc núi có một bóng đen lặng lẽ luôn qua các vòm cây đến ngôi tháp mới. Bóng đen quỳ trước cửa tháp từ canh gà đầu tiên đến lúc sao Mai vừa mọc. Y đứng dậy giữ sương trên áo rồi lão đảo thấp ba nén nhang. Sương mù đầy đục cả trời, gió hiu hiu buốt lạnh. Quay qua lối cũ, đến cổng trúc vàng, bụi thực quỳ, y dừng lại. Ánh trăng hạ tuần nhợt nhạt trong màn sương trắng. Tiếng một con cú rúc lè loi. Y đưa mắt một vòng. Lát sau y quay đẫy ta bà lần theo lối sỏi khuất dưới chân đồi.

Đây là Ô-chu, chàng lặng lẽ từ già thiên viện, nhẹ nhàng, âm thầm và cô liêu hơn cả kẻ từ già cuộc đời. Chàng đến một động đá, trịnh trọng khoác chiếc áo cũ lên người rồi an nhiên kết già tịch diệt, trên môi còn nở nụ cười bất diệt. Qua ánh sáng mờ từ cửa động hắt vào, người ta đọc được từ lưng chiếc áo cũ mấy dòng chữ chân phương, đôn hậu, bút tích không thể làm lẫn của lão thiên sư quá cố:

*“Y Pháp Bất Y Nhân*

*Y Nhân Bất Y Pháp*

*Nhân Pháp Liễu Mật Tâm*

*Mạc Cầu, Phi Thủ Trước”*

Tạm dịch nghĩa:

*Nương theo pháp, chẳng nương theo người*

*Nương theo người, chẳng nương theo Pháp*

*Người, pháp rõ nguồn căn*

*Chẳng cầu chẳng ôm giữ.*

*(Thiên tông đời thứ hai, Kiếm Thương hưng khởi, Đạo Nguyên Tỷ-kheo; phụng truyền đệ tử trưởng đắc pháp đời thứ ba là Ô-chu).*

Thế là Pháp, Nhân đã cùng tịch diệt với nhau trong động đá. Cho nên hiện nay, phái này đã không còn truyền thừa. Chuyện kể rằng một trăm tám mươi năm sau, di tích này vẫn còn. Một thiền sư nghệ sĩ vô danh trong khi sơn thủy hành cước ghé qua đây, biết chuyện của người xưa, xúc cảm làm một bài thơ nét chữ long phượng, dường như còn mãi đời đời nơi vách đá:

*“Thầy là đỉnh núi cô liêu ngàn đời tịch mặc,  
Trò là con sông dài cuộn cuộn bỏ núi ra khơi  
Còn đây áo cũ ngậm ngùi  
Còn đây biển núi nụ cười an nhiên.”*

---o0o---

### **Bức Tranh Cuối Cùng**

Chàng họa sĩ giang hồ trở lại ngôi biệt thự ấy vào đầu mùa xuân. Ngôi biệt thự nằm trên một khu đất hình vuông, diện tích áng chừng hai mẫu Tây, bốn mặt tường dựng đứng cách biệt với thế giới bên ngoài. Chàng còn nhớ rõ như in, mặt tiền ngôi biệt thự ngăn bởi một con đường tráng nhựa rộng rãi, là bãi biển với hàng dừa xanh tấp mọc lên trên bãi cát trắng phau kéo dài đến tận chân núi phía đông nam. Sóng và gió từ biển đông ì âm và vi vút suốt ngày đêm tạo nên một khúc hòa âm triền miên bất tuyệt. Bãi biển là nơi mà chàng thường hay đi dạo, vốc cát qua kẽ hở năm ngón tay, nhìn dấu chân hôm qua của mình đã mất, lượm những vỏ sò, vỏ hến lấp lánh như kim cương, gồi đầu trên cánh tay nằm dài nghe sóng vỗ, chạy đuổi những con còng, bắt rồi thả ra bằng nụ cười hồn nhiên vui sướng. Lớn lên theo ngày tháng, những bước chân chậm rãi tư duy, nhìn vẻ đẹp lồng lộng và chan hòa của đất trời; đôi khi chàng lên tận cả những mỏm đá vắng người, thấy mình cô đơn giữa mọi vật, giữa biển, núi và mây trời; cô đơn hơn cả những mỏm đá chơ vơ, đón gió lộng từ trùng dương, ngược mắt nhìn trăng sao mà sương xuống trên đầu đêm đêm âm thầm hứng lấy những hạt lệ! Đôi khi chàng xúc động thái quá, sững sờ thái quá khi chàng nhận ra được vẻ đẹp cường nộ của biển, nhất là về mùa đông. Vẻ đẹp mang sức sống võ bờ, lạnh lẽo, ướt át, và ào ào của một tuổi trẻ niên tráng, lại như toát ra cả sự bạo tàn và hủy diệt nữa. Về mùa xuân hoặc mùa hạ, biển trầm lặng và dịu dàng hơn, nhưng nó cũng ẩn dấu vẻ đẹp của sự dậy thì, sự thôi thúc hoặc gọi kêu của dục vọng; đồng thời, như là một cái gì mơn trớn, vỗ về, ủi an của tình mẹ!

Năm mười sáu tuổi, trước khung vải đã căng ra không biết bao nhiêu ngày, chàng chợt thấy mình bối rối, bất tài khi muốn ghi nhận lên đây những tư tưởng vừa khởi sinh mà hình ảnh, màu sắc sẽ là phương tiện phô diễn.

Phía nam biệt thự là một Nữ tu viện thuộc dòng Thánh Francois d'Assise. Vì luyến lưu một đôi mắt, bị ám ảnh bởi một đôi mắt mà chàng đã bỏ công không biết bao nhiêu ngày để tìm cho ra ý nghĩa Francois d' Assise! Vốn không biết tiếng Pháp nên chàng đã ghi tên lên một mảnh giấy nhỏ rồi lục lọi lung tung. Sau nhờ một người bạn học ở trường Dòng cho biết, chàng mới hồ thẹn làm sao! Cũng nhờ vậy, nhờ tự ái mà chàng đã tìm hiểu giáo lý của tôn giáo này cùng với cuộc đời của Thánh. Càng biết cuộc đời của Thánh, cuộc đời của một người lên đường với đức tin triệt để, khổ hạnh triệt để, chàng lại càng mê mẩn đôi mắt ấy hơn. Hình như cả suốt thời niên trẻ đôi mắt ấy ám ảnh chàng không rời. Đôi mắt mà chàng thường không biết định nghĩa làm sao, ghi lên khung vải thế nào - vì nó vừa thánh thiện, siêu việt cuộc đời mà cũng vừa cuộc đời quá đời. Khi mùa xuân đến, chàng thấy trong đôi mắt của người nữ tu những chồi non của lá và những nụ nòn của hoa. Mùa hạ đến, chàng thấy hai hàng phượng đỏ rực, tiếng ve kêu, bầu trời trong, xanh, cao cùng sức sống rạt rào của cây cỏ. Mùa thu đến thì chàng thấy cả khung mây bàng bạc, cảnh liễu buông mềm dưới trăng lạnh cùng những vì sao áp lánh giữa thiên hà bao la. Mùa đông đến, chàng thấy cả trăng sao đều ướt át, những cánh chim non run rẩy cùng sự hiu quạnh, tịch mịch của hoàng hôn, của đêm, của trời, của đất... Đôi mắt ấy là cả cuộc đời, là trọn vẹn cuộc đời, là toàn thể vũ trụ đại hóa. Chàng đã say mê, điên đảo. Nhưng cũng đã không biết bao nhiêu lần, chàng chỉ đứng lặng xa để chiêm ngưỡng hoặc vòng tay vừa khiêm tốn, vừa thành kính - như đứa trẻ ngoan đạo với Thánh nữ Maria- khi dáng liễu dịu dàng, trầm mặc và xa vắng ấy đi qua! Khung vải vẫn hoàn là khung vải. Vẻ đẹp ấy quả là vẻ đẹp ngàn đời, không có khuôn khổ và kích thước. Bao giờ cũng vẫn như gần, như xa, vừa trầm luân vừa thánh thiện, trong cuộc đời mà ngoài cuộc đời, hữu hạn mà vô cùng... Chàng định bỏ bút ngay thời kỳ ấy, nhưng chợt nghĩ, biết đâu thiên tài trong chàng chưa đến hồi khai hiện!?

Nhưng quả là chàng đã nghi ngờ thiên tài của mình lắm rồi! Vì chàng cũng đã thân thờ bất lực khi tiếp xúc với thế giới phía tây ngời biệt thự. Đây là cô nhi viện của một hội từ thiện, nuôi và cho ăn học các trẻ con bơ vơ vì chiến tranh loạn lạc. Thế giới ấy cũng đa dạng và phức tạp dường bao! Mỗi đứa là mỗi nét mặt, mỗi dáng đi. Mỗi đứa là mỗi cuộc đời riêng lẻ, riêng lẻ cho đến nỗi, hình như nó không liên hệ với bất cứ cái gì khác. Mà giống nhau thì giống nhau y như hai giọt nước. Rồi thì sự yên tĩnh của những trưa hè, những đêm khuya khoắc, những ngày đông lạnh; sự ồn ào của những lúc ra chơi, tập họp; sự lao xao của những bữa ăn; tiếng nói cười, la hét, nô đùa, chạy nhảy... Thịnh thoảng chàng đã lặng người, đông cứng lại khi thấy vài tia mắt cô đơn, những tiếng khóc thầm rung rúc ở một góc vắng. Những bà phước, bà dì... bác ái và nghiêm nghị, sắc sảo và dịu dàng. Những bà lớn áo

quần lông lầy và sặc sỡ, xe cộ bóng lộn; những tương tá, những giám đốc, những nghị viên, những hội từ thiện! Những món quà cho đi, máy quay phim, máy ảnh chớp lia lịa! Những nụ cười ngây thơ lẫn những nụ cười no đầy thỏa mãn. Những cánh tay vẫy gầy ôm lẫn những cánh tay lấp lánh hột xoàn, nhẫn, kim cương. Một cái gì đó ở trong chàng không có tên gọi, cứ âm ỉ thúc hồi chàng căng khung vải ra... Diễn tả cái màu vàng trong ngọn lá xanh? Cái bóng tối mù mịt trong ánh sáng chói chang? Sự náo nhiệt trẻ trung lẫn sự cô đơn kinh khiếp của tuổi thơ? Ôi! Những điều thuốc nối nhau, những đêm thức trắng, những ngày đi vợ vắn, lang thang chỉ nói lên cái bi đát, cái nghèo nàn và sự thiếu tài của chàng mà thôi! Những ngọn bút, cây cọ và hộp màu vẫn nằm khiêu khích, hí lộng chàng bên giá vẽ, chưa có một bức nào thành hình!

Còn thế giới phía bắc nữa, cái ngôi chùa nằm im im lạnh lùng ít khi chàng thấy thập phương lui tới. Nó tịch mịch cho đến độ mà mỗi lần đi qua đấy, chàng thấy lòng mình lắng xuống thật sâu, như không còn liên hệ gì với văn minh, thị thành, sự đổi thay của thời đại, xã hội; những đợt thủy triều xuống lên của chính trị và kinh tế. Nếu ví von được, thì đấy phải là chỗ “ngàn dặm dưới đáy biển” hoặc là cái động thăm sâu nào đó trong hang núi - chẳng may may dao động dù sóng dữ hay bão to! Hòa thượng trụ trì là một lão trượng quốc thước, gầy và khô như thân hạc, chống cây gậy trúc cũng gầy và khô như cẳng hạc. Chàng chưa thấy hòa thượng cười bao giờ, mặc dầu chàng đã nhiều lần qua đấy chơi với chú Ích và chú Sanh - đệ tử của ngài. Ít khi chàng dám đến gần hòa thượng. Chỉ cái nhìn của hòa thượng thôi là chàng thấy lưng mình ớn lạnh mất ba ngày! Khi hòa thượng chống gậy đứng một mình trước tam quan thì giống như Trương Phi chống cây xà mâu một mình nơi cầu Trường Bản làm vỡ mặt hai mươi vạn quân Tào. Cái loại “ma quỷ” hoặc ngoại đạo như chàng thì thật không dám héo lánh đến, vừa thấy đã chạy dài! Khi hòa thượng chống gậy đứng quay mặt vào chánh điện thì cả thế giới sau lưng ngài đều như lùi xuống thấp hoặc vô nghĩa. Và rõ ràng những cái mà chùa khác cần như điện to Phật lớn, đệ tử và tín đồ đông đúc thì hòa thượng chẳng cần tí nào. Những điều mà các tôn giáo khác thấy cần thiết, quan trọng như giáo hội, tổ chức, cơ sở từ thiện, cơ sở kinh tế, hoàng hóa, phát triển, độ sinh... thì hòa thượng chẳng mảy may để ý đến. Cái mà mọi người quy lụy, cầu cạnh như tiền bạc, giàu sang, danh vọng, địa vị, quyền hành, chức tước... thì hòa thượng chẳng coi ra gì cả. Chính cái đời sống giản dị, trầm lặng, không vồn vã tiếp đón thập phương, không mở cửa mời quan lớn; và ngôi chùa nghèo nàn, hư bên này, sụp bên kia, lẫn các con đường đều phủ dày rêu xanh đã cho chàng thấy biết như vậy. Hai người đệ tử cũng có một đời sống thâm lặng như thầy, kiến thức thật uyên bác, văn thơ hay, viết chữ đẹp - thì không lý gì ngài hòa thượng chỉ là ông thầy tụng nhà quê! Mà theo



chú Sanh cho biết, sở học của thầy họ, đáng bậc thầy của những vị thầy có danh tiếng thời ấy nữa. Cũng chú Sanh kể lại, hòa thượng có hai quyển tự điển dày - đây là đúc kết lại những chữ Hán khó trong vòng năm mươi năm người ta đến hỏi ngài. Hòa thượng lại ít nói, rất ít nói. Có một lần, chỉ một lần duy nhất thôi, khi chàng hỏi chú Ích, tại sao chùa không có tín đồ, quanh năm suốt tháng lạnh tanh như thế này, sao không sửa sang xây dựng lại, không thuyết pháp, giảng kinh, đem đạo Phật “đi vào cuộc đời”? Chú Ích ngần ngừ rồi lăm lét đưa mắt nhìn hòa thượng - khi ấy Ngài đang đọc sách nơi án thư gần đó.

- “Đi ra ngoài kia mà nói chuyện!”

Đây. Đây là câu nói duy nhất mà chàng nghe được trong vòng năm năm lui tới quen biết với chú Ích và chú Sanh! Rõ ràng đó là câu la rầy, nhưng không to quá, không nhỏ quá, trầm mà nghiêm. Cũng có ý nghĩa là, các chuyện đại loại như chàng hỏi, phải đi ra “ngoài kia” tất cả! “Ngoài kia” là ngoài cái cuộc đời ô trọc kia, ngoài cái cõi luận tranh, nghị bàn ồm tỏi; ngoài cái thế giới tham sân, đố lợi mua danh... Kể từ lúc ấy, chàng tránh luôn, tránh hòa thượng và tránh cả ngôi chùa nữa. Một phần ngán cái “đỉnh núi đá lạnh lùng” cô liêu và trầm mặc ấy; một phần sợ rêu xanh trên bờ đá, tường thành, sân và đường sẽ mọc lan hoặc xâm lăng tâm hồn chàng; sợ trầm hương ở đó sẽ tỏa ra, rồi đọng lại làm cho đen kịt cái bầu trời trong xanh của tuổi xuân chàng đi; lại sợ luôn tiếng chuông u minh trầm trầm lặng lặng giữa đêm khuya thanh vắng nữa! Ôi! Tiếng chuông sao mà buồn, mà nã nùng đến thế! Nó u u, vù vù... hù hù mãi, như xoáy sâu vào tâm can phế phủ người ta!

“- Chỉ có quét một lớp sơn màu đen mà thôi vậy!”

Thuở đó chàng thầm nghĩ như thế, khi muốn vẽ lại những ý nghĩ của chàng về ngôi chùa và vị hòa thượng. Rõ ràng là chàng không thăm dò gì được cả, kể cả cái bí mật rêu xanh vây trọn cả ngôi chùa cũng đã khiêu khích, phỉ báng lên “thiên tài chàng”. Tất cả đều lạnh toát, lạnh như băng giá. Có thể vẽ một cục nước đá chăng? Bí mật, lạnh lùng, kỳ dị và khó hiểu quá!

Bao năm rồi? Chàng họa sĩ không còn nhớ rõ nữa. Sau đó, chàng đi giang hồ. Chàng bỏ đi, từ biệt ngôi biệt thự. Từ biệt bờ biển phía đông, từ biệt nữ tu viện và đôi mắt phía nam, phía tây là cô nhi, phía bắc là ngôi chùa và vị hòa thượng. Bỏ đi, ra đi là đón đau và chua xót. Nhưng đồng thời ra đi là tiếng gọi kêu giục giã của định mệnh! Chàng cắn răng vứt những hộp màu và xé toạt khung vải, lòng thầm đợi sự trưởng thành trong mai hậu - nhờ khổ đau, lớn khôn, bụi cát, cô đơn, hy vọng và tuyệt vọng; chàng sẽ trở về chôn cũ, tiếp tục cái khung vải ngày xưa đang để một khoảng trống lớn trong tâm hồn chàng.

Chàng họa sĩ trở lại ngôi biệt thự ấy khi tóc đã có vài sợi bạc. Quả thật, y bây giờ không còn là hình ảnh của gã thư sinh mặt trắng nữa.

Mười lăm năm qua chàng đã sống quá nhiều, dạt trôi đã quá nhiều, hoan lạc và khổ đau quá nhiều, suy tư và sáng tạo cũng đã quá nhiều! Nhưng than ôi! Cái đỉnh cao của nghệ thuật - cái Chí Mỹ - thì vẫn còn ở cuối chân trời mù mịt. Có một cái gì băng lãng, bông bênh, sâu thẳm mà không bao giờ cây cọ của chàng chụp bắt được mặc dầu nó vẫn ở đó, bất cứ đâu trong mọi sinh hoạt, mọi hiện tượng của đất trời: trong một ngọn cỏ, một ánh nắng hoặc một giọt sương mai! Nhưng dẫu sao, cái nhìn của chàng bây giờ đã có kích thước chiều rộng và chiều sâu hơn. Hơn thế nữa, lại có cái gì như “thấu thị”, nhìn xuyên qua hiện tượng, vẽ ra được cái gì ẩn giấu sau bề mặt. Niềm tin rằng mình sẽ là thiên tài không hề lung lay trong chàng. Phải biết nuôi dưỡng và hoài thai thêm nữa, với số tuổi bây giờ chỉ mới nửa đoạn đường. Chàng biết là chàng đã bước qua mấy cấp độ trên đường nghệ thuật để vươn lên cái chí mỹ, nhờ chàng không ngừng đọc sách, lên đường, suy tư và tìm kiếm. Cái thở bình minh của tâm thức trẻ thơ, người ta chỉ biết ghi nhận hiện tượng bằng những màu sắc nguyên thủy. Khá hơn, người ta chụp bắt ngoại giới trong sự biến dịch đổi thay, tạp đả và muôn sắc. Khá hơn thế nữa, người ta chọc thủng hiện tượng, bức phá hữu hạn bằng cái nhìn đầy sắc bén, góc cạnh của kiến thức và trí năng. Cao hơn thế nhiều, người ta vượt bỏ kiến thức và trí năng hữu hạn để nhảy vào chiều sâu uyên áo của tâm năng và trực giác. Cái tâm năng và trực giác này, chàng “mường tượng” đã bắt gặp ở Thiên tông hoặc những danh họa đượm màu sắc và tính chất Lão Trang. Nhưng than ôi! Mấy chục bức họa “thiên cổ” của chàng đã thất bại vô cùng đốn đau trong lần triển lãm cuối cùng. Con người, đầu óc chúng, còn lông lá nguyên thủy, ngây thơ hoặc duy lý làm sao. Họ không thể hiểu được, cảm nhận được, sao trong đôi mắt thiếu phụ lại có bầu trời mùa thu? Họ không thể hiểu được, tri nhận được, tại sao lá vàng lại nằm trên cây và lá xanh lại rụng dưới đất? Họ đã đưa tay chỉ trỏ và cười cợt khi biển ở trên cao và núi nằm dưới thấp. Cái đó, trời ơi! Nó mới thâm viển và kỳ diệu làm sao! Cuộc đời đầy! Sự thật điên đảo đầy! Sự mâu thuẫn, diệt sinh, tương xung, tương nghịch của vũ trụ thế giới hiện tượng đó mà! Xã hội, lịch sử và tư tưởng nữa! Ấn tượng và lập thể là cái gì! Tượng trưng và siêu thực là cái gì! Đối với chàng, chúng chỉ là những “mode” thời trang đã phé thải hoặc được cất giữ ở bảo tàng viện! Chính những cái thuộc tư tưởng và tâm linh như của chàng mới là những sáng tạo đời đời. Ha ha ha... “thời đại và kỷ nguyên nằm sau lưng ta như chiếc ga và con tàu ở cuối chân trời xa...”

Nuôi dưỡng, hoài thai và sáng tạo nữa. Chàng trầm nghĩ. Thiên tài phải biết chấp nhận khổ đau, vượt qua sỉ nhục, coi thường dư luận, mỉm cười trước thất bại, đắng cay cùng đói rách. Cái tuổi thơ xa xăm kia chàng đã không

thực hiện được, một quăng đời giang hồ chưa thành tựu được thì lứa tuổi phong sương này phải thực hiện cho bằng được!

Ông cậu của chàng, một luật sư lão niên, kiến thức uyên bác, hiểu biết và độ lượng; sau khi trao tất cả giấy tờ sổ sách, chìa khóa phòng ốc ở ngôi biệt thự, đã nói với chàng như sau:

- Cái ngôi biệt thự ấy, người quá cố đã “trao truyền tâm ấn” cho anh - người nghệ sĩ thiên tài! Về đó mà nuôi dưỡng những danh họa thuộc bậc thầy của thế kỷ! Về đó mà hoài thai sức lửa lớn để chuẩn bị cho cuộc cháy bùng trên đỉnh cao sáng tạo.

Khi nói, cậu chàng đã nhích nhích hàm râu muối tiêu cùng nụ cười nửa miệng. Chàng ón bộ râu và nụ cười ấy quá - cũng có thể chàng ón bởi cuộc đời đạo đức, cần mẫn, khiêm nhu và trong sạch của ông nữa. Chàng trả lời nhũn nhặn như con “chi chi”.

- Thôi mà cậu. “Đốt” cháu chi, tội nghiệp! Lúc này, cháu đâu còn bốc đồng, ồn ào như xưa nữa. Cháu già rồi. Tóc bạc rồi. Đã biết im lặng rồi. Ngay như hội họa - nó còn khó nói hơn là tư tưởng - mà cháu cũng đã bắt đầu trở về trong chiều hướng “Kumorai” của Zen đó cậu!

Lão luật sư nhìn chàng bằng nửa con mắt rồi quay lưng đi:

- Tôi sợ anh Kumorai ở nơi mấy phòng trà thì được! Kumorai theo cái kiểu ăn hót đầu láo với những tay giang hồ hiệp sĩ, với các ngài thiền sư bụi đời, các ngài đạo sĩ chán non xanh, các ngài đại trí thức ở chợ búa, thì được; chứ Kumorai với một đời sống tịch mịch, không rượu, không bóng hồng, không quán, không đường phố, không cao lâu thì...

Nói đến ngang đó, cậu chàng nhún vai rồi đi thẳng. Chàng nói với theo:

- Thôi cậu! Đừng chửi cháu nữa. Để coi, rồi cháu sẽ tu tỉnh, tư duy và sáng tạo cho cậu coi.

Để coi. Để coi. Nhưng chàng họa sĩ trở lại ngôi biệt thự chưa được ba ngày đã vội vã ra đi! Ông cậu của chàng có lẽ đoán trước được điều ấy nên đã điện thoại gọi chàng khi chàng về đô thị vừa được một tuần.

Ông tiếp chàng trong căn phòng nhỏ, mỗi bề chừng bốn năm thước, bài trí thanh lịch và u nhã. Sàn gỗ trái tám nệm màu nước biển; giữa phòng duy nhất một án thư, một bình hoa, một bộ trà độc ẩm và hai cái chung. Tường gỗ màu nâu nhạt sáng sủa, treo mấy bức tranh Thiền tông. Một bức, hình ngài Huệ Năng dẫn tre, tranh của Lương Khải, nét bút sắc, mạnh và linh động. Góc tường phía đông là hai bức tranh của Keishoki, một họa sĩ lớn của Nhật bản thế kỷ XIV hoặc XV; một bức người ta gọi là “Thiền sư và tục khách”, bức thứ hai ghi lại giai thoại một nhà thơ đời Đường làm thái thú đến vấn đạo Điều Sào thiền sư.

Cả ba bức này, chàng họa sĩ đã từng nghiên cứu qua. Chàng không học được gì ở đó vì chẳng có gì đặc sắc, ngoại trừ ý nghĩa của nó. Điều ngạc nhiên là

ông cậu của chàng lại hấp thụ sâu xa cái thẩm mỹ Thiền tông đến thế. Một ông cậu mà chàng chỉ biết “kính nhi viễn chi” bởi đời sống quy củ, mực thước; một người cha khả kính trong gia đình; một luật sư lão thành uy tín, cần mẫn, đầy đủ lương năng xã hội - chàng không ngờ cũng có riêng một thế giới thâm lặng u nhã và thanh thoát đến như vậy.

- Con ạ! Hôm nay cậu cháu mình sẽ nói chuyện, tâm tình trong căn phòng mà hai mươi năm nay chỉ tiếp một người: Hòa thượng Không Như. Và bây giờ là con vậy.

Cái vẻ thân tình, dịu dàng và trang trọng của ông cậu làm chàng bối rối không ít. Hòa thượng Không Như - chàng đã biết rõ, chính là vị hòa thượng tịch tịch, cô liêu, thâm sâu, băng giá, uy nghiêm trong kỷ niệm chàng. Và như vậy, bằng vào tính chất đặc biệt ấy, thì câu chuyện hôm nay không phải tầm thường; nó mang một trọng lượng ghê gớm nào đó mà chàng phải chất lên đôi vai, trí não; hoặc trái lại, phải vứt bỏ tất cả mọi trọng lượng về kiến thức, tư duy; tức trăn trợn vẹn mọi sở đắc của bản ngã mới dám ngồi nơi đây, đối diện với bức tường nhàn thoát trong căn phòng u nhã thanh tịnh này.

Bây giờ thì chàng mới để ý là ông cậu chàng đã thay đổi y phục thường ngày để khoác lên người một chiếc choàng rộng màu vàng khói. Và do đó, mọi nét thể tục trên người cậu hầu như đã biến mất. Trong khung cảnh này, không khí này - rõ ràng là chàng thấy mình đang đối diện với một thiền sư lỗi lạc - và tất cả kiến thức, tư tưởng, triết lý, thẩm mỹ học của chàng, sợ rằng sẽ trở nên vô duyên như thanh kiếm rỉ nằm chơ vơ dưới thạch bàn của vị thiền sư trong bức tranh kia.

Chung trà thơm ngon đầu tiên cho chàng cái khí vị yên tĩnh và đầm ấm.

- Bây giờ thì con hãy nói đi. Tư duy lẫn sáng tạo, quan niệm về thẩm mỹ học - hay cái gì đại loại như vậy - đại loại như đời sống riêng tư trầm lặng, cá biệt tính, ý hướng tính; và nhất là sự phóng sâu nhãn quan vào vạn giới cũng như tâm nội... Ở đây, ở đây - mà cậu nghĩ là con sung túc lắm, tràn trề và viên mãn nữa! Nó có thể ngộp chết một người hay xô đẩy y vào con điên thâm lặng. Cuộc đời đã dạy cho con nhiều, phong sương hình như không còn dám bám lên mái tóc tư duy của con nữa! Con trở về trong bầu trời sương khói, mờ ảo mà lay Phật, cậu đã nhìn thấy được. Con bỏ biệt thự về đây, không hẳn là sự bỏ cuộc cuối cùng - mà gọi là sự bỏ cuộc cuối cùng cũng đúng nữa, có phải vậy không? Cậu hy vọng xem một họa phẩm cuối cùng của con thôi - ngay chính trong căn phòng này - là đúc kết trọn vẹn một cuộc đời lên đường, tư duy và sáng tạo của con. Bây giờ thì con nói đi!

Qua hai tuần trà rồi mà chàng họa sĩ còn trầm ngâm. Ông cậu của chàng cũng không nóng nảy, khuôn mặt khoan hòa, mát mẻ. Trong thời gian ấy, biết bao nhiêu hình ảnh, tư duy ồ ạt đến với chàng - như một con thác đổ -

mà dòng sông tâm thức chàng không đủ sức chứa. Đầu tiên, chàng trình bày tóm tắt nhưng đầy đủ những quan niệm, hiểu biết cùng tư duy của một tuổi trẻ xa xăm. Dự định chụp bắt cái bề sâu của hiện tượng, nét đẹp của tất cả những cái gì nghịch lý trong thiên nhiên; hoặc là sự hàm chứa tư tưởng mà hiện tượng muốn nói lên theo chủ quan của người nhìn ngắm. Chàng cũng không quên diễn tả đầy đủ cái vẻ đẹp sống động của biển, vẻ đẹp lãng mạn vô bờ của nó; đôi mắt của người nữ tu, cô nhi viện lẫn ngôi chùa phía bắc. Bao năm tháng qua đi, những bức tranh triển lãm sau này chỉ làm cho hệ thống lại, hoặc tiếp nối cái tư duy ngày trước. Chàng đã thất bại như thế nào, con người đã không thể lãnh hội được cái thông điệp mà chàng muốn trao gửi cho thế gian như thế nào. Quả là chàng vẫn còn sức lửa ở bên trong, nên đã làm cháy bùng được đôi mắt lặng lẽ người lãng của ông cậu: một ánh lửa lóe lên ở đó.

Chàng lại im lặng. Ông cậu cũng im lặng.

- Mọi sự đều đổi thay, thưa cậu. Chàng nói tiếp - Mọi sự đều khác đi khi cháu trở về. Chàng có vẻ trầm tư - Bãi biển thơ mộng trước mặt ngôi biệt thự, bây giờ người ta dựng lên đầy những nhà cửa và quán xá dày san sát. Cháu tưởng tượng là biển không còn chỗ để thở nữa. Con người đã thật sự xâm lấn thiên nhiên. Sóng và gió cũng chợt hiu quạnh và thê lương quá đỗi. Nữ tu viện ngày xưa, con đường mùa thu rợp lá me bay, cháu cũng không còn tìm thấy nữa, bây giờ là trụ điện, bảng quảng cáo cùng các bảng hiệu giao thông. Còn đôi mắt của người nữ tu... đôi mắt...

- Đôi mắt? Không, con cứ nói. Đôi mắt, tình yêu, nó đẹp lắm chứ. Đây là cái thẩm mỹ học ngàn đời. Ngay cả nhục thể mà một quan niệm Zen Nhật Bản cũng nói là có thể dựng dậy một tình yêu thanh cao nếu được hướng dẫn đúng đắn. Con yêu một đôi mắt thì có sao đâu. Cứ nói.

- Đôi mắt của người nữ tu ngày xưa cháu đã từng say mê điên đảo - thưa cậu, nàng vẫn còn đấy - nhưng hình như không còn ẩn giấu ngấp ngừng dưới làn mi cong nữa. Bây giờ thì đôi mắt ấy mở sáng quá, mở lớn quá, lại như là nhìn thẳng xuyên thấu hoặc thách thức người đối diện. Mùa xuân và lá hoa không còn tìm thấy. Những đám mây mùa thu bàng bạc trong bầu trời xanh lơ, vẫn không tìm thấy. Hồi xưa, cháu chiêm ngưỡng nàng mà phải đứng đằng xa, vòng tay hoặc cúi đầu thẳm lặng; bây giờ nàng tiếp cháu trong phòng khách - căn phòng rộng và cao, vôi tường trắng toát, quạt máy quay vù vù. Cháu nhắm mắt để tưởng tượng lại căn phòng thấp ở đây, ngọn đèn dầu lù mù những đêm cháu đi chơi về muộn; qua tàng cây phủ thấp, dáng nàng đứng lặng lẽ dịu dàng của một cảnh liễu mơ màng đứng buông rũ dưới trăng - mà phải trắng không sáng quá. (Giá mà có thêm một bờ hồ có gió hiu hiu thổi, vắng vắng xa đưa tiết điệu trúc ti?).

Cậu ơi! Cháu nghệ sĩ và lãng mạn quá không? Không. Nghệ sĩ thì có nhưng không lãng mạn chút nào. Vì đây là thẩm mỹ ngàn đời như cậu đã từng nói. Cháu mơ mộng quá chăng? Không. Vì đó chính là thẩm mỹ ngàn đời - thẩm mỹ quan này là phần thưởng tôn vinh cho những ai đã đạt được cái huyền đồng với chí mỹ! Nhưng cháu chưa nói điều đó ra ở đây, điều cháu muốn nói là, ánh sáng điện, sự nghèo nàn của tâm hồn, sự nguy nga của vật thể đã đuổi mất thiên đường tuổi thơ của cháu. Thiên đường tuổi thơ đã hãi sợ quá đất, bèn chấp cánh bay cao!

Đôi mắt của người họa sĩ lại thần thờ, xa vắng.

Cái cô nhi viện phía tây thì ít kỷ niệm, có băng khuâng nhưng chưa thật sự gọi kêu trong cháu một tình-cảm-động nào cả, chỉ là tình-cảm-tĩnh mà thôi. Bây giờ thì người ta đã làm kho chứa phân!

Ông cậu gật đầu:

- Phải rồi! Đây là sự bức xúc của một thời!

Người họa sĩ mỉm cười ý nhị rồi tiếp:

- Ngôi chùa phía bắc thì hòa thượng Không Như đã tịch rồi. Người kế vị là một thượng tọa tốt tướng, to lớn, đầy đà, nước da hồng hào, thiện nam tín nữ và đệ tử đông đúc. Chùa được kiến thiết và sửa sang thật lộng lẫy.

- Điều đó ta biết.

Trong giọng nói của ông cậu hình như có tiếng thở dài.

- Nhưng cậu cũng cho cháu nói hết, nhất là kỷ niệm và ý nghĩ của cháu về nó chứ! Người họa sĩ nhấp thêm một ngụm nước trà như lấy hơi - Hồi xưa cậu ạ! Cháu ngán hòa thượng xiết bao, nhưng sau này cháu kính mộ làm sao cái vóc hạc cô đơn ấy. Nó mang một vẻ đẹp kỳ lạ. Vẻ đẹp của một cội thông già, của từng bách ngàn năm, của đá núi dựng đứng rêu phủ - nghĩa là của tất cả những gì như trải qua những lịch nghiệm trong đời, phong sương và tuế nguyệt, cái bất động trầm mặc, lạnh lùng thản nhiên trong lúc sự sống, cuộc đời đang run rẩy đổi thay, huyền ảo ở xung quanh.

Bất chợt chàng họa sĩ ngâm lên nho nhỏ:

Bốn mùa ví thử xuân đi cả

Góc núi ai hay gốc lão tùng.

Ôi! Một cội tùng già, một gốc mai già, một cảnh hạc gầy guộc ngàn năm.

Đẹp biết mấy!

Chàng họa sĩ yên lặng một chốc.

- Hồi xưa cháu không dám ở đó lâu, vì thấy tất cả sân, đường đi lát gạch, bờ tường, cổng tam quan - đâu đâu cũng dày bịt những rêu. Cháu sợ ở đây rồi tâm hồn mình cũng bị đóng rêu luôn cậu ạ. Nhưng mấy ai tâm hồn được mọc rêu cậu nhỉ? Những đám rêu vô danh, lặng lẽ, xanh, khiêm nhường, tịch mịch, yên nghỉ? Hồi xưa, cháu ngán tiếng chuông u minh thì giờ đây, cháu thèm nó xiết bao! Cũng là ngôi chùa ấy nhưng tiếng chuông bây giờ sao có

vẻ dồn dập, vội vã; tiếng kêu không còn lặng, không còn trầm mà như muốn gọi kêu sự hiện hữu, muốn vỗ ngực, nhón gót lên cho mọi người đều thấy mình, biết mình. Đây, đây là điều mà cháu gọi là sự “huy hoàng của thời mặt pháp”. Ô! Không! Nên nói là bị “vật thể hóa” thì đúng hơn - dùng theo thuật ngữ của Heidegger! Nhưng nhờ “vật thể hóa” nên nó bề thế, lộng lẫy, chói chang và sặc sỡ... Cậu ơi! Cái ấy nó đã bị báng lên tâm hồn cháu biết bao nhiêu! Cháu cũng thầm thương cho mình rồi chảy vài giọt lệ. Chú Ích, chú Sanh, những tâm hồn thi nhân cỡ lớn của cháu đã không còn ở đây nữa. Các chú sợ bị vật thể xâm lăng nên đã chạy trốn lên núi cao; một gùi, một gậy, một túi thơ với trời mây, chim muông và cây cỏ...

Người họa sĩ im lặng ngang đây, đôi mắt vẫn lơ nhìn lên bức tranh “thiên su và tục khách”, lại nói tiếp:

- Cây kiếm của tục khách đành bỏ lại - chàng chỉ lên bức tranh - thì cây cọ của cháu cũng đành bỏ lại, chẳng vẽ được gì, không vẽ được gì; trước cũng như sau, khi cháu ở, đi hoặc trở về lại ngôi biệt thự ấy. Sự sống, cuộc đời bao la quá. Vẻ đẹp cũng bao la và thiên hình vạn trạng quá.

Ông cậu vẫn ngồi im, không xen lẫn một lời nào, sự tư duy của người họa sĩ không được liên tục.

- Đây là chuyện ngoài ngôi biệt thự. Còn trong ngôi biệt thự thì cháu thấy gì? Cậu ơi! Khi bước chân vào cánh cửa sắt hoen rỉ, cháu thầm ngạc nhiên tại sao ký ức nơi cháu về “bên trong” ngôi biệt thự lại ít ỏi và nghèo nàn đến thế! Phải chăng tuổi trẻ là cái “sống ngoài”, như một thời thơ ấu của cháu? Trong ngôi biệt thự nơi cháu sống, ăn, ở, học hành với các anh chị, với dì và dượng, với cả người làm vườn già nua nữa; nơi cháu thở, nơi mà cháu trưởng thành từng giọt máu, từng tế bào; để rồi, đến nỗi những điều mà cháu sắp nói ra đây, mọi tư liệu đều do người làm vườn già nua kỳ lạ ấy cung cấp tất cả...

- Người làm vườn ấy ư? Ô! Ta biết rõ y lắm. Y cũng là một nghệ sĩ giang hồ. Cuộc đời y thật kỳ lạ. Y đã từng là tay đại ca “đứng bên”, khí phách, hảo hán. Lại còn một khoảng thời gian là tu sĩ; cũng là một nhà văn chuyên viết phóng sự và chuyện đường rừng... Sau này, phước duyên đâu đó lại được gặp hòa thượng Không Như!

- Phải rồi! Có thể chứ! Người họa sĩ vỗ tay lên đùi mình - Thưa cậu, hồi xưa cháu chỉ biết mang máng; và cháu không để ý gì đến lão lắm. Sau này, khi trở về, cháu mới chợt nhận ra đây là một hòn núi Thái Sơn. Cũng kỳ lạ xiết bao, những hòn núi Thái Sơn đều ở ngay nơi cái chỗ mình bỏ để ra đi, không thấy!

Khi nói, chàng liên tưởng đến hòa thượng Không Như, lão làm vườn già nua và cả ông cậu của chàng nữa. Chàng chợt thấy mình nhỏ bé lại, khiêm nhường hơn tí nữa.

- Cậu ơi! Chàng tiếp sau một hồi trầm tư - Ngôi biệt thự đã thay đổi ngoài sức tưởng tượng của cháu. Khoảng vườn phía trước vẫn còn râm mát, vẫn còn dày bịt những tàn cây, con đường lát sỏi trắng từ ngoài cổng vào thì rõ ràng từ lâu không có người lui tới hoặc kẻ quét dọn chăm sóc. Lá vàng, lá mục chất đầy xen lẫn cút chim, cút chuột, trái cây vụn bần, nhựa nhầy do dơi đã ăn thừa vung vãi ra. Sao hoang vắng và tịch liêu quá cậu ạ. Lòng cháu chợt đọng lại một cách đột ngột, có lẽ do trạng thái quá đầy của thị thành, rồi bây giờ rơi hẳn vào không gian tịch mịch này chăng? Cháu chưa phân tích vội, nhưng quả thật, ở đâu cũng toát ra cái mùi vị điêu tàn. Những gốc cây hình như cũng sần sùi và hiện ra những hình thù ma quỷ quái đản. Những cành cây thì khẳng khiu hoặc chơ vơ như những cánh tay tuyệt vọng của ai muôn đời khôn vói tới trời cao! Sự nhộn nhịp của đô thị cho cháu cái vắng vát say khướt đến mệt mỏi và bệnh hoạn; nhưng cũng hàm tàng sinh lực, là cuộc đời, là sự sống trẻ trung; thì ở đây là sự cô liêu của nghĩa địa; một cái gì đã hoàn toàn buông tay, đã chấm dứt hơi thở. Nghĩa là sự già lụn và tử vong!

Cậu ơi! Cháu mang ấn tượng rờn rợn, ngầy ngậy trên da thịt - không biết là tại sao - khi đi thăm mọi tàn tích, kỷ niệm. Cháu mong sẽ tìm ra được một vẻ đẹp nào đó ở nơi đây. Vẻ đẹp của sự điêu tàn chẳng hạn. Nhưng cháu chỉ gặp sự cô liêu. “Vẻ đẹp của cô liêu” ư? Đây là điều bất khả. Đây là sản phẩm của những tư tưởng tiêu cực, những tâm hồn bệnh hoạn, những đầu óc đầy đặc đen tối và vàng úa! Cậu cho cháu được nói thế. Phải rồi, cháu chỉ bắt gặp sự cô liêu; mà chết nổi, cháu không nắm bắt được, hoàn toàn không nắm bắt được sự cô liêu ấy nó ở đâu. Mà hình như ở đâu cũng có nó cả. Có thể ở nơi cái bề thế khang trang và vĩ đại của ngôi biệt thự trong ký ức của cháu chăng? Cũng có thể ở nơi mái nhà ngói đỏ vươn lên, và lẻ loi quá giữa bầu trời xanh thẳm của mùa xuân miền biển? Cũng có thể ở nơi hai dãy nhà ngang gồm phòng đọc sách, phòng khách, thư viện, nhà để xe, phòng chung hoa... bây giờ đã đóng cửa im ỉm với những mặt kiếng rạn nứt hoặc lò mờ bám đầy bụi. Cũng có thể ở nơi cái sân thể thao nhỏ trần xi-măng mà bây giờ rêu và cỏ mọc dày chi chít, chen lẫn những cành hoa dại vươn lên - vươn lên với màu sắc tươi thắm nhưng yếu đuối và mảnh mai quá. Cũng có thể ở nơi mấy chiếc ghế đá nằm lẩn lóc cạnh hồ tắm mà lâu quá không có hơi người hoặc mưa nắng đã làm cho phai nhạt lớp men ngoài?

Cậu ơi! Cháu nhìn ngắm tận tường đủ mọi thứ - và thú thật, thẩm mỹ quan trong cháu đã bắt đầu chuyển hướng. Một cái gì gượng gạo và không thật bấy lâu, bây giờ vỡ bùng ra - để lộ nguyên trạng cái sơ thủy, cái bỗn lai của cảnh vật, của thực tại. Cháu sẽ diễn tả điều này rõ ràng hơn. Ví dụ như cháu thấy cái hồ tắm xinh xắn thờ xưa, bây giờ đã khô cạn, cây cỏ mọc um tùm; phía dưới một vũng nước dành cho ếch ương, cóc nhái bơi lội bì bõm bên



đám lục bình cao ngều nghện, nổi lên bênh xen lẫn bao ni-lông, giấy vụn và rác rưởi... Đối với cháu, đó là toàn thể cuộc đời, là thực tại toàn bộ, nguyên thủy chưa hề có bàn tay khối óc hoặc tình cảm con người tham dự. Ý cháu muốn nói gì? Quan niệm thẩm mỹ nhân bản vốn từ chối thực tại nguyên thủy trên; nó không cho phép người ta tùy ý trét tô lên cảnh vật những màu sắc hoặc những hình thù quái dị, những đường nét thừa thãi đứng xen nhau trong toàn thể. Vậy thì sự cô liêu, điều tàn của khung cảnh này có mang sắc thái thẩm mỹ nhân bản không? Không. Chắc chắn rằng không. Nó phi nhân bản. Phi nhân bản cũng đồng nghĩa với thực tại toàn bộ, vô luân và tuyệt đối!

Ông cậu chợt góp một câu:

- Tư tưởng của cháu thật là quái gở! Nó kỳ dị chứ không phải là tối nghĩa.

Chàng họa sĩ cười nhẹ:

- Thế là cậu đã nắm bắt được ý cháu. Ô, kỳ dị lắm! Cho cháu tiếp... Thực tại toàn bộ ấy, như vậy nó đồng nghĩa với cô liêu. Mà cô liêu thì nó làm héo lòng người chứ không đem lại một sức mạnh, một trạng thái êm đềm hoặc một lạc phúc nào cả. Có thể người ta sẽ học được một bài học nào đó, nhưng chắc hẳn chỉ để dành cho thiểu số người, kẻ có sẵn trình độ lớn. Cháu muốn đi xa hơn chút nữa. Thực tại vốn đẹp hay xấu? Điều đó khó nói quá. Tách rời từng sự vật ra thì sự vật vẫn chỉ là sự vật; hình tướng, tính chất có từ, có sẵn ở nơi nó chứ không phải ở nơi người nhìn ngắm. Thực tại toàn bộ cũng vậy, nó không có giá trị và ý nghĩa gì. Nó ở ngoài thẩm mỹ quan nhân bản của chúng ta. Nó như vậy. Ngàn đời nó như vậy. Một con thằn lằn yên lặng lờ đờ nhìn muỗi mòng ruồi nhặng mà không buồn há miệng ra - nó đẹp hay xấu? Khó nói. Người mang tâm thức như tờ giấy trắng, khi nhìn nó, thì nó chỉ là nó thôi. Nhưng người mang đầy đặc kỷ niệm, ký ức, quá khứ, tư duy, ý tưởng, tình cảm, quan niệm... thì y sẽ nhìn ra cái khác, cái khác này có ở nơi y! Dùng theo thuật ngữ Phật giáo thì nó chính là mẹ sinh ra phiền não; là “tư hoặc, kiến hoặc” vậy. Cậu có đồng ý thế chẳng?

Thanh niên họa sĩ cười cười trong ánh mắt nhìn lão luật sư. Ông cậu chàng gật đầu nhẹ, im lặng. Chàng họa sĩ nói tiếp một hơi, hình như ngại tư tưởng ấy nó loãng đi.

- Tiếng một con nhái quẫy mạnh từ cái chậu nuôi cá, nhảy hẫng lên rồi bám chặt nơi cành phong lan chỉ còn trơ những cọng vàng - kêu gọi chàng nghệ sĩ hay người tư tưởng nhìn ngắm, tư duy, liên tưởng, mơ mộng hoặc suy chiếu với quá khứ, với hiện tại hoặc tương lai - đẻ rồi phát sinh ra... phát sinh ra... cái trần gian ảo vọng... cái tam giới duy tâm... Ôi! Con nhái là con nhái thôi. Chẳng có gì cả. Chẳng có ý nghĩa, giá trị gì cả. Và đây là “thực tại y như là thực tại”, thưa cậu.

Lão luật sư có vẻ chăm chú lắng nghe những điều này lắm. Chàng họa sĩ giang hồ chột nói lớn, giọng như vỡ ra, bùng lên:

- Hãy đốt đi thẩm mỹ học; thẩm mỹ nhân bản và cả phi nhân bản; tương đối và tuyệt đối! Cái gì thế? Căn nhà thì nói là căn nhà, có thẩm mỹ gì đâu? Sự sống vận hành đâu cần một tiêu chuẩn thẩm mỹ nào? Thẩm mỹ học là nơi phân biệt ý nghĩa, giá trị, tiêu chuẩn chủ quan hay phổ quát. Cậu ơi! Nó là nguyên động lực tạo thêm sự nghịch năng, đau khổ và hỗn loạn cho cuộc đời; xung đột bên ngoài, xung đột bên trong, đánh mất sự quân bình hài hòa tâm nội. Cậu có đồng ý với cháu điếm này không?

Ông cậu lặng lẽ rung đùi nói:

- Khi cậu và con ngồi đây, mùa xuân đang đến, đang ở và đang đi; nó “không đẹp hơn” cũng “không xấu hơn”. Bên ngoài cửa sổ, những cành mai đong đưa theo gió; cái thì nở, cái thì búp, cái thì rụng. Cái cánh to, cánh nhỏ, cánh dài, cánh ngắn. Thấy đều tự nhiên.

- Đấy! Đấy là điều mà cháu muốn nói. Trời ơi! Suốt cuộc đời tìm kiếm, sờ dĩ không bao giờ cháu với tới được thực tại; sờ dĩ cây cọ của cháu bắt lực là vì cháu không bao giờ vẽ “thực tại” mà cháu chỉ vẽ tâm niệm, tư và tưởng của chính cháu thôi.

Lại im lặng. Ông cậu cất tiếng:

- Có một triết gia nào đó nói là “giải thoát tri kiến”; có một triết gia nào đó nói là “sự đảo hoán tận căn mọi kiến tướng”! Nói đúng cả, nhưng đó đâu phải là cái để sống? Đấy mới chỉ là cái để nhận thức! Hai điều này cũng dường như khác nhau lắm chứ? Con nghĩ thế nào? Vì cuối cùng vẫn có cái đẹp và cái xấu chớ? Vẫn có thẩm mỹ quan nhân bản và phi nhân bản chớ? Nghĩa là, vẫn có cái thiện và cái ác đó mà!

Ông cậu nhìn chàng họa sĩ, mỉm cười lặng lẽ, rồi đứng dậy bước ra trước hiên, cắt một cành mai đem vào. Người họa sĩ vùng trán nhăn lại. Có lẽ điều này vượt ngoài hiểu biết của chàng chăng?

- Con là họa sĩ, nhà thẩm mỹ! Con cầm nhánh mai này thế nào?

Ông cậu trao cho chàng một cành đầy lá, năm bảy hoa nở và rất nhiều hoa búp.

- Phải tỉa bớt lá xen lẫn giữa hoa. Lá nó nhiều quá. Quá nhiều màu xanh mà ít màu vàng; sợ rằng cái “chính” nó thành cái “phụ” chăng?

Người họa sĩ nhìn rồi nói ngay, có lẽ là theo thói quen cân đối thẩm mỹ. Ông cậu vẫn lặng lẽ mỉm cười để cho người họa sĩ tự do cắt tỉa.

Khi đã cầm xong, lão luật sư gật gù:

- Đẹp lắm, thẩm mỹ lắm! Ông ngừng giây lâu - A! té ra con phá bỏ thẩm mỹ quan nhân bản mà con vẫn còn bị phạm trù và quy định của nó ư? Lẽ đâu có thế! Lẽ đâu có thế!

Người họa sĩ há hốc, đứng trân.

- Vẫn có cái đẹp và cái xấu chứ con? Ông cậu ôn tồn nói - Cái đẹp chung chung giữa cậu và con đó mà!

Người họa sĩ tần ngần tắc lưỡi:

- Cậu để cho cháu “thong thả” về điểm này!

Lão luật sư để chàng ngồi đó trong thế giới tư duy trầm mặc, khi trở lại thì thấy chàng đang sẫm soi ngắm bức tranh nhà thơ đời đường và Điều Sào thiên sư. Ông cậu hỏi:

- Con còn nhớ quan Thái thú hỏi Đạo thiên sư Điều Sào câu hỏi gì không, nơi bức tranh ấy?

- Dạ có. Chàng đáp - Ông ta hỏi Điều Sào: “Đại ý Phật Pháp là gì?” Điều Sào đáp: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo.” Quan Thái thú nói: “Điều ấy thì trẻ nít lên ba cũng biết.” Điều Sào đáp: “Trẻ nít lên ba cũng thuộc nhưng ông lão tám mươi làm không được.”

- Con thấy gì? Ông cậu hát đầu hỏi.

- Chấp nhận tương đối, hữu hạn nhân quả chăng?

Ông cậu lặng lẽ ngồi xuống. Im lặng một lúc nữa, thấy ông định nói, nhưng không nói nữa; có lẽ ông ngần ngại một điều gì. Ông nhìn người họa sĩ rồi đưa mắt qua bức tranh “Lục Tổ dẫn tre”.

- Thôi! Cuối cùng mọi việc sẽ đâu vào đấy cả. Chân lý luôn luôn diễn bày trước mắt. Ta hy vọng con không chóng thì chầy cũng thấy được, cũng uống được ngụm nước đầu nguồn. Trong, sạch, không biết - nhưng nó đầu nguồn. Bây giờ thì con hãy kể tiếp đi. Mọi nhân mọi duyên đều cần thiết cho con cả. Chàng họa sĩ trở lại án thư, ngồi theo thế bán già:

- Dạ phải - và chàng nói - Trước khi tiếp tục vào chuyện, cho cháu được nói sơ qua về lão làm vườn, mà có lẽ cậu còn biết lão hơn cháu nữa. Lão cũng đóng một vai trò nào đó trong cái tâm thức vỡ òa của cháu.

Thưa cậu, lão dẫn cháu đi thăm các nơi, dọn phòng cho cháu ở, nấu cơm cho cháu ăn. Nhưng bao giờ cháu cũng có cảm tưởng rằng, lão nhìn cháu bằng cái nhìn của “bê trên”! Cái nhìn này là cái nhìn đầy kiến thức, phong trần, sắc bén, dày dặn, trầm lặng - mà cũng bao dung, hiền từ và độ lượng nữa. Xin lỗi cậu, cháu phải mất khá nhiều tính từ mới khả dĩ dựng đứng lão nơi đây để cùng cậu và cháu nói chuyện tay ba. Ô! Vui biết mấy!

Ông cậu cảm thấy người họa sĩ giang hồ trước mặt vẫn có cái giọng ngây thơ độ nào. Ô! Cái ngây thơ cũng không mất đi mà! Ông thâm nghĩ.

- Cậu ạ - sau một tiếng cười, người họa sĩ tiếp - Nếu không thế thì làm sao diễn tả được con người muôn mặt của lão ta? Cậu xem, vết xăm chó sói nơi ngực lão là chứng tích một thời làm đại ca; vết dao lớn nơi vai là chứng tích một thời đâm chém, hảo hán giang hồ; rồi ba chấm nhang trên đầu lão là dư huệ một khoảng đời làm tu sĩ. Có một cái gì tương phản giữa mấy chứng

tích bất khả đồng hiện hữu này. Lão còn là nhà văn, nhà thơ nữa chứ. Quả là trong lão có cả thiên thần lẫn ác quỷ; nai tơ và chó sói! Cậu có tin không? Con nai tơ nằm sau lưng lão đấy! Khi cháu thoáng thấy, muốn phanh áo xem thì lão hét: “Đừng tò mò, công tử! Nhìn nhau thì nên nhìn bằng đôi mắt chó sói thôi!” Cậu nói trọng lượng quá chứ cậu. Lại gọi cháu bằng “công tử” nữa chứ. Lão ta đã “sỉ nhục” cháu đến thế là cùng. Hóa ra hơn mười lăm năm giang hồ của cháu chẳng có nghĩa lý gì đối với lão cả. Khi ấy cháu có nuốt nước bọt sâu trong cổ rồi hỏi dịu dàng: “Thế con nai tơ có ý nghĩa gì?” Ông lão mỉm cười hiền lành: “Cậu ăn cơm kéo đói”. Cứ làm như là lão thiền sư không bằng. “Đại ý Tổ sư tây lai là gì?”. “Con ăn cháo chưa?”. “Đạ rồi”. “Thế thì hãy rửa chén đi!” Đấy, đấy! Nó thời thượng quá chứ! Nhưng mà không, tại cháu xiêng xẹo, chứ ý của lão là thế này: đừng đóng vai trò nai tơ ngoan hiền với cuộc đời mà sau lưng lại dấu cái mõm chó sói. Thà rằng bên ngoài dữ tợn như chó sói mà tấm lòng bên trong lại dịu dàng như con nai tơ! Cậu ơi! Cái lão già làm vườn kia mà cũng dạy cho “thiên tài” này nhiều bài học quá sá. Nhưng “vỏ quýt dày có móng tay nhọn”, Tôn Ngộ Không thần thông mẫn biến mà cũng không nhảy qua được bàn tay của Phật tổ Như Lai. Cái lão đại giang hồ ấy chẳng biết nhân duyên nào mà lại chịu khuất phục bởi hòa thượng Không Như! Chuyện ấy cậu biết rõ, cậu kể cho cháu nghe.

- Rồi hẳn hay. Con kể tiếp đi.

- Dạ. Bây giờ cháu đi vào chuyện căn phòng. Chính tại nơi căn phòng này mà những hồi ức của cháu về đời sống của gia đình dượng và dì - lẫn giọng kể hài hước hoặc thâm trầm ý vị của lão làm vườn - nó kích động sâu xa đến tâm não cháu, len tận cả vào chiều sâu vô thức của cháu nữa. Ôi! Biết nói làm sao... là những hoàn cảnh, những... những con người... những cuộc đời... Rõ ràng mọi thẩm mỹ quan của cháu đều tuyệt vọng, ngơ ngác, bối rối trước cái vô biên của “định mệnh” đã trải ra để vây chụp hoàn vũ, mọi thể phận, tánh phận của con người! Cậu cho phép cháu dùng chữ “định mệnh” như hàm chỉ cái gì “tất yếu” nhé?

Người họa sĩ cười ý nhị. Lão luật sư cũng cười.

- Khéo bày vẽ. Con nói chuyện với ta mà tưởng như nói chuyện với một tu sĩ Phật giáo “chính thống” không bằng. Đâu có, đâu có tương tranh, nghịch lý nào giữa định mệnh thuyết của Không Nho với lý nghiệp báo nhân quả tất định của Phật Mâu-ni. Dùng chữ “định mệnh” để hàm chỉ cái gì ràng buộc con người trong hữu hạn; cái nghiệp quả mà y phải gánh nặng trên vai thì đúng lắm chứ. Ta đồng ý với con như vậy.

- Định mệnh buộc chặt thì tự do vùng vẫy. Tự do vùng vẫy không ra ngoài định mệnh; vì định mệnh quá sâu dày, hay nghiệp báo quá sâu dày, vô minh quá sâu dày thì cũng giống nhau phải không thưa cậu? Và như vậy thì tự do phải tìm đường thoát. Không thoát ra ngoài bầu trời cao rộng như cánh chim

thì ngồi trong lòng mà “tưởng tượng” rằng: “Cái lòng là bầu trời”. Lối thoát này có cái thanh, có cái trược; có cái thiện, có cái ác; có cái động, có cái tĩnh; có cái đạo đức, có cái phi đạo đức; có cái hận thù và có cái từ bi... vân vân và... vân vân...

Người họa sĩ nhìn lão luật sư mà cười trong đôi mắt, nói chậm rãi, rõ ràng:

- Ông Phật cũng là cái ông vũng vầy không ra khỏi định mệnh nên tìm lối thoát đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn đó thôi!

Ông cậu cười sáng khoái:

- A! ta đâu phải là “cục kê” cho Phật giáo mà con gác chân gác tay nặng thế? Được, không sao! Lý luận và tư duy vốn tự do, “tự do trong định mệnh” - ông cậu lặp lại câu đó rồi cười hề hề - mà con bảo ngài đại từ đại bi thì ngài đâu có thêm chấp nhất chi trẻ nít!

Người họa sĩ cười dịu dàng:

- Thỉnh thoảng cháu cũng tung thử vài chiêu để coi nội lực của cậu có thâm hậu không, đã “lô hỏa thuần thanh” chưa, hay cậu chỉ là em của Cừ Thiên Nhận giả tung “thiết sa chương” để lóa mắt cao thủ giang hồ là cháu đây!

Chàng vỗ ngực, cười ha hả rồi nhấp thêm vài chung nước trà.

- Cậu ơi - Giọng chàng trầm xuống - Rõ ràng là mỗi người vũng vầy mỗi cách. Có kẻ thì vũng vầy hào sảng trên đỉnh cao ngàn trượng, cất tiếng cười lạnh giá cả trăng sao! Có kẻ vũng vầy khí phách liệt oanh như chú ngựa Hồ tung vó ngoài quan ải! Trái lại, cũng có kẻ vũng vũng trong đồng bùn tanh hôi hạ liệt chỉ dành cho đòi bọ, muỗi mòng! Nếu nói rộng thêm nữa, có người vũng vầy cười sảng sặc trong máu me và thịt xương đồng loại. Có người vũng vầy với ngựa xe áo mào, no nê với giấc mộng công, hầu, khanh tướng. Có người vũng vầy lê lét kiếm ăn nơi quán chợ góc đình. Có người vũng vầy trong thư phòng khói động, ngọn đèn leo lét, hoặc truyện hoặc thơ hoặc kinh hoặc sử. Có người vũng vầy trong chén rượu, cuộc cờ qua ngày qua tháng. Có người vũng vầy giữa động vắng non cao, với chim muông, dã thú, trăng sao và hoa cỏ. Có người vũng vầy với thúng mủng lật lùng mua ba chém bảy... Mỗi... mỗi... đều vũng vầy để kiếm tìm hạnh phúc hoặc tự do trong cõi phù sinh bọt bèo bầy. Vậy là cậu ơi, sự vũng vầy ấy nói lên cái gì? Nói lên sự bất lực trước tuyệt đối, vô biên? Chối từ tuyệt đối, vô biên? Hay kiếm tìm tuyệt đối, vô biên? Bất khả! Mà cũng có thể cả hai, cả ba? Mà cũng không hẳn cả hai, cả ba? Khó nói!

Người họa sĩ dừng lại, nhìn cậu.

- Ngôn ngữ cháu sử dụng có hiện sinh quá không? Thời thượng quá không? Hoặc là, có mờ mịt không hả cậu?

- Dễ hiểu lắm! Con cứ nói. Ta uống từng giọt. Và người cũng vẳng vát khướt say như nhấp một ly rượu mạnh.

Người họa sĩ chợt vỗ tay cười:

- Hay quá! Ít khi mà cháu có được cuộc nói chuyện sảng khoái như thế này. Nói có người nghe, đã khó. Nghe mà “hiểu” lại càng khó hơn. Hiểu mà “thông” lại càng khó hơn nữa. Thông mà “biến” mà “cử” thì lại càng hy hữu! Nhất là cháu lại là tên lãng tử phiêu bạt kỳ hồ, ma vương ác quỷ - còn cậu là bậc quân tử chính hiệu Không Nho! Quả thật, cháu là trưởng lão Ma giáo Khúc Dương, còn cậu là Lưu Chính Phong bạch đạo! Ha... ha... Hai ta hãy gảy một khúc “Tiểu ngạo giang hồ” cậu nhé!

Người họa sĩ để cho tiếng cười của mình lắng dịu đi, rồi tiếp với giọng chậm rãi, xa vắng hơn.

- Sở dĩ mà cháu nói gà nói vịt, mang tính chất hí lộng như thế là để làm cho nhẹ bớt cái trọng lượng đang đè nặng trong cháu khi nhắc đến câu chuyện gia đình dựng và dì! Cậu ạ! Dựng và dì cháu cũng vùng vẫy. Dựng cháu vùng vẫy trên chính trường. Dì cháu thì vùng vẫy trên thương trường. Vùng vẫy được hay không được, cuối cùng đều bi thảm cả. Chắc cậu cũng biết rõ câu chuyện, nhưng cứ để cháu nói, bằng vào cái nhìn của cháu.

Dựng cháu thì vùng vẫy để rồi thành công trong cơn điên thảm lạng. Căn phòng cháu ở hôm ấy chính là căn phòng mà dựng cháu sống “vinh quang” trong những ngày cuối cùng của cuộc đời. Cái gì cũng gọi lên hình ảnh của con người bất đắc chí đó cả. Ông lão làm vườn chắc chắn là nhân chứng nên lão kể với đầy đủ chi tiết, bóng bẩy có, văn hoa có, khôi hài, sâu sắc và ý nhị có... Bây giờ cháu kể lại cho cậu nghe.

Đến đây thì chàng họa sĩ trầm ngâm.

Thời gian qua đi chừng nửa khắc, y cất giọng đều đều.

- Cậu ạ! Ông quả là một nhà chính khách lỗi lạc và ái quốc chính hiệu. Sau khi “trở về”, ông cho sửa sang lại tất cả phòng ốc. Có nơi để làm việc, nơi tiếp sứ thần ngoại giao, nơi diễn thuyết, nơi nghỉ ngơi. Buổi sáng ông điễm tâm bằng một ly rượu mạnh, nhắc điện thoại gọi qua bộ quốc phòng hỏi về chương trình “nguyên tử” và ngân sách dự bị chiến tranh; nhắc điện thoại gọi qua bộ xã hội hỏi số ngoại trợ cho thương binh và cô nhi... Sau đó, ông đóng veston xám, thắt caravate, mũ dạ, tay xách cặp, tay chống gậy nạm vàng bước qua diễn thuyết ở hội trường quốc gia. Ông lên bục cao nói lưu loát bằng tiếng Anh, trước khi ngã mũ ra, đầu cúi thấp chào thánh giả, thái độ như một “gentleman” chính cống. Ông nhã nhặn xin lỗi cử tọa là đến trễ mấy phút vì mãi bận kiểm tra và phân phối các công tác hành chánh. Nụ cười lịch sự nở ra sau bộ râu cá trê muối tiêu. Ông nhường nhường cặp mắt rồi xoa xoa hai tay vào nhau như cái điều “rất tiếc, rất tiếc”, như cái điều lỗi lầm mà không ai có thể tránh được; và vì nhờ quý ngài đều là những người “trí thức” và “độ lượng” cả. Ông cố ý kéo dài chữ “và” - như thế “trí thức” và “độ lượng” vốn là hai cái gì khác nhau! Và thế là bắt đầu cuộc diễn thuyết tràng giang đại hải, nói về sự tranh chấp thế giới, các thế lực chính trị đang

khuyh loát toàn cầu; sự bế tắc kinh tế của các nước nhược tiểu, do nhân mãn, ngu dốt và kiêu căng; sự tranh đấu về quyền tự quyết của các nước Á - Phi; những “hiệp hội” quốc tế đang hình thành không cứu vãn nổi thế cờ chính trị đang đi về các tay chủ nghĩa đế quốc trực lợi... Và thế là... và do đó... chỉ có giá trị “nhân chủ” là tối thắng, ưu việt, (sở dĩ ông nói giá trị “nhân chủ” là tối thắng, ưu việt, có lẽ do một tiến trình suy tư lâu dài - mà bởi quý ngài đều là bậc trí thức nên điều đó quý ngài cứ suy luận là khắc hiểu, tôi không dám làm mất thì giờ của quý ngài - có lẽ ông nghĩ thế chẳng?) Thế rồi, ông nói tiếp - và quả không nằm trong một mạch lạc nào cả - một quốc gia chỉ đứng vững và đứng mạnh khi quốc gia ấy biết tự chủ, tự lực và tự cường - ông đưa tay làm dấu cái kiềng ba chân, mỗi chân là một chữ “tự” - trong mỗi tương quan ngoại giao “phải lẽ” không vong thân mà cũng không cô lập kiêu ngạo để tự diệt. Đường lối này - hai tay ông nắm chặt vào nhau như rõ ràng là “nó ở đây rồi”, “tôi nắm chặt ở đây rồi”, rồi nhấn mạnh từng chữ từng câu - chúng tôi xin tuyên bố với quốc dân khả kính. Và chúng tôi dám xác tín rằng, nó được hình thành do một khối óc siêu việt, khôn ngoan và thông minh nhất loài người. “Đường lối ấy”... “Đường lối ấy”... Đại khái là bao giờ ông cũng diễn thuyết những điều tương tự, nhưng quy mô hơn, rộng lớn hơn, văn hoa và suôn sẻ hơn. Nhưng khi đến chỗ cuối cùng, “Đường lối ấy... Đường lối ấy...” là đường như ông bắt đầu sùi bọt mép, hai tay rã rời sau cái nắm chặt, thân thể chúm tới phía trước rồi gục xuống mê man. Người cháu gái của ông, hoặc tôi (lời của ông lão làm vườn) đã theo thói quen là cứ để ông nói gì đó thì nói, nhưng đoán chừng thời giờ rồi vánh tai nghe... Và cứ mười lần như chục, đến ba chữ “đường lối ấy... đường lối ấy” từ to đến nhỏ dần, là chuẩn bị vào phòng là vừa. Vào phòng thì đúng lúc tiếng “đường lối ấy” còn mấp máy trên môi ông trước khi “bất tỉnh nhân sự” không còn biết gì nữa. Thế là cứ việc vục ông vào phòng, nhúng một chiếc khăn lạnh đắp lên trán. Chiếc phòng này - ông lão làm vườn đưa tay chỉ - nhưng thõ trước còn tấm nệm và bọc tấm drap xanh kia. Nhưng như vậy đã hết đâu, vì ông là một nhà ái quốc, đâu có thì giờ rảnh rỗi, chí trong giấc ngủ mà ông vẫn còn làm việc thay! Thế là vừa tỉnh dậy, theo thói quen nghề nghiệp siêng năng và cần mẫn, ông đưa tay lên đầu nhắc điện thoại. Thật ra, do cái điệu bộ mà ta đoán thế chứ bà dì đã cho cất mọi thứ ấy rồi. Ông nhắc điện thoại rồi hỏi han lung tung mọi vấn đề có vẻ chuyên nghiệp và chuyên biệt ở các bộ. Thỉnh thoảng ông cũng phùng mang trợn mắt lên, có lẽ là do một vài ông lớn nào đó tắc trách trong nhiệm vụ chẳng? Phùng mang trợn mắt hoặc là la hét to tiếng... ông giận dữ thật là ghê gớm. Xong công việc đó, ông sửa sang lại y phục, đến tấm kiềng lớn nơi tủ quần áo - tủ áo quần vẫn còn khi chàng họa sĩ đến đây - tém tém lại bộ râu, quay lưng lại sửa nếp nhăn sau áo, mang nón gậy... rồi chững chạc và bệ vệ

bước qua phòng tiếp các sứ thần ngoại giao... (mà có lẽ người ta chờ đợi tiếp kiến đã lâu lắm!)

Đây là phòng khách tương đối lớn có hai bộ salon nhưng màu đỏ thẫm, một ít tạp chí ngoại quốc, vài bức tranh sơn dầu của một họa sĩ vô danh, hai bình hoa - thường là cắm đầy hoa ni lông. Thịnh thoảng, đưa cháu gái theo lệnh bà dì đem thay vào đây ít hoa cúc Nhật màu vàng nhụy đen (ôi, cái màu vàng nhụy đen. Phải chăng sự bất hạnh thường đã do “thiên nhiên” hoặc “ngẫu nhiên” báo triêu?) Ông không làm tổng thống, thủ tướng được suốt cả một đời bên ba quốc nội lẫn quốc ngoại; vào tù ra khám vì bị nghi ngờ là thuộc nhóm chính trị đối lập, phản động - thì cũng làm tổng thống và thủ tướng được, ít ra là trong biệt thự này, trong căn phòng này - trong “con diên thời đại” của ông. Tất cả mọi người đã quá quen thuộc chương trình hoặc giờ giấc bất thường của nhà “đại chính khách” nên cũng không lấy đó làm điều, đôi khi có vẻ vui mừng là khác nữa! Ông không hề phá phách hoặc đụng chạm đến việc của ai. Thịnh thoảng - thỉnh thoảng thôi - khi nghe tiếng cười giỡn thái quá của cháu con, ông lảng tai nghe rồi chống gậy bước ra, nghiêm nét mặt lại nói: “Một người có “văn hóa” không bao giờ bước chân đi nặng nề, dậm thành thịch, nói to tiếng dẫu là trong phòng một mình - huống chi các người lại nô giỡn như võ chợ thê? Các người không sợ bị mất thể diện của một quốc gia “bốn ngàn năm văn hiến” sao? Ít ra đây cũng là chỗ tai mắt, là nơi mà các sứ thần ngoại giao hay lui tới. Ở đây là đại diện, là tiêu biểu cho văn hóa, văn minh của một nước mà!” Nói thế xong là ông bị xúc động - hình như thế thì phải - nên ông lấy khăn tay lên “xìt” mũi. Có lẽ là con cháu ông đã thiếu văn hóa nên ông cảm thấy mình bị xúc phạm chẳng? Một lần, cũng là một lần duy nhất thôi, tôi - lời ông lão làm vườn - phá một ít cây vô dụng đã cỗi để thay thế vào đây một ít cây ăn trái. Ông dừng lại, trong một cuộc đi dạo bất thường, gọi tôi đến rồi ôn tồn bảo: “Đã đành là quốc gia mình nghèo, nhưng đừng cho tụi ngoại quốc nó thấy cái nghèo của mình. Cái cây nó cỗi, nó vô dụng; nhưng cái hay của nó, cái dụng của nó là ở nơi cái “cỗi”, cái “vô dụng” ấy. Chưa nói đến vẻ đẹp già cỗi của những gốc cổ thụ này mà mình chỉ chứng tỏ là đất đai mình còn rộng rãi và phì nhiêu! Đừng cho kinh tế xâm lấn vào đất đai của các cơ quan văn hóa. Văn hóa là nên làm chuyện “hóa văn” mà thôi. Nghe rõ không?” Dĩ nhiên là tôi nghe rõ chứ, quá rõ chứ, phải không thưa công tử? Lời ông lão - Lợi, Mỹ; Mỹ, Lợi - hai cái đó đừng cho chúng xâm lấn nhau, mỗi cái một sứ mạng. Quả là ông già diên mà có văn hóa hơn cả những nhà đại diện hoặc nhân danh văn hóa!

Người họa sĩ ngưng nói, nhấp nhấp miệng liên hồi. Hình như có cái gì bên trong chàng đang “khát” quá chẳng? Một lúc, y lần tay cởi hạt nút áo trên cổ, kéo lỏng caravate một tí. Rõ ràng là y không những “khát” mà còn “nóng”



nữa! Y lắc cổ một hồi, chống hai tay lên bàn rồi nói tiếp - trong lúc lão luật sư vẫn trong tư thế kiết già bất động, mắt lim dim như đang “cúi nhìn vào trong cái vịnh cửu nào đó” của ông!

- Cậu ạ! Cháu sẽ cố gắng diễn tả mọi thứ, kể cả những chi tiết hầu như thừa thãi và vô nghĩa nữa. Té ra, cậu ơi! Cái thừa thãi và vô nghĩa nó tác động cháu không cùng. Trong một bức tranh - dĩ nhiên thuở trước cháu làm sao hiểu nổi - cái làm nên bức tranh không phải là màu sắc, cũng không phải là hình ảnh, mà chính là khoảng trống. Nhờ khoảng trống, bức tranh nó mới có “đời sống” - đang sống trong không gian bao la và thời gian vô tận. Đây là cái đặc thù của các họa phái tâm linh Đông phương, những bức tranh thủy mặc và một số loại tranh thiền. Rồi trong cái khoảng trống đó, chỉ một nét chấm thôi là bức tranh đã hoàn thành tam tài: thiên, địa, nhân; nghĩa là hình thành càn khôn và nhật nguyệt!

“Cần khôn tận thị mao đầu thượng

Nhật nguyệt bao hàm giới tử trung.”

Chàng họa sĩ ngâm lên khe khẽ rồi nói - “trên đầu sợi lông là không gian; trong hạt cải là thời gian thì...”

Chàng họa sĩ ngưng nói một lúc.

- Thì... cái “một” cũng ở trong cái “nhiều” mà cái “nhiều” cũng ở trong cái “một” ... Cậu ạ - chàng họa sĩ chợt đứng dậy đi tới đi lui trong phòng - trở lại vấn đề có mạch lạc một chút. Cháu hình như suốt đời là chạy đuổi cái to lớn, những cái có kích thước và tầm vóc vũ trụ. Muốn đem cả vũ trụ vô hạn nhét vào trong khung vải hữu hạn của mình. Đây là việc làm của trẻ thơ, nói nặng hơn là của người ngu không thấy được cái hữu hạn của mình. Cậu ơi! Một cành lau phát phơ giữa khoảng trống mêng mông đã là vô hạn rồi. Một nét chấm, một nét phẩy mừng tượng hình dáng con chim, hay không cần cả hình dáng con chim là đã vô hạn rồi. Con chim ư? Ô! Nếu quả đây là con chim, thì là một con chim cô đơn, không quê nhà, không tổ ấm, bay mà không biết bay về đâu, hình như bay từ vô thi đến vô chung! Bay mà bất động giữa khoảng trống bao la, có thể là giữa trăng, giữa hư vô, giữa mây, giữa mù sương hoặc giữa đồng không mông quạnh. Đây là định mệnh? Là thân phận? Là tự do? Ý nghĩa ư? Cậu ơi, làm sao nói hết! Một hạt cát nằm trên bãi cát thôi - giữa vô lượng hằng sa hạt cát - cũng đã nói lên vô lượng nghĩa rồi! Mà con thì, ơi trời, muốn tìm hết ý nghĩa của tất cả mọi hiện hữu! Cậu nghĩ thử coi, có điên rồ không chứ? Con điên rồ hơn dương con hay dương con điên rồ hơn con? Suy ra, việc làm của lý trí, lý luận, kiến thức, khoa học... trên trần gian này? Ý nghĩa! Ý nghĩa!... Thôi! Trời ơi!...

Nói ngang đây, chợt dừng người họa sĩ bật khóc. Y quỳ xuống và cháp tay lạy. Y cứ cúi đầu và lạy lia lịa, vừa lạy vừa khóc nức nở. Những hạt nước

mắt đằm đìa trên mặt mũi rơi xuống tấm thảm xanh. Lão luật sư vẫn ngồi im lặng.

Khóc một hồi, chàng họa sĩ chợt ngừng phất đầu dậy, đi về phía các bức tranh, la lớn:

- Phải rồi! Nhất định là phải rồi! Cái vô hạn, cái vĩnh cửu là ở đây và bây giờ. Cái chí mỹ, cái đẹp tuyệt vời ở chính ngay nơi đời sống tầm thường này: gánh nước, bữa củi, đẵn tre. “Huệ Năng! Ngươi làm gì vậy?” “Ta đẵn tre”. Có Đạo gì, ở đâu? Mà tại sao không phải là Đạo? Ở đâu? Tại sao? Ý nghĩa gì? “Cục phân!”

Y thở hào hển, trán rướm đầy mồ hôi.

- Bạch Lạc Thiên! - Chàng chỉ tay vào bức tranh có quan thái thú là Bạch Lạc Thiên, nhà thơ đời Đường với người hầu đứng dưới đất, còn Điều Sào thiên sư ngồi chênh vênh trên cây, rồi hét lên - Chính cái chỗ của ngươi mới nguy hiểm, chỗ thủy hỏa tương giao, chỗ thức tri không ngừng chạy nhảy, nô rượt tìm bắt hữu hạn, vô hạn, đạo và phi đạo... Chính cái đó... là... là nhà Phật gọi là cái gì hờ cậu?

Chàng quay lại, nét mặt đã dịu hơn. Ông cậu bây giờ mới mở mắt ra:

- Không cần biết, con ạ! Không cần biết nó là cái gì. “Cục phân”!

- Ha ha... Chàng họa sĩ cười to - cháu đã điên mà té ra cậu cũng điên luôn. Điên nói chuyện với điên mới hy hữu chứ!

Nói xong, y chỉ vào bình hoa:

- Cái gì đây?

Rồi tự trả lời:

- Ha ha... cục phân!

- Sai rồi. Là cái bình hoa!

Lão luật sư “chỉnh ngay”, rồi đưa tay chỉ vào đầu người họa sĩ:

- Nếu cưỡng danh mà gọi thì “cục phân” ở trong đó, trong cái đầu của con, là nơi thức tri không ngớt nô rượt, chạy nhảy kiếm tìm vô hạn, hữu hạn, đạo và phi đạo... Còn ngoài này, bình hoa thì cứ nói là bình hoa. “Huệ Năng! Ngài làm gì vậy?” “Ta đẵn tre!”. “Chú tiểu đi đâu đó?”. “Con đi chợ”. “Con ăn cơm chưa?”. “Dạ rồi”. “Rửa chén đi!”

Người họa sĩ lặng người.

- Cảm ơn cậu. Cháu hiểu. Cháu hiểu. Cháu hiểu.

Lại im lặng nữa.

Người họa sĩ vẫn thấy có một cái gì không ổn ở trong lòng, cứ thay đổi thế ngồi luôn. Chàng đưa tay gõ một con ruồi trên bàn.

- Cậu ơi! Có điều người ta cứ bảo là dưỡng cháu điên. Điên sao được con người trí thức chân chánh ấy. Điên sao được, một người không bao giờ nói giỡn với ai, nói chuyện hàng xóm, nói chuyện chợ búa, nói chuyện đào hát,

xi-nê... Có phải vì ông ấy “tĩnh” quá, tĩnh quá và trong sạch quá giữa cuộc đời bùn nhơ ô trọc này nên ông mang tâm sự của Khuất Nguyên:

“Thế nhân giai trọc, ngã độc thanh!

Chúng nhân giai túy, ngã độc tỉnh!”

Bèn trầm mình dưới sông Mịch La?

Ông thao thức về hạnh phúc và tự do cho con người đến nỗi ông bỏ quên hoàn toàn con người ông, đẩy cái tự ngã của mình mất tăm vào đại ngã, đẩy cái ý thức với những giao tiếp thường nhiệm lùi sâu vào vô thức, để chỉ hoàn toàn còn lại “con người nhân loại” của ông thôi. Phải chăng, vì vậy mà “con người nhân loại” ấy có thể giúp ông đứng dậy bất cứ lúc nào, ngay giữa đêm khuya, gọi điện thoại qua cục an ninh cho xe lên phi trường để ông đáp máy bay đi thăm các anh em chiến sĩ ở tiền phương; hoặc lên sân thượng đi dạo mát rồi “thù thì thủ thi” với trời đất trăng sao - về những tranh chấp vô ích, vô bổ và ngu dại của con người. Thôi thì nhờ Thượng đế hãy ban cho ông sức mạnh tinh thần để ông hiên ngang lên đường và chiến thắng... Ông thường cầu nguyện như thế đó. Nhưng người ta thường nói là “trời cao có mắt” chứ không ai nói “trời cao có tai”! Vì Thượng đế không có tai nên không nghe được ông nói những gì. Và cũng vì “tai vách mạch rừng” nên những điều ông tuyên bố trong phòng kín mà cả thầy “quốc dân” đều biết cả: “Tôi đã tự ý tuyên bố rút lui khỏi chính trường - giọng nói ông xúc động thái quá - kính thưa quốc dân khả kính và đồng bào mến yêu! Tôi đã không làm gì được cho nhân loại và tổ quốc này, khói lửa vẫn còn đó và đau thương vẫn còn kia... Đau thương do đói khát, bệnh tật, dốt nát và ly tán...” Cậu ơi! Chính cái giây phút đó, cái giây phút thương tâm cùng độ ấy, ông từ già cõi đời. Ông xúc động thái quá vì tiếng hoan hô hoặc lời tán dương nồng nhiệt của quốc dân đồng bào chẳng? “Tôi đã là kẻ đánh mất niềm tin của quốc dân và đồng bào; nhưng tôi không mất danh dự, không mất khối óc và trái tim, không hề bị sỉ nhục... mà nếu nói được, thì tôi chỉ là kẻ bệnh-hoạn-thời-cuộc hoặc bất-lực-thời-cuộc mà thôi. Xin vĩnh biệt tổ quốc và đồng bào mến yêu!” Và câu nói ấy, thế là đã đi vào lịch sử; câu nói cuối cùng và vĩnh viễn của một nhà đại chính khách bất đắc chí! Khối óc và trái tim ấy không mất nhưng nó đã khô máu...

Chàng họa sĩ thở dài não ruột. Y đưa mắt nhìn bất động lên cao.

- Điều ấy chứng tỏ gì? Chứng tỏ sự bất lực trước định mệnh, trước cái đại toàn!

Người họa sĩ lại im sững, vừng trán dường như giãn ra. Lão luật sư bây giờ mới từ từ chế thêm một bình trà mới, trao cho người họa sĩ ly trà đầu tiên.

- Đủ chưa con?

Chàng họa sĩ nhấp từng ngụm nhỏ nóng ấm, hương trà thơm tỏa dịu dàng. Trong giọng nói hầu như không còn hăm hở và dồn dập như trước. Y gục gặc đầu mấy cái.

- Đáng lý ra cháu còn nói thêm nữa, vì trong cái bối cảnh lớn mà đôi mắt thẩm mỹ cháu ghi nhận còn có hình ảnh bà dì cháu, những đứa con trai, con gái trong gia đình ấy nữa.

Lão luật sư cũng gật đầu.

- Những người kia cũng không có gì đặc biệt lắm. Ở đâu cũng thấy, ở đâu cũng gặp những con người tương tự. Một gia đình giàu có rồi bị phá sản do con cái phá phách, do bệnh hoạn, do tai bay vạ gió... con cái hư hỏng, tù tội, trà đình tử điếm... Ô! Cái đó... cái đó...

Ông cậu lắc đầu mà không nói tiếp.

- Nhưng còn ni cô - còn gái út? Chàng họa sĩ đôi mắt chợt sáng quắc, hăm hở trở lại - Ít nhất đó cũng là màu xanh dịu dàng giữa cái đồ nát, một nét liễu cong mềm giữa những hình kỷ hà học, một niềm an ủi ngọt ngào, hiền từ và mát mẻ xiết bao giữa cuộc đời khô cháy và mệt mỏi này!

- Phải. Và như thế nghĩa là...

Lão luật sư bỏ lững câu nói, đưa mắt chăm chú nhìn chàng họa sĩ, trong mắt ông có cái gì ngời sáng và long lanh.

- Phải rồi. Cháu đã hiểu.

Chàng họa sĩ trả lời mà tâm trí như mơ màng ở tận đâu đâu.

- Về cái đẹp, cái xấu? Cái thiện, cái ác?

Ông luật sư dồn dập hỏi.

- Dạ!

Hai người lại im lặng.

Chàng họa sĩ miên man nói:

- Bên ngọn lá xanh có ngọn lá vàng chứ cần gì vẽ màu vàng trong ngọn lá xanh? Không cần vẽ sự điên đảo của biển và núi, vì chẳng có gì mà không hàm nghĩa điên đảo. Cậu ơi! Cháu ngạc nhiên cái sự vươn lên lẻ loi phô thắm của một cành hoa dại bên đám cỏ mọc lan tràn vô trật tự; sao cháu không nghĩ thêm rằng, trong đồ nát cũng hàm chứa sự sống hay là một phần của sự sống? Mà sự sống nào lại không mang trong chính nó sự thiện mỹ? Thiện mỹ nó ở nơi toàn thể nhưng không cá thể, toàn thể không hiện hữu. Và như thế, tuyệt đối cũng ở nơi cảnh mai đẹp tương đối này, nơi cái “chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” này. Nó vừa là nhân vừa là quả. Nó đầy đủ ba đời. Đầy đủ cho chính nó.

Nói ngang đây, chàng họa sĩ quay qua luật sư già:

- Hòa thượng Không Như điếm đạo cho lão làm vườn như thế nào hả cậu?

Chàng họa sĩ chợt nhiên hỏi lạc qua ý khác, lão luật sư cũng trả lời xa xôi:

- Cây cọ của con bắt lực trước cái vô hạn thì cây kiểem của tục khách kia cũng trở thành vô dụng trước thiên gia. Lão làm vườn dĩ nhiên là “giác ngộ cái sự đời” thâm hậu hơn con chứ?

Nói xong, ông luật sư già cười cười trong mắt. Chàng họa sĩ cất tiếng “ồ” rồi im lặng.

- Bây giờ cây cọ của con đâu?

- Cháu bỏ rồi cậu ạ!

Trả lời xong, người họa sĩ cười, tiếp:

- Có lẽ cháu phải bỏ một thời gian.

Lão luật sư cất tiếng hỏi hờ hững:

- Con có ý định vẽ lại không?

- Dạ, có! Có thể! Vẽ cũng được chứ không sao cả.

Y đưa mắt nhìn thoáng mấy bức tranh. Lão luật sư hỏi:

- Nhân quan, trường phái và quan niệm?

- Không. Hoàn toàn không nhân quan, không trường phái, không quan niệm.

- Vậy thì sao nhỉ? Có một thẩm mỹ quan vượt thoát ra ngoài tất cả mọi thẩm mỹ quan sao?

Lão luật sư chăm chú nhìn người họa sĩ.

Y gật đầu một cách mạnh mẽ:

- Dạ. Có chứ! Ưu nhân mai thì cháu vẽ nhân mai, đúng hình dáng, góc cạnh, sắc độ trong không-thời-gian mà “nó là”, rồi đề dưới là “nhân mai”. Ưu bụi trúc thì cháu vẽ bụi trúc, đúng hình dáng và sắc độ trong không-thời-gian mà “nó là”, rồi đề dưới “bụi trúc”. Thế thôi. Đây là thẩm mỹ quan của cháu, không nói “trong”, không nói “ngoài”, không nói “tại”, không nói “xuất”.

- Đơn giản nhỉ!

- Dạ! Đơn giản!

Cả hai cùng cười xòa. Ông luật sư già định đưa tay chỉ mảnh trăng sơ huyền đang treo lơ lửng giữa bầu trời rồi nói: “Con thấy đó. Trăng thì có khi tròn, khi khuyết; trời thì có khi nắng, khi mưa; xã hội thì có khi suy, khi thịnh... Tất cả đều diễn tiến một cách sinh động như nó “đang là”, luôn luôn trọn vẹn với chính nó...” Nhưng rồi chợt nghĩ, nếu nói vậy thì thừa thãi, nhạt nhẽo và vô duyên quá, lại thôi. Vô tình khi ấy, chàng họa sĩ cũng đưa mắt nhìn mảnh trăng sơ huyền, y mới chợt nhớ ra là trời đã tối, bèn đứng dậy...

---o0o---

**HẾT**